

Dương Thu Ái
Nguyễn Kim Hanh

Minh
Triết

Phương
Đông

TRÍ
TUỆ
CỦA
NGƯỜI
XƯA

CỔ HỌC
KỶ THU



SBOOKS

vh NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI XƯA

In theo bản in của
Nhà xuất bản Hải Phòng, 1996

LỜI ĐẦU SÁCH

Tôi đã từng được đọc một bài tản văn tên gọi là “Con đường”, trong đó có một đoạn viết:

" ... Có một nhà hiền triết đã bảo tôi rằng: Ở trên thế gian này, có một con đường vĩnh viễn không có điểm cuối cùng ở đó có nguồn gốc của mọi sự sung sướng.

Tôi đã chập chững bắt đầu bước vào con đường vô cùng kỳ dị đó.

Ở đây, có các phẩm vật chứa đầy dinh dưỡng quý giá đã trao tặng cho tôi.

Ở đây, nơi nơi đều mọc những cây thuốc chữa khỏi mọi vết thương và tật bệnh hiểm nghèo.

Ở đây, đã chứa đựng vàng bạc, châu báu, ngọc ngà vô cùng, vô tận.

Ở đây, mọi kỳ quan tráng lệ với trăm dáng ngàn vẻ của thiên nhiên đã bày ra trước mắt tôi. Tôi không có tiền lộ phí, mà vẫn có thể rong chơi chiêm ngưỡng mọi danh lam thắng cảnh. Tôi không có hộ chiếu mà vẫn được vào ra bất kỳ một đất nước xa lạ nào.

Ở đây, mỗi con người đều đón chào tôi, tiếp nhận sự kiểm duyệt của tôi; hơn thế, họ còn bày tỏ cho tôi biết những linh hồn trong sáng trần trụi, bộc bạch và chân thật!

Trời ơi, trong mọi kỳ tích mà nhân loại đã sáng tạo ra - những kỳ tích phức tạp nhất, vĩ đại nhất - đó là những cung điện tư tưởng vô cùng lộng lẫy, sặc sỡ, dị kỳ... đang đứng sừng sững trước mắt tôi. Chúng đã phát ra muôn ngàn ánh hào quang đủ mọi màu sắc, đó là những ánh sáng huy hoàng tráng lệ đã thuộc về quá khứ, lại thuộc về hiện tại, cũng thuộc về tương lai. Những khái niệm trừu tượng ở đây đã biến thành có thanh, có sắc; những lịch sử xa xôi, ở đây đã lần lượt diễn lại trước mắt; những

huyền tưởng li kỳ, ở đây được nhanh chóng không cho phép chậm trễ, đã biến thành hiện thực.

Ở đây, cũng có gió giông bão giạt, mưa sấm hãi hùng; cũng có những chặng giới tuyến khó có thể vượt qua; cũng có những đỉnh núi cao chót vót không thể trèo nổi; cũng có những khu rừng nguyên thủy rất dễ bị lạc đường; cũng có rất nhiều những con hồ dữ chặn lối... Thế nhưng nếu bạn muốn khiến cho cuộc sống của mình càng có ý nghĩa, càng có giá trị; thế thì, xin bạn chớ có chần chừ, chớ có sợ sệt, trăm nghìn trắc trở, vạn mối hiểm nguy cũng không thể khiến cho bạn sờn lòng nản chí mà hăng hái vững bước tiến lên.

Thế gian - con đường này không có chỗ tận cùng.

Nguồn gốc của mọi sự sung sướng - trí tuệ của nhân loại đang bày ra trước mắt bạn, ở bên cạnh bạn đó kìa ... !

Thưa độc giả kính mến!

Xin cho phép tôi được trải ra một con đường như thế - một con đường bước tới cung điện của tri thức. Mỗi một con chữ trong bộ sách “Kho tàng TRUYỆN TRÍ TUỆ nhân loại này đều giống như một hòn đá rải trên con đường này!

Khi bạn đi trên con đường này, bạn sẽ thể nghiệm được năng lực phán đoán, phân tích và năng lực phát minh sáng tạo phi phàm của các nhân vật thông minh giàu trí tuệ, sẽ giúp cho bạn những gợi mở vô cùng có ích. Bạn cứ đi đi, đi đi, bỗng nhiên bạn sẽ có thể nhìn thấy một cung điện tri thức huy hoàng tráng lệ, xây bằng những viên đá kim cương đầy ắp ánh hào quang lộng lẫy muôn màu. Tuy bạn nhìn thấy cánh cửa của cung điện ấy đang khóa chặt im ỉm, thế nhưng bạn có thể cảm nhận được, trong tay bạn đã xuất hiện một chiếc chìa khóa vàng óng ánh rực rỡ, bạn có thể bước vào trong đó được - nếu như bạn có thể lĩnh hội được phương pháp và kỹ xảo tư duy của các nhân vật thông minh, giàu trí tuệ đó.

Tôi mong muốn mỗi vị độc giả đều có sự thông minh định ngộ như vậy, đều có thể đoạt được một chiếc chìa khóa vàng để mở toang cánh cửa của cung điện tri thức này. Và, một khi bạn đã mở được cánh cửa đó thì bạn sẽ

giống như anh chàng Alibaba nghèo khổ, đã sung sướng đến phát điên, phát cuồng lên, khi được bước vào hang động thần bí chứa đầy vàng bạc, châu báu, ngọc ngà ...

Tôi cũng đã từng được bước vào những hang động thần bí chứa đầy vàng bạc, châu báu, ngọc ngà... đến lóa mắt đó, ấy chính là những thư viện chứa đầy sách để giúp tôi biên soạn nên tuyển tập này. Những “Viên đá rải đường” ở trên con đường này chính là những trang sách được gia công tỉ mỉ mà tôi đã đào bới được từ trong những thư viện đó.

Trong quá trình biên soạn bộ sách này, chắc chắn sẽ còn nhiều, rất nhiều những thiếu sót đáng kể và đáng tiếc! Kính mong các bậc tiên sinh, các bậc học giả uyên thâm viễn kiến, cùng các độc giả xa gần lượng thứ và chỉ bảo. Tôi xin chân thành cảm tạ nhiều nhiều!

Tôi tự cho rằng con đường mà tôi trải ra này đã được thiết kế tỉ mỉ, nhưng ngọc còn có vết, tôi hiểu biết còn nông cạn, tránh sao khỏi lỗi lầm. Nào, xin thưa cùng độc giả, chúng ta hãy cùng nhau đi đi lại lại nhiều lần trên con đường này, chắc chắn chúng ta sẽ thu được nhiều lợi ích ...

Thưa độc giả kính mến!

Trí tuệ của nhân loại đang bày ra trước mắt các bạn ở trong những trang sau.

Hà Nội, tháng 7 năm 1995

Soạn giả

DƯƠNG THU ÁI

PHẦN I
TRÍ TUỆ NGƯỜI Á CHÂU

TRUNG QUỐC
THỜI XUÂN THU CHIẾN QUỐC

1. TIÊU PHU DỰ ĐỊCH

Vào năm 700 trước Công nguyên, tại ngoài cửa nam đô thành nước Giảo. Dưới chân thành, cờ chiến phần phật tung bay, gươm giáo lấp lánh, mũ sắt nhấp nhô, áo giáp cuồn cuộn. Đại quân của nước Sở tiến ào ạt vào đánh phá nước Giảo thế còn lớn mạnh hơn “Mây đen ép thành, thành phải đổ”.

Thế nhưng, tường thành nguy nga kiên cố, trên thành canh giữ nghiêm ngặt suốt ngày đêm, nhất thời không thể nào tiến công vào được. Sở Vũ Vương không biết cách xoay xử ra sao, liền triệu tập hết quan văn tướng võ lại để thương nghị mưu lược đánh thành.

Có một viên quan tên gọi Khuất Hà nói với vua Sở:

Nghe nói Quốc Vương nước Giảo từ trước chỉ làm việc bôi bác, chẳng có mưu lược, lại chẳng biết nghe người trung trực bảo khuyên. Thần trộm nghĩ, lần tranh đấu này chỉ có thể dùng mưu trí để đoạt lấy, quyết không thể cứng nhắc tấn công được.

Sở Vũ Vương nói:

- Như thế là dùng trí để đoạt?

Khuất Hà trình bày mưu kế phải làm như thế, như thế... Sở Vũ Vương nghe xong mừng lắm, lập tức hạ lệnh cho các tướng sĩ cứ theo kế mà làm.

Ngày hôm sau, trời vừa sáng, một số binh sĩ trong quân Sở đã cởi bỏ quần áo lính, để đi lên ngoài cửa Bắc để chặt củi. Bọn lính gác ở trên thành nhìn thấy rõ ràng, vội báo cáo với Quốc vương.

Vua nước Giảo hạ lệnh nói:

- Mau mau sai lính đi bắt hết bọn tiêu phu nước Sở về đây!

Thế là một đoàn kỵ binh từ cửa Bắc xông ra nhanh như chớp điện đã tới chân núi, bắt sống được 30 người nước Sở.

Ngày thứ ba, vua Sở lại cử số tiều phu đi chặt củi càng đông hơn.

Sau khi Quốc vương nước Giảo được tin, nói:

- Lần này phải cử số binh sĩ đông hơn, đi bắt hết chúng về cho ta.

Một mưu sĩ quỳ xuống can rằng:

Tâu đại vương, thần nghĩ rằng ta không thể khinh suất, manh động được!

Quốc vương quát hỏi:

- Vì có gì?

Mưu sĩ nói:

- Ngày hôm qua chúng ta đã khinh thường mù quáng bắt về 30 người Sở, ngày hôm nay chúng vẫn cử tiều phu đi, vậy mà vẫn không sai binh lính đi hộ vệ. Số tiều phu này liệu có phải là miếng mồi ngon để nhử ta không?

Quốc vương giận dữ nói:

- Mồi ngon mới lại chẳng mồi ngon! Đã là người phải ăn cơm. Nấu cơm thì cần phải có củi lửa. Chúng không lên núi chặt củi, có lẽ nào chúng tự chặt chân mình làm củi nấu cơm hay sao? Còn đối với việc chúng không cử lính đi bảo vệ thì đó là điều thất sách của bọn chúng. Quân lính hùng hậu của địch ở cửa Nam, chúng ta cần phải làm ra vẻ có quân đội phòng giữ cửa Nam, nhưng sẽ bí mật điều binh lên cửa Bắc, có một đội cung kích đột nhiên tới bắt hết toàn bộ số tiều phu ở trên núi, phải cho chúng biết sự lợi hại của chúng ta.

Mưu sĩ còn muốn nói điều gì nữa, nhưng Quốc vương đã xua tay cho lui, phát ngay cờ lệnh, điều binh khiên tướng.

Quân nước Giảo xong tới cửa Bắc, đi tới chân núi bỗng nghe thấy tiếng chiêng thúc trống dồn, bốn bề vang lên tiếng “Giết”. Đội quân mai phục, nguy trang khéo léo, chẳng ai có thể nhận ra, từ đất chui lên đông như kiến cỏ. Một trận hỗn chiến kinh hoàng làm cho chim trời phải kinh, thú rừng phải sợ. Quân Giảo bị nhốt trong vòng vây dày đặc, với muôn tiếng gào: “Giết! Giết!”. Từng tên, từng tên giã giụa trong bãi máu.

Vậy là quân Sở đã đánh được nước Giảo.

Vua nước Giảo đã phải ký hiệp ước đầu hàng, chấp nhận làm chư hầu của nước Sở!

2. DỪNG TRÍ QUA KHE QUỶ KHÓC

Sau khi Quản Trọng nhậm chức tướng quốc nước Tề, đã thi hành một loạt chính sách hữu hiệu, khiến nước Tề ngày càng cường thịnh. Vua nước Tề là Tề Hoàn Công được các nước chư hầu tiến cử làm minh chủ. Thị tộc Sơn Tuất ở phía bắc nước Tề ngang nhiên đánh nước Yến là nước đã lập ước đồng minh với Tề, hòng làm suy yếu thế lực của nước Tề. Vua nước Yến đích thân soái lĩnh hai vạn tướng sĩ xuất chinh, nhưng tại nơi có tên khe Quỷ Khóc đã trúng phải mai phục của Mật Lô là thủ lĩnh nước Lệnh Chi thuộc bộ lạc Sơn Tuất, chỉ chạy thoát được hơn ngàn người. Tiếp đó, Sơn Tuất đã cướp liền ba thành. Nước Yến phải vội vàng sai sứ giả sang nước Tề xin cứu viện. Tức thì Tề Hoàn Công đã dẫn đại quân năm vạn kéo tới nước Yến.

Vua nước Vô Chung cũng sai đại tướng Hồ Nhi Ban dẫn hai vạn quân tới trợ chiến. Hồ Nhi Ban được Quản Trọng phong làm Tiên phong tướng quân đã thu phục về được cho nước Yên liền ba tòa thành. Thế nhưng khi đánh tới một vùng có tên gọi là Lý Cương thì không dám tiến quân nữa. Hồ Nhi Ban nói với Tề Hoàn Công và Quản Trọng:

- Trước mặt là khe Quỷ Khóc, nếu Sơn Tuất bố trí quân mai phục thì cho dù ta có mọc cánh cũng đừng hòng thoát qua được. Hai vạn đại quân của nước Vô Chung sẽ vùi thân ở nơi đó mất thôi!

Trên đường đi, Quản Trọng đã sớm nghĩ tới mưu kế để vượt qua khe Quỷ Khóc, lúc này ông đã nói với Hồ Nhi Ban:

- Tướng quân đã có mối lo lắng như thế thì xin tướng quân rút xuống sau cùng của đại quân. Cho dù khe Quỷ Khóc hiểm yếu đến mấy chúng ta vẫn có thể vượt qua được. Nếu ngay đến khe Quỷ Khóc mà chúng ta cũng chẳng dám qua thì làm sao có thể bình được thiên hạ? - Quản Trọng nói rồi

rút lệnh bài ra, tiếp - Nè hai tướng Vương Tử Thành Phụ và Triệu Xuyên! Hai tướng hãy xông tới đầu, tiền quân làm theo đúng lệnh bài, chuẩn bị cho thật tốt, sáng sớm ngày mai qua khe Quỷ Khóc!

Vương Tử Thành Phụ và Triệu Xuyên nhận lệnh bài rồi lên xe, ra đi.

Ngày hôm sau, trời vừa sáng, từng chiến xe chiến tiến đến khe Quỷ Khóc. Chỉ nhìn thấy mồm ngựa bị lưới trùm kín; trên các bánh xe chiến buộc vỏ đay, những âm thanh phát ra rất nhỏ. Các tướng sĩ đứng trên chiến xa thì khoác áo giáp, tay cầm kích, tỏ ra vô cùng cao lớn. Cờ chiến của nước Tề được gió trong khe thổi tới phát ra những tiếng kêu phần phật.

Lúc này, thủ lĩnh Mật Lô của nước Lệnh Chi Sơn Tuất đã xuất hiện ở trên đầu núi của khe Quỷ Khóc, trong tay Mật Lô cầm chiếc cờ có chữ “Lệnh” màu vàng, mắt chú ý nhìn xuống đáy khe. Thấy quân Tề đã bước vào trận địa mai phục của mình, Mật Lô vẫy cờ vàng, hét “Đánh!”. Lập tức cung tên, đất đá, gỗ cây cùng ném xuống. Có tảng đá ném trúng tướng sĩ quân Tề, có khúc gỗ lao nát chiến xa của họ, có mũi tên bắn gãy cán cờ lớn có chữ “Tề”.

Mật Lô vung gậy răng sói từ trên núi lao xuống. Mật Lô xông tới trước mặt một tướng Tề, trên thân đã cắm đầy cung tên, vẫn đứng oai nghiêm bất động trên chiến xa, rồi vung gậy răng sói vụt trúng vào đầu tên tướng Tề này. Chỉ thấy tiếng kêu “bộp” làm gãy đôi đầu của viên tướng Tề. Chú ý nhìn kỹ thì đó là một khúc gỗ thân khoác áo giáp sắt. Mật Lô biết mình trúng kế liên kinh hoàng thất sắc.

Lúc này tiếng trống nổi lên âm vang. Mật Lô nghe tiếng, quay đầu lại, đã nhìn thấy kiêu tướng của nước Tề là Vương Tử Thành Phụ và Triệu Xuyên dẫn quân xông thẳng tới.

Mật Lô hét lên một tiếng to, múa gậy răng sói, nghênh chiến. Mật Lô nhìn thấy đằng xa có một người thân hình cao lớn đứng trên chiến xa quan sát hai toán quân đánh nhau, đoán chắc đó là Quản Trọng, tướng quốc của nước Tề, liền lao thẳng tới chỗ người đó khí thế ào ạt, quân Tề không ai có thể chống cự. Trong giây lát, Mật Lô đã đánh tới trước mặt Quản Trọng. Nói thì chậm, nhưng việc xảy ra rất nhanh, từ đằng sau chiến xa mười mũi

tên cùng bắn. Mật Lô hét lên một tiếng rồi ngã xuống đất. Một viên đại tướng dưới trướng xông vào vòng vây trùng điệp liều mình lao vào cứu, mới cướp được Mật Lê đã bị thương rồi trốn sang nước Cô Trúc thuộc một bộ lạc khác của Sơn Tuất.

Và như vậy, Quân Trọng đã dùng trí khe Quỷ Khóc giải vây cho nước Yến.

3. HỒI TRỐNG ĐÀU

Vào năm 684 trước Công nguyên, nước Tề cất binh tới đánh nước Lỗ. Tướng Tề là Bào Thúc Nha dẫn quân đánh thẳng tới Trường Chước của nước Lỗ.

Ở nước Lỗ có một người tinh thông binh pháp tên gọi Tào Quệ, nghe nói Lỗ Trang Công đang chuẩn bị đánh lại quân Tề, liền chủ động xin được tham gia chiến đấu.

Sau khi Lỗ Trang Công gặp Tào Quệ thì cảm thấy ông ta là một người rất có mưu trí, liền cùng ông ta dẫn đại quân tới Trường Chước nghênh địch.

Tại một nơi ở Trường Chước, hai cánh quân Tề - Lỗ đã gặp nhau.

Tướng nước Tề là Bào Thúc Nha khinh thường quân Lỗ, liền hạ lệnh đánh trống tiến quân.

Lỗ Trang Công nghe thấy tiếng trống của đối phương vang trời dậy đất, cũng chuẩn bị thúc trống đối địch.

Tào Quệ ngăn cản, nói:

Hãy chờ một lát! - rồi truyền lệnh cho quân lính - Nếu ai làm huyên náo, chém đầu! - chỉ bắt các tay cung nỏ giữ chắc trận địa. Không cho phép loạn động.

Quân nước Tề xông vào trận địa quân Lỗ, nhưng trận địa quân Lỗ vẫn kiên cố như một chiếc thùng thếp, không thể làm gì được, đành phải thoái lui. Một lát sau, quân Tề lại thúc một hồi trống trận, nhưng quân Lỗ vẫn như mọc rễ, không hề động tĩnh, quân Tề lại rút lui.

Khi quân Tề thúc hồi trống trận lần thứ ba, Tào Quệ mới nói với Lỗ Trang Công:

- Bây giờ có thể tiến công được rồi đó!

Lúc này, nghe tiếng trống trận của quân Lỗ vừa nổi lên, đồng thời hạ lệnh xông lên chém giết, các tướng sĩ quân Lỗ “ào” tới với thế nhanh như điện giật không kịp che tai, xốc tới chém giết làm cho toàn tuyến quân Tề tan nát, bỏ chạy tán loạn.

Lỗ Trang Công đang muốn hạ lệnh truy kích, nhưng Tào Quệ đã ngăn lại nói:

- Khoan đã! Hãy để cho thần nhìn xem, rồi sẽ nói sau!

Tào Quệ đứng trên xe trận, với tay vén rèm nhìn khắp lượt, rồi nhảy xuống xe quan sát tỉ mỉ dấu vết của bánh xe quân Tề lăn trên mặt đất, mới nhảy lên xe, nói:

- Bây giờ thì có thể truy kích được rồi đó!

Trang Công hạ lệnh đuổi theo tống cổ toàn bộ quân Tề ra khỏi biên giới nước Lỗ, còn thu được rất nhiều binh khí và xe ngựa của quân địch.

Đánh trận xong, Lỗ Trang Công hỏi vì sao Tào Quệ lại chỉ huy như vậy.

Tào Quệ nói:

Việc đánh trận chủ yếu phải dựa vào dũng khí của quân lính. Khi đánh lên hồi trống thứ nhất, dũng khí của binh sĩ rất hăng hái, nếu lúc này không giao phong, lại tới khi thúc trống lần thứ hai thì dũng khí đã có chút suy giảm. Đến hồi trống thứ ba tiếng trống có rộn rã đến mức nào cũng không thể cổ vũ được khí thế như lần đầu nữa. Khi dũng khí của chúng đã tiêu tán thì hồi trống thứ nhất của chúng ta khí thế đang hăng hái, chí chiến đấu sôi trào, làm sao lại không chiến thắng chúng cho được?

- Nói có lý! Có lý!

Lỗ Trang Công lại hỏi tiếp:

Quân Tề đã bị quân ta đánh bại, tại sao người lại không để cho quân lính lập tức đuổi theo? Tào Quệ nói:

- Nước Tề là một quốc gia lớn. Bào Thúc Nha lại là một danh tướng, không thể xem thường, chưa chừng việc chạy trốn của chúng là mưu mẹo, phía trước có quân mai phục. Khi thần xuống xe nhìn thấy các dấu vết bánh

xe của chúng hỗn loạn cờ xí cũng vất bỏ lại, đoán chắc là chúng thất bại thực sự. Lúc này mới yên tâm truy kích chúng được!

Lỗ Trang Công khen ngợi nói:

- Nhà người quả thật là tinh thông quân sự!

4. CHÚC CHI VŨ LUI QUÂN TẦN

Năm 630 trước Công nguyên, nước Tần và nước Tấn hợp nhau lại tiến vào đánh nước Trịnh. Quân Tần đóng quân ở phía Đông đô thành nước Trịnh, quân Tấn đóng quân ở phía Tây đô thành nước Trịnh. Trong những vòng vây trùng trùng điệp điệp, vua nước Trịnh - Trịnh Văn công đã nhiều đêm triệu tập bách quan văn võ đến để bàn bạc đối sách.

Có một vị đại thần nói:

- Đối mặt với thế đánh khép gọng kìm bên trái và bên phải của hai nước lớn mạnh, sự nguy hiểm của nước ta đã tính từng ngày từng đêm! Thế nhưng, chỉ cần chúng ta có thể thuyết phục quân Tần lui binh thì địch thủ chỉ còn lại có một nước Tấn, như vậy thì nước ta mới có thể thoát vòng nguy hiểm được!

Trịnh Văn Công vội vã hỏi người đó:

- Người bảo ai có thể khuyên Tần lui quân được? Người đó tiến cử, nói:
- Quan đại phu Chúc Chi Vũ có thể.

Trịnh Văn công nói to:

- Cho mời Chúc Chi Vũ!

Chúc Chi Vũ đầu tóc bạc phơ vào bái kiến Trịnh Văn Công. Với sự yêu cầu nhiệt tình khẩn thiết của Trịnh Văn Công, Chúc Chi Vũ đã đồng ý tới chỗ quân Tần để du thuyết.

Nửa đêm, bầu trời tối đen ngòm. Tại phía đông thành, Trịnh Văn Công đã đích thân tiễn Chúc Chi Vũ lên đỉnh lầu thành. Người ra lệnh cho binh lính đem đến một chiếc sọt lớn, bảo Chúc Chi Vũ ngồi vào trong sọt đó, ở bên trên dùng thừng buộc, rồi từ từ thả Chúc Chi Vũ xuống dưới chân tường phía ngoài thành.

Chúc Chi Vũ lén lút lên vào trong doanh trại quân Tần, vừa nhìn thấy Tần Mục Công đã khóc rống lên thương tâm, thảm thiết.

Tần Mục Công quát:

- Người là kẻ nào? Nửa đêm canh khuya đến đây khóc vì cơn cố gì

Chúc Chi Vũ nói:

- Thần là quan đại phu Chúc Chi Vũ của nước Trịnh, đang khóc vì nước Trịnh của thần sắp bị tiêu diệt rồi!

Tần Mục Công nói:

- Điều có can hệ gì tới quân doanh của chúng ta mà tới đây khóc lóc hử?

Chúc Chi Vũ nói:

- Thần cũng tới đây để khóc thay cho nước Tần của bệ hạ nữa!

- Người nói thế là có ý gì? - Tần Mục Công thấy lạ lòng liền tò mò hỏi - Nước Tần chúng ta sắp tiêu diệt nước Trịnh các người rồi. Ta cần gì người đến đây khóc lóc cho nước Tần chúng ta?

Chúc Chi Vũ nói:

Đất đai của nước Trịnh chúng tôi chẳng có liên quan gì tới quý quốc cả. Chúng tôi ở phía Đông các vị ở phía Tây, ở giữa cách nước Tấn. Cho nên, sau khi nước chúng tôi bị tiêu diệt, chỉ có thể bị nước Tấn chiếm lĩnh. Lúc đó, nước Tấn sẽ hùng mạnh hơn trước, mà quý quốc cũng sẽ tỏ ra tương đối yếu hơn nước Tấn. Đánh trận giúp cho người khác chiếm đất, cuối cùng lại khoanh tay biểu cho người ta, tính toán như vậy liệu có hợp lý không? Lại nói, dã tâm xâm lược của nước Tấn đâu có thể thỏa mãn ngay được. Ở phía Đông, chúng đã tiêu diệt được nước Trịnh, có lẽ nào chúng không nghĩ cách khuếch trương bành trướng sang nước Tần ở phía Tây?

Tần Mục Công trầm tư một lát, nói:

- Người đã nói đúng!

Chúc Chi Vũ tiếp:

- Bệ hạ nếu có thể chịu giải trừ sự bao vây đối với nước Trịnh, từ đây nước Trịnh chúng tôi nhất định một lòng hướng về quý quốc, làm một người chủ của con đường phía Đông. Khi các sứ giả của quý quốc qua lại trên con đường phía Đông, nước Trịnh nhất định xin làm trọn hết trách

nhiệm của người chủ, chiêu đãi chu đáo các vị khách quý. Điều đó đối với các vị không có chút nào bất lợi cả.

Tần Mục Công lập tức bằng lòng lui quân. Hơn thế, còn cùng Chúc Chi Vũ uống máu ăn thề, kết thành tình nghĩa. Quân Tần lặng lẽ rút các tướng lĩnh binh lính về nước, lại còn để lại ba vị tướng quân như Kỳ Tử... dẫn hai ngàn lính Tần giữ thành giúp cho nước Trịnh.

Tấn Văn Công ở nước Tấn nhìn thấy Tần Mục Công không chào mà rút, cũng đành phải hạ lệnh rút quân.

5. SỨ GIẢ KHAO QUÂN

Tháng 12 năm 628 trước Công nguyên, các tướng lĩnh của nước Tần là Mạnh Minh Thị; Tây Khuất Thuật và Bạch Ất Bính dẫn quân đội xuất phát từ Đô Thành, chuẩn bị đánh nước Trịnh.

Vốn là mùa đông năm đó, Kỷ Tử - sứ giả của nước Tần trú ở nước Trịnh đã trộm sai người về báo tin với Tần Mục Công nói rằng:

- Trịnh Văn Công chết rồi. Thái tử Lan đã lên ngôi vua. Người nước Trịnh đã để cho Thần quản lý, nắm giữ cửa Bắc. Nếu đại vương mau chóng sai quân đội tới đánh trộm vào cửa Bắc nước Trịnh, thần sẽ bí mật mở cửa thành ra, nhất định sẽ tiêu diệt được nước Trịnh rất mau chóng. Nghe nói Tấn Văn Công cũng vừa tạ thế, nước Tấn không thể vứt bỏ thi thể của Quốc vương họ đấy mà đi giúp đỡ nước Trịnh được. Hiện tại quả là cơ hội tốt nhất đó.

Tần Mục Công chẳng đoái hoài, coi trọng sự phản đối của Bách Lý Hề và Kiến Thúc, đã thật sự phát binh tiến đánh nước Trịnh.

Rất nhanh chóng quân Tần đã vượt qua Hào Sơn của nước Tấn. Tháng ba năm sau tiến sâu vào biên giới của nước Hoạt - một nước nhỏ thời Xuân Thu.

Sáng sớm một hôm, đội ngũ đang sắp sửa khởi hành bỗng nhiên có một binh sĩ tiên phong chạy lại báo cáo với Mạnh Minh Thị rằng:

- Thừa tướng quân, có sứ giả của nước Trịnh xin gặp.

Mạnh Minh Thị kinh hoàng nói:

- Tại sao nước Trịnh lại biết được quân ta tới đây nhanh đến thế mà cử sứ giả từ xa tới tiếp? Được, trước hết phải xem ý của chúng tới để làm gì? - Tức thì hạ lệnh cho tiếp kiến sứ giả của nước Trịnh.

Bước tới là một người dáng lùn tè, diện mạo chẳng có gì đặc sắc. Kỳ thực đó chỉ là một tên lái trâu của nước Trịnh chứ chẳng phải sứ giả nào hết.

Có điều là khi hãn buôn trâu ở nước Hoạt, nghe nói quân Tần sẽ đi qua nước Hoạt để tiến đánh nước Trịnh, người yêu nước thông minh mưu trí này đã sử dụng một hành động gan dạ: Người đó một mặt sai đưa làm thuê hỏa tặc về nước Trịnh báo tin, một mặt giả danh là quốc sứ đến để tìm cách ngăn chặn sự tiến công xâm lược của quân Tần.

Sau khi vái chào thi lễ Mạnh Minh Thị rồi, người đó đã tiến dâng 12 con bò và bốn bộ da trâu, nói:

- Tôi tên gọi là Huyền Cao, Quốc vương của chúng tôi nghe nói ba vị tướng quân sắp đi qua nước chúng tôi, nên đã sai tôi đem một chút lễ vật nhỏ mọn này hiến dâng lên các vị. Quốc vương tôi nói: Hân hạnh được biết quý quốc cử quân cử lính bảo vệ cửa Bắc, chúng tôi vô cùng cảm kích. Hiện nay quý quân đang dừng lại ở trên lãnh thổ chúng tôi một ngày, chúng tôi cũng cần phải cung ứng các vị cơm canh thịnh soạn, chúng tôi nhất định phải chịu trách nhiệm bảo vệ sự an toàn cho các vị.

Mạnh Minh Thị nghe Huyền Cao nói như vậy, cho rằng nước Trịnh đã sớm có sự chuẩn bị từ lâu rồi, nên đành phải tùy cơ ứng biến nói:

- Không phải chúng tôi tới quý quốc đâu, mà là tới để trừng trị nước Hoạt đó. Thôi ông cứ đi về đi!

Sau khi Huyền Cao ra đi, Mạnh Minh Thị nói với Tây Khuất Thuật và Bạch Ẩn Bính rằng:

- Chúng ta trộm qua biên giới của nước Tấn, xa cách nước mình có tới một ngàn dặm rồi. Nếu như lúc này đột nhiên tiến đánh nước Trịnh, trong và ngoài đánh khép gọng kìm, chiến thắng là điều chắc chắn. Thế nhưng bây giờ người ta đã sớm có chuẩn bị, vậy thì việc nội ứng cũng sợ rằng đã bị người ta phát hiện ra rồi. Trong tình hình như vậy, lại cứ cố đi đánh nước người ta, đối với chúng ta khẳng định là bất lợi. Chi bằng nhân lúc nước Hoạt không phòng bị, ta tiêu diệt chúng, đem chút của cải về bàn giao là xong!

Lại nói, Quốc vương mới của nước Trịnh là Trịnh Mục Công, sau khi nhận được tin tình báo của Huyền Cao cử người đưa tới, lập tức tới sứ quán nước Tần thăm viếng, phát hiện sứ giả của nước Tấn quả nhiên đang chính

lý binh khí, thu xếp hành lý, liền lập tức trực xuất đuổi ra khỏi đất nước, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng nghiêng chiến. Có điều là, quân Tần chưa dám tới, sau khi đánh xong nước Hoạt, đã cướp được một số ít của cải rồi kéo nhau qua Hào Sơn của nước Tấn đã vấp phải phục kích của quân Tấn, toàn quân đã bị tiêu diệt.

Ba tướng của nước Tấn là Mạnh Minh Thị, Tây Khuất Thuật và Bạch Ất Bính cũng đều bị bắt sống cả!

6. ƯU MẠNH KHÓC NGỰA

Sở Trang Vương nuôi rất nhiều loại ngựa. Trong đó có một con ngựa mà người yêu quý nhất, đã cho mặc áo gấm đủ năm màu lộng lẫy, nuôi ở trong một căn nhà phú quý đoàng hoàng, đem toàn những táo khô vổ để ngựa ăn. Thế nhưng thật đáng tiếc, con ngựa này càng ngày béo bệu, hưởng phúc chẳng được bao lâu, chân bị liệt rồi chết.

Lúc này, Sở Trang Vương thương xót biết bao, liền hạ lệnh cho quan đại thần, nói:

- Các người hãy mau mau đi tìm lấy chiếc quan tài tốt nhất trong thiên hạ để đặt ngựa vào trong, bên ngoài phải đặt một chiếc quách tốt nữa. Hơn thế, còn phải dùng nghi lễ chôn cất quan đại phu để mai táng cho ngựa.

Có một vị đại thần can gián rằng:

- Muôn tâu Đại vương, làm sao lại có thể dùng nghi lễ của đại quan áp đặt lên thân súc sinh cho được? Sở Trang Vương sa sầm nét mặt nói:

- Kẻ nào lại dám tới khuyên ta không được hậu táng cho ngựa nữa thì sẽ giết chết kẻ đó!

Từng vị quan đại thần đều co thụt cổ, không ai dám ho he, nói năng gì nữa.

Lúc này, một diễn viên của cung đình tên gọi là Ưu Mạnh, khóc rống thất thanh! Sở Trang Vương cảm thấy kỳ quái, hỏi:

- Người khóc cái gì thế?

- Dạ muôn tâu! Thần khóc ngựa đó ạ! - Ưu Mạnh vừa khóc vừa kể lể - Con ngựa này là con ngựa mà Quốc vương ta yêu quý nhất! Chúng ta đường đường là nước Sở, có việc gì không thể làm được nào? Chỉ dùng nghi lễ quan đại phu để mai táng cho ngựa như vậy là còn quá phụ lòng với ngựa. Thần trộm nghĩ phải nên dùng nghi lễ của Quốc vương để mai táng ngựa mới phải.

Sở Trang Vương hỏi:

- Tại sao lại dùng nghi lễ Quốc vương để mai táng cho ngựa?

Ưu Mạnh trả lời:

- Thần cầu xin bệ hạ hãy dùng ngọc điêu khắc hoa văn để làm quan tài, bên ngoài lại dùng quách lớn làm bằng gỗ thị có hoa văn đục lên, sai binh lính đào hố to, bắt trăm họ vận chuyển. Những tế phẩm cúng ngựa phải là đồ thượng đẳng nhất. Lại còn phải mời sứ giả các nước đến để truy điệu ngựa. Các nước chư hầu nghe được sự việc này thì sẽ đều biết được Đại vương coi nhẹ con người mà coi trọng loài ngựa!

Sở Trang Vương nghe hết câu cuối cùng mới hiểu rõ, Ưu Mạnh đâu phải tới để khóc ngựa mà dùng những lời lẽ bóng gió để khuyên Sở Trang Vương không được quá coi trọng ngựa. Trang Vương đã cảm thấy sai rồi, thở dài một hơi, nói:

- Có lẽ nào sai lầm của ta lại có thể nghiêm trọng được đến mức như vậy ư? Người cảm thấy nên xử lý con ngựa này như thế nào cho phải?

Ưu Mạnh nói:

- Xin Đại vương cứ coi con ngựa này giống lục súc để mai táng. Đào một cái bếp ở trên đất làm vỏ ngoài của quan tài gỗ. Dùng đỉnh lớn đúc thành đồng để làm quan tài. Dùng gừng, táo, gạo nếp làm đồ cúng. Dùng lửa lớn nướng chín ninh nhừ. Cuối cùng mai táng ngựa vào trong dạ bụng của mọi người. Đó chính là biện pháp xử lý tốt nhất.

Sở Trang Vương nghe hết lời của Ưu Mạnh, gọi ngay tên đầu bếp đem thịt ngựa nướng lên thơm phức rồi chia đều cho mọi người cùng ăn.

7. GIÚP TRẦU GIÃM LÚA

Sở Trang Vương ngồi trên bảo tháp cao chót vót tiếp nhận các lễ vật dâng cống của Văn Võ đại thần. Tiếng âm nhạc ngọt ngào, những điệu múa hân hoan khoái lạc cũng được dâng hiến. Sở Trang Vương đã mê say.

Trước đó mấy hôm, Trần là nước liên minh với Sở đã phát sinh ra nội loạn. Trần Linh Công đã bị quan đại thần là Hạ Chính Thư giết chết. Mấy quan đại thần của nước Trần trốn sang nước Sở, cầu xin Sở Trang Vương dẹp nội loạn giúp cho nước Trần. Sở Trang Vương liền cầm ngọn cờ chủ trì chính nghĩa, dẫn đại quân tới diệt nội loạn nước Trần, rồi đổi nó thành một huyện của nước Sở.

Vậy là nước Sở, bản đồ của nước Sở lớn mạnh lại được mở rộng thêm.

Sở Trang Vương đang nghĩ ngợi một cách đặc ý thì có một dòng suy tư thiếu thoải mái lớn vồn ở trong óc: các vua thuộc quốc ở phương Nam và rất nhiều thủ lĩnh của các bộ tộc đều đã đến chúc mừng cả, các quan đại thần ở trong nước cũng đều đến dâng lễ vật cả. Có làm sao chỉ riêng quan đại phu Thân Thúc Thời không thấy mặt?

Đang nghĩ tới Thân Thúc Thời thì Thân Thúc Thời đã tới. Thì ra ông ta đi sứ nước Tề vừa mới về.

Thân Thúc Thời đã báo cáo tin tức khi tới nước Tề cho Sở Trang Vương nghe. Sở Trang Vương nghĩ, tiếp sau đó thì hẳn sẽ nhất định phải tỏ lời chúc mừng mới phải. Nào ngờ, trái hẳn lại, nửa câu cũng không nhắc tới. Sở Trang Vương giận dữ trách hỏi:

- Hạ Chính Thư nước Trần đã giết Trần Linh Công phạm tội tày trời, các chư hầu ở Trung Nguyên không một ai dám tới hỏi tội. Chỉ riêng có ta chủ trì chính nghĩa, giết chết Hạ Chính Thư, hơn thế lại làm cho đất nước ta tăng thêm rất nhiều ruộng đất. Có đại thần nào, có thuộc quốc nào không tới chúc mừng? Chỉ riêng người, chỉ hỏi một câu cũng không hỏi. Có lẽ nào ta làm như vậy là sai chăng?

Thân Thúc Thời thận trọng vái chào, rồi nói:

- Tâu bệ hạ! Không phải! Trong lòng thần đang nghĩ tới một vụ án mà chưa thể giải xét được, cho nên chưa thể nói được điều gì khác.

Sở Trang Vương tò mò hỏi:

- Vụ án gì cơ?

Thân Thúc Thời nói:

- Chuyện như thế này, có người dắt một con trâu tằm ngang qua ruộng lúa nhà người khác. Nào ngờ con trâu đó đã giẫm nát lúa của nhà người đó. Chủ ruộng nổi nóng, chẳng nói chẳng rằng, cướp ngay con trâu đó dắt đi. Mặc cho chủ trâu tha hồ van lụy xin xỏ mà chủ ruộng vẫn không trả. Xin hỏi đại vương, vụ án này nên xét xử như thế nào?

- Ta nói phải nên dắt trả trâu cho người ta. - Sở Trang Vương nói.

- Tại sao ạ?

- Để trâu giẫm nát lúa của nhà người ta, điều đó dĩ nhiên là không tốt rồi. Thế nhưng vì thế mà cướp mất trâu của người ta đi, thế chẳng phải là quá quắt ư? - Sở Trang Vương nói tới đây, bỗng nhiên tỉnh ngộ ra một điều đạo lý, người nhìn thẳng vào Thân Thúc Thời hồi lâu, rồi nói tiếp - Úi chà chà! Ô thì té ra người nói vòng vo chẳng qua chỉ để nói ta chứ gì? Được, được ta sẽ đem trả “Con trâu đó” cho người ta là được chứ gì?

Sau đó Sở Trang Vương liền khôi phục lại nước Trần. Vua mới của nước Trần là Trần Thành Công từ nước Tấn về tới nước Trần, ông rất cảm kích Sở Trang Vương liền đã quy thuận về nước Sở.

8. YẾN TỬ ĐI SỨ HƯỚC SỞ

Vào thời Xuân Thu, ở nước Tề có một nhà chính trị tên gọi là Yến Anh, nhân dân tôn gọi ông là Yến Tử.

Năm 531 trước Công nguyên, Yến Tử phụng mệnh vua Tề đi sứ nước Sở. Sở Linh Vương kiêu ngạo ngang ngược nói với các quan đại thần rằng:

- Yến Anh thân người lùn bé, nhưng uy tín đã vang dội khắp các nước chư hầu. Lần này tới đây, ta phải chế nhạo bốn cột hắc một lần để tỏ oai phong của nước Sở ta! - Tiếp đó vua nước Sở đã căn dặn các quan đại thần cứ làm theo như thế, như thế...

Mấy ngày sau, Yến Tử cưỡi xe tứ mã tới cửa phía đông thành Dĩnh thủ đô nước Sở - nay là phía bắc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc. Chỉ nhìn thấy quan viên nước Sở phân nhau đứng thưa thớt ở hai bên cửa thành, còn cửa lớn thì đóng chặt im im. Khi Yến Tử đang cảm thấy kỳ quái thì quân sĩ giữ thành mở rộng cửa nhỏ mới xây ở bên cạnh cửa thành, mời ông bước vào trong cửa nhỏ giống hệt như chui vào hang vậy, chúng nói:

- Đây là quy củ của nước chúng tôi: Người lớn được bước vào cửa lớn, người bé phải theo cửa bé bước vào!

Yến Tử đã hiểu rõ: Vua nước Sở muốn làm nhục ông, ông liền bước tới trước cửa nhỏ bé này, ngẫm nghĩ một hồi rồi nói:

- Đây là cái lỗ chó chui chứ đâu có phải cửa thành, ở nước chúng tôi cũng có một quy củ, chỉ có những người đi sứ tới nước chó, thì mới chui vào trong lỗ chó.

Những tên lính gác cổng liền đem lời của Yến Tử báo với Sở Vương. Sở Vương nói:

- Ta vốn chỉ muốn bốn cột ông ta, nào ngờ lại bị ông ta giáng cho một vố đau! - Liền không thể không hạ lệnh mở cổng thành lớn mời Yến Tử bước vào thành.

Yến Tử bước vào trong cung yến kiến Sở Vương. Sở Vương đột nhiên hỏi:

- Nước Tề không có người hay sao?

Yến Tử biết Sở Vương chế giễu mình, thản nhiên nói:

- Người của Tề chúng tôi đông lắm! Mỗi người chỉ thở một hơi liền có thể biến thành mây; mỗi người chỉ giở một giọt mồ hôi liền giống như một trận mưa lớn. Trên đường lớn của thủ đô nước chúng tôi đông đến nỗi người vai sát vai, chân liền gót, sao lại dám bảo nước Tề không có người được nhỉ?

Sở Vương cười nói:

- Đã đông như vậy, tại sao lại cử một người lùn và nhỏ như người đến làm sứ ở nước ta nhỉ?

Yến Tử trả lời: có - quy Ở nước Tề chúng tôi nhiệm mệnh sứ giả đã cử: viếng thăm nước thượng quốc thì phải cử người thượng đẳng; thăm nước thấp hèn thì cử người hèn thấp. Tôi thật thấp hèn chẳng ra gì, nên mới được cử tới đây.

Sở Vương bị châm chích liên hồi, nhưng vẫn phải cười trừ.

Một lát sau, các võ sĩ kéo một tên tù phạm từ trên nhà đi qua, Sở Vương cố ý hỏi:

- Tên tù phạm đó là người nước nào? Phạm phải tội gì?

Các võ sĩ trả lời:

Đó là người nước Tề, phạm tội ăn cắp!

Sở Vương cười mỉa mai:

- Người nước Tề sao lại hèn mạt đến thế, lại đi làm cái trò như vậy?

Yến Tử đứng dậy, nói một cách nghiêm túc:

- Sao đại vương lại không hiểu được nhỉ? Cây quýt sinh trưởng ở phía nam sông Hoài thì có thể sinh ra quýt ngọt; nếu sinh trưởng ở phía bắc sông Hoài thì lại sinh ra quýt hôi mà thôi, chỉ giống nhau ở cành lá mà vị quả của chúng lại rất khác nhau. Người nước Tề ở nước Tề thì chăm chỉ làm lụng hệ

cứ sang nước Sở là thành kẻ trộm cướp, đó chẳng phải là tại thủy thổ của nước Sở đã khiến cho nhân dân thích trộm cắp đó sao?

Vua tâu nước Sở cảm thấy mình không phải đối thủ của Yến Tử, nên sau đó đã tỏ ra rất tôn kính ông.

9. LỜI GAN KHÉO LÉO CỦA TÊN VỆ SĨ

Thời kỳ Xuân Thu, vua nước Ngô(1) muốn xuất binh đánh nước Sở.

Một vị đại thần khuyên can nói:

- Nước Sở đang ở thời kỳ cường thịnh, bây giờ không thể đến giao chiến với họ được. Mong đại vương dẫn đo kỹ, rồi hãy thi hành.

Ngô vương chỉ nghĩ đến chuyện xưng bá, nên lúc này không nghe bất kỳ một lời can gián nào, liền vung lưỡi bảo kiếm lấp lánh, lạnh lùng nói:

- Ta đã có quyết tâm tiến công nước Sở, kẻ nào còn dám cản trở thì ta sẽ băm xác nát thành muôn mảnh.

Các đại thần hoảng sợ không ai dám mở miệng nữa.

Ở trong cung vua có một tên vệ sĩ trẻ tuổi, cho rằng cuộc xuất binh lần này không phải là cuộc chiến tranh chính nghĩa, khẳng định sẽ vấp phải

1. Là một trong ba nước Ngụy, Thục, Ngô, nước Ngô do Tôn Quyền xây dựng năm 222-280 ở trung hạ du Trường Giang và vùng duyên hải phía đông nam. thất bại. Thế nhưng nó lại không dám nói ra ở trước mặt Ngô vương. Nó đã suy nghĩ liền trong mấy ngày, cuối cùng đã nghĩ ra được một cách.

Hôm đó, trời vừa sớm tinh mơ nó đã bước vào vườn thượng uyển ở đằng sau cung vua, trong tay cầm một chiếc nỏ, hết rình phía tây lại ngó phía đông, ngay đến quần áo cũng bị sương làm ướt hết mà nó cũng chẳng để ý gì đến nữa. Và cứ như vậy nó đã rình mò suốt ba ngày liền.

Ngô vương nhìn thấy cảm thấy rất kỳ quái, liền gọi tên vệ sĩ tới trước mặt hỏi:

- Tên kia, tại sao mày cứ đi lại rình mò ở trong vườn đã mấy ngày nay để ướt hết quần áo thế?

Tên vệ sĩ cung kính thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, bề tôi đang quan sát một sự việc cực kỳ lý thú - Trong vườn có một ngọn cây, trên cây có một con ve sầu, nó uống nước sương ở trên đỉnh ngọn cao, rồi kêu lên những tiếng kêu đặc ý. Thế nhưng nó không hề hay biết có một con bộ ngựa đang núp ở đằng sau lưng nó cong mình lại, giương cao chiếc kiếm ở đằng trước chuẩn bị vô bắt nó! Vậy mà con bộ ngựa này cũng hoàn toàn không ngờ được ở đằng sau vườn có một con chim sẻ đang vươn dài cổ sắp sửa mổ nó. Trái ngược lại, con chim sẻ kia căn bản không biết được kẻ bề tôi này đang cầm cung nhắm trúng vào người nó.

- Quả thực rất thú vị! - Ngô vương cười.

- Thừa bệ hạ tôn kính! - Tên vệ sĩ tiếp tục nói ve sầu, bộ ngựa, chim sẻ chỉ nghĩ tới lợi ích ở trước mắt chúng, mà không hề nghĩ suy tới nỗi nguy hiểm ẩn tàng ở sau lưng mình.

Vua Ngô trầm mặc hồi lâu, bỗng hiểu được là tên vệ sĩ đã dùng ngụ ngôn để can khéo mình, để mình đình chỉ cuộc tiến công nước Sở, liền cười khà khà:

- Người kể câu chuyện rất có lý! - Và rồi Ngô Vương truyền lệnh hủy bỏ kế hoạch tiến đánh nước Sở.

10. BIỆN TRANG TỬ GIẾT HỔ

Ở nước Lỗ(1) có ông Biện Trang Tử là một người võ nghệ cao cường. Một hôm, ông tới một nơi ngủ trọ qua đêm, nghe ở nơi đó có hai con hổ thường xuyên tới giết hại gia súc, thậm chí cắn bị thương và cắn chết cả người. Biện Trang Tử quyết định trừ hại cho nhân dân. Ông đã mang theo một thanh kiếm đồng đen sáng lấp lánh để tới nơi đó đâm chết Hổ.

Ở trong quán trọ có một chàng trai trẻ vui vẻ nói:

- Thưa Đại ca! Để em dẫn Đại ca cùng đi.

Cả hai người bước vào trong hẻm núi, bỗng nhìn thấy con hổ lớn và một con hổ bé đang tranh giành nhau một con bò. Biện Trang Tử chẳng nghĩ ngợi nhiều liền tuốt kiếm xông lên.

Chàng trai trẻ nói:

- Thưa Đại ca! Chớ có nóng vội! Đại ca có nhìn thấy chúng đang ăn con bò một cách ngon lành? Ăn đến cuối cùng, chúng nhất định sẽ tranh giành

1. Lỗ là tên nước dưới thời nhà Chu, nay là vùng Sơn Đông nhau, hề tranh giành nhau là nhất định chúng sẽ cắn xé lẫn nhau. Con bé nhất định sẽ bị cắn chết. Con lớn nhất định cũng sẽ bị thương. Lúc đó Đại ca sẽ xông lên đối phó với một con bị thương chẳng đỡ tốn sức lực hơn nhiều so với việc đồng thời đối phó với hai con hổ khỏe mạnh hay sao?

Biện Trang Tử gật đầu lia lịa. Thế rồi hai người nấp vào trong bụi rậm ở gần đó cùng quan sát.

Sau một hồi, quả nhiên hai con hổ tranh giành nhau, con cắn, con vồ, con cào, con xé. Cuộc vật lộn làm cho đất đổ đá nhào, bụi đất bay mù trời. Dần dần con hổ nhỏ không chống đỡ được, nơi cổ họng bị hổ lớn xé nát, sau khi máu cạn thì lăn ra chết. Con hổ lớn cũng bị máu chảy khắp toàn thân, nằm gục xuống đất không động đậy được nữa.

Tới lúc này Biện Trang Tử mới xông tới, đâm trúng nơi hiểm yếu của thân hổ. Con hổ kêu rống lên một tiếng rồi tắt thở.

11. HẠNG THÁC GÂY KHÓ KHỔNG TỬ

Một hôm, Khổng Tử cưỡi trên một chiếc xe ngựa đi chu du các nước. Tới một địa phương, nhìn thấy một đứa bé dùng đất đắp một chiếc thành, rồi ngồi bên trong. Khổng Tử liền hỏi:

- Cháu nhìn thấy xe ngựa tới, tại sao không tránh ra?

Câu bé chớp chớp đôi mắt rồi trả lời:

- Nghe nói ngài Khổng Tử trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, giữa thấu nhân tình. Thế nhưng hôm nay cháu nhìn thấy ngài không phải là người như vậy. Bởi vì tự cổ chí kim chỉ nghe nói xe phải tránh thành, đâu có lý thành phải tránh xe.

Khổng Tử lạnh toát người, hỏi:

- Cháu tên là gì?

Đứa bé trả lời:

- Cháu tên là Hạng Thác.

Khổng Tử liền nghĩ ra hàng loạt câu hỏi để thử trí thông minh của Hạng Thác:

Cái miệng cháu rất lợi hại, ta muốn hỏi thử cháu. Trên núi nào không có đá? Trong nước nào không có cá? Xe nào không có bánh xe? Cửa nào không có then? Trâu nào không sinh nghé? Ngựa nào không đẻ con? Dao nào không có vỏ bao? Lửa nào không có khói? Người đàn ông nào không có vợ? Người đàn bà nào không có chồng? Ngày nào trời ngắn? Ngày nào quá dài? Vật gì có đực mà không có mái? Cây nào không có cành? Thành nào không có quan viên? Người nào không có biệt danh? - Hỏi xong Khổng Tử chăm chú nhìn Hạng Thác rồi cười tùm tùm.

Hạng Thác nghĩ một lát, nói:

- Xin mời ngài hãy lắng nghe đây: Trên núi đất không có đá; Trong nước giếng không có cá; Lửa không cánh chẳng có then; Xe kiểu do người

khiêng không có bánh xe; Trâu đất không sinh nghé; Ngựa gỗ chẳng đẻ ra ngựa non; Dao chặt gỗ không có vỏ bao; Lửa của con đom đóm không có khói; Thần tiên không có vợ; Tiên nữ chẳng có chồng; Ngày trong mùa đông ngắn, ngày trong mùa hạ dài; Con trống tơ trời không có mái, cây đã chết khô không có cành; Trong thành trống rỗng không có quan viên; Trẻ con không có biệt danh.

Khổng Tử kinh ngạc! Quả thật đứa bé này đã có trí tuệ vượt người.

Không để cho Khổng Tử kịp nghĩ nhiều, Hạng Thác vội vã hỏi lại:

- Bây giờ đến lượt cháu hỏi ngài: Ngỗng và vịt tại sao có thể bơi, nổi được trên mặt nước? Hồng nhạn và tiên hạc tại sao lại giỏi kêu khéo hót? Cây tùng, cây bách tại sao vẫn xanh lá trong mùa đông hạ?

Khổng Tử trả lời:

- Ngỗng và vịt có thể bơi nổi trên mặt nước là bởi chúng có đôi bàn chân vuông. Hồng nhạn và tiên hạc giỏi kêu hót là bởi chúng có cổ dài. Tùng bách đông hạ thường xanh là bởi tâm của cây đặc và chắc.

- Không đúng! - Hạng Thác nói to - Rùa và ba ba nổi trên mặt nước có lẽ nào chân của nó vuông? Ếch nhái giỏi kêu đâu bởi cổ chúng dài? Tre trúc đông hạ thường xanh có lẽ nào bởi ruột chúng đặc và chắc?

Khổng Tử cảm thấy đứa trẻ này tri thức rất uyên bác, ngay bản thân mình cũng không tranh luận nổi với nó, đành phải chấp tay vái chào và nói:

- Hậu sinh khả úy! Hậu sinh khả úy(1).

Rồi người vội lên xe, vòng theo đường khác mà đi!

1. Những người sinh sau quả thật đáng sợ!

12. THỦY THẦN LẤY VỢ

Năm 408 trước Công nguyên, ông Tây Môn Báo tới nhận chức quan huyện lệnh ở thành Nghiệp(1).

Tới thành Nghiệp, Tây Môn Báo nhìn thấy ở đó phong cảnh vô cùng tiêu điều, dân cư cũng rất thưa thớt, liền triệu tập tất cả các cụ già ở nơi đó tới để hỏi han:

- Ở đây tại sao lại đến nỗi thê lương như thế này? Các cụ nói:

Ở đây có một con sông lớn tên gọi sông Chương(2). Thủy thần ở trong sông Chương tên gọi Hà Bá. Cô đồng ở vùng này nói: Hà Bá yêu thích những cô gái xinh đẹp trẻ trung, mỗi năm phải bắt một người làm vợ. Có thỏa mãn được yêu cầu của Hà Bá, thì mới có thể đảm bảo được mưa thuận gió hòa, ngũ cốc bội thu cho chúng ta được.

1. Nghiệp: Một vùng đất cổ, nay là phía bắc An Dương, tỉnh Hà Nam.

2. Chương: Sông phát nguyên từ Sơn Tây, chảy vào sông Vệ Chương Giang ở tỉnh Phú Kiến.

Nếu không, Hà Bá sẽ gây sóng động gió, một lần hồng thủy tràn tới là hoa màu sạch trơn, muôn người sẽ bị chết chìm, cho nên quan lại và bọn hương thân đều trưng thu thuế nặng của chúng tôi, tiền thuế thu được có đủ bạc triệu. Họ chỉ dùng hai, ba chục vạn để lấy vợ cho Hà Bá, số tiền còn lại họ cùng với Cô đồng chia đều.

Sau khi hầu bao của Cô đồng đã đầy, họ mới đi ra ngoài tới từng nhà khám xét, nhìn thấy cô gái nào xinh đẹp, liền nói:

- Con bé này nên làm vợ của Hà Bá! - Không cho phép nói năng gì, liền tắm gội cho cô bé đó sạch sẽ, mặc quần đẹp áo mới. Thế rồi họ lập ra một trai cung ở bên cạnh bờ sông để cho cô gái ấy trú ở bên trong yên tĩnh trai giới.

Tối hôm Hà Bá cưới vợ, họ đẩy cả trai cung xuống nước, để cho cô gái ấy ngồi bên trong.

Trôi đi được một đoạn thì chìm cả xuống nước. Do đó, những nhà nào có con gái đại đa số đều mang con đi tới ở những nơi xa tít tắp.

Tây Môn Báo nói:

- Năm nay, hễ đến ngày Hà Bá cưới vợ, các cụ hãy tới bảo cho tôi biết, tôi cũng sẽ tới tiễn đưa!

Đến ngày Hà Bá lấy vợ, Tây Môn Báo cũng tới bên bờ sông. Các quan lại lớn bé, các thân sĩ địa phương cùng với các cụ phụ lão và bà con nhân dân, kể có tới hai, ba ngàn người, đều tới tham gia nghi thức Hà Bá lấy vợ.

Một Cô đồng già chủ trì nghi thức, tuổi đã 70, lũ lượt kéo theo sau là mười mấy đệ tử.

Tây Môn Báo nói với Cô đồng già:

- Cho gọi tân nương tử của Hà Bá tới đây để ta xem nàng xinh đẹp như thế nào? - Cô đồng già liền sai đệ tử dắt tân nương tử tới. Tây Môn Báo xem xong rồi nói:

- Cô gái này không xinh đẹp, xin cảm phiền mời Cô đồng xuống báo cáo với Hà Bá, xin để chọn một cô gái đẹp hơn, ngày kia sẽ đưa tới! - Nói xong liền sai các võ sĩ ôm Cô đồng già vứt ngay xuống nước. Mụ đồng già đó giãy giụa một lát ở dưới nước rồi chìm ngấm.

Một lát sau, Tây Môn Báo lại nói:

- Vì sao lâu như vậy mà Cô đồng vẫn chưa trở lại, phải cho một người nữa xuống thúc giục xem sao! - Rồi lại ném một nữ đệ tử xuống sông. Cứ như vậy ông đã cho ném liên ba đệ tử.

Một lát sau, Tây Môn Báo nói:

- Đàn bà không biết làm việc. Xin mời các vị thân sĩ đi thu tiền kia chịu khó vất vả một chuyến vậy! - Mấy võ sĩ xông lên ném các tên thân sĩ cùng một giuộc xấu xa như bọn Cô đồng như ném những hòn đá xuống sông. Tây Môn Báo tiến đến vẫy chào họ, chờ đợi họ một lát với dáng vẻ rất cung kính rồi quay đầu lại nói:

- Bọn người này đều không có ai trở về, không hiểu vì sao?

Bọn quan lại và thân hào đã dựa vào việc Hà Bá lấy vợ để phát tài, từng đũa từng đũa một đều đập đầu quỳ xuống đất, đầu đập đến nổi máu chảy be bét đầy mặt, van lạy cầu xin Tây Môn Báo không quăng chúng xuống sông.

Lúc này, Tây Môn Báo mới nói:

- Ở dưới nước làm gì có Hà Bá. Mụ Cô đồng và bọn chúng mày bịp bợm, dựa vào việc Hà Bá lấy vợ, đã giết hại biết bao nhiêu con gái, đục khoét biết bao nhiêu tiền tài của nhân dân. Hiện tại bọn đầu sỏ gây tội ác đều đã bị trừng phạt. Từ nay về sau, hễ đũa nào còn nhắc tới việc Hà Bá lấy vợ thì sẽ cho nó xuống gặp mặt Hà Bá ở dưới sông.

Từ đấy, ở thành Nghiệp không còn phát sinh ra chuyện Thủy thần lấy vợ nữa. Những người dân chạy trốn tới nơi khác cũng đã lục tục trở về thành Nghiệp. Tây Môn Báo đã lãnh đạo nhân dân đào 12 con mương dẫn nước sông Chương về tưới cho đồng ruộng, mùa màng bội thu, nhân dân an cư lạc nghiệp.

13. CHÂU KỶ KHUYÊN QUA TỀ

Năm 378 trước Công nguyên, Tề Uy Vương lên ngôi. Theo truyền thuyết, ngài đã bỏ bằng chín năm không trông coi công việc triều chính. Một hôm, ngài cho gọi một người tên là Châu Kỳ tới gảy đàn mua vui. Châu Kỳ chỉ chú ý bàn luận về nhạc lý mà không gảy khúc nhạc nào.

Tề Uy Vương nói với vẻ không vui:

- Những nhạc lý của ông đã thấm đậm tới tâm khảm của ta rồi. Nhưng chỉ biết riêng những thú này đâu có đủ, còn phải biết sâu vào tiếng đàn mới được. Xin mời tiên sinh thử dạo một khúc đàn chơi.

Châu Kỳ nói:

- Thần lấy việc gảy đàn làm nghề sống. Lẽ dĩ nhiên là phải dốc hết sức nghiên cứu kỹ năng phương pháp gảy đàn. Bệ hạ lấy việc trị nước làm nhiệm vụ quan trọng, tại sao lại có thể không chăm chỉ nghiên cứu đại kế trị nước nhỉ? Thần bỏ đàn không chịu gảy thì chẳng còn cách gì khiến cho bệ hạ cầm trên tay chiếc đàn lớn của nước Tề, chín năm nay không hề gảy một lần, họ đều không thấy hài lòng là phải?

Tề Uy Vương vô cùng kinh ngạc, bèn cùng Châu Kỳ bàn bạc những đạo lý cai trị đất nước, Châu Kỳ đã trình bày muôn điều xác đáng. Tề Uy Vương đã phong Châu Kỳ làm tướng quốc để chinh đốn lại triều chính.

Một hôm, Châu Kỳ với thân cao, dáng đẹp, hình mạo lộng lẫy, mặc xong lễ phục, đội mũ soi gương rồi cất tiếng hỏi người vợ:

- Ta với Từ Công ở thành Bắc, ai đẹp?

Người vợ nói:

- Từ Công đâu có thể đẹp bằng nhà!

Châu Kỳ nghĩ: Từ Công là người đàn ông đẹp nổi tiếng trong nước Tề, mình làm sao có thể so sánh với ông ta được.

Châu Kỳ lại hỏi người thiếp:

- Ta so với Từ Công ở thành Bắc, ai đẹp?

Người thiếp nói:

- Từ Công sao đẹp bằng nhà?

Có một vị khách tới chơi, Châu Kỵ lại đem lời của người vợ cả, vợ lẽ nói lại một lần.

Người khách đó cung kính nói:

- Từ Công quả thật không thể đẹp bằng ông được! Ngày hôm sau vừa hay Từ Công tới thăm. Châu Kỵ nhìn Từ Công cảm thấy mình đâu có thể đẹp bằng Từ Công được. Buổi tối, ông suy đi nghĩ lại, cuối cùng đã sáng tỏ được một điều:

- Vợ ta nói ta đẹp hơn Từ Công là yêu ta. Thiếp ta nói ta đẹp hơn Từ Công là quá sợ ta. Khách ta nói ta đẹp hơn Từ Công là muốn được nhờ cậy ta.

Tức thì, Châu Kỵ liền vào triều tâu với Tề Uy Vương:

- Thần đích tự biết mình không thể đẹp bằng Từ Công ở thành Bắc, nhưng bởi vợ của thần quá yêu thần, thiếp của thần sợ thần, khách của thần muốn cậy nhờ thần, cho nên tất cả đều nói rằng thần đẹp hơn Từ Công. Từ sự việc này, thần liên tưởng tới: nước Tề chúng ta đất vuông ngàn dặm, có 120 thành trì, các cung phụ tá hữu không ai là không sợ bề hạ. Các đại thần ở trong triều không ai là không quá yêu bề hạ. Người trong bốn phương nước Tề không ai không muốn cầu cạnh bề hạ. Từ đó mà nhìn thì những điều bề hạ bị bưng bít quả thật là đã quá nhiều.

Tề Uy Vương nghe xong lời khuyên gián khéo léo của Châu Kỵ, cảm thấy rất đúng liền hạ lệnh nói:

- Từ nay trở đi, bất kể là ai, nếu có thể vạch ra những lỗi lầm của ta ở trước mặt ta thì sẽ trọng thưởng, ai có thể dùng chữ tín, viết chữ phê bình những lầm lỗi của ta thì sẽ được trọng thưởng; ai có thể chỉ trích thiếu sót của ta ở triều đình, công chúng để cho ta biết, thì có thể được thưởng loại thấp hơn.

Sau khi mệnh lệnh này ban bố không lâu, các văn võ trăm quan đều lũ lượt kéo tới triều đình đề xuất rất nhiều ý kiến. Tề Uy Vương hấp thụ những phần hợp lý, không ngừng sửa chữa những thiếu sót của mình. Sau một năm, nước Tề đã dần hưng thịnh.

14. CHIẾC LƯỚI KHÉO LÉO CỦA THUẦN VU KHÔN

Vào thời Tề Uy Vương, nước Tề có Thuần Vu Khôn là một nhà ngoại giao tài giỏi?

Khi nước Tề bắt đầu chấn hưng thì nước Sở lại kéo tới xâm phạm. Tề Uy Vương muốn cử sứ giả tới nước Triệu xin tiếp viện. Thế nhưng biết cử ai bây giờ? Nhà vua đưa mắt nhìn khắp lượt cả trăm quan văn võ, rồi dừng lại nhìn thấy Thuần Vu Khôn dáng người thấp bé, không kìm được, nhà vua đã nghĩ tới một câu chuyện.

Mấy năm trước, Tề Uy Vương suốt ngày chỉ hưởng lạc, không chỉnh đốn triều hình, chẳng có ai dám can gián cả. Một hôm, Thuần Vu Khôn tới thăm Tề Uy Vương nói với người:

- Thần nghe nói ở nước Tề chúng ta có chim lớn, biết được nhà vua thích chơi chim, liền cử từ trên trời đã bay tới cung vua. Con chim đó ở trong cung đã ba năm rồi, từ đó không bay một lần, không kêu một tiếng. Bệ hạ xem con chim đó có kỳ quái hay không?

Tề Uy Vương nói:

- Chớ xem thường con chim này ba năm không bay nhé, hễ nó bay là vút lên tới tận trời xanh. Chớ kể con chim này ba năm không hót, hễ nó hót là có thể làm kinh sợ bao người.

Nói xong, trong lòng Tề Uy Vương có chút xao xuyến, ngài thầm nghĩ: Chẳng phải là Thuần Vu Khôn muốn tả “bay” đó sao? Tề Uy Vương đã hiểu rõ được là Thuần Vu Khôn mượn một ẩn dụ để khuyên mình. Tức thì, ngài liền triệu tập 72 viên huyện lệnh trong cả nước Tề lại, khen thưởng một người tốt nhất và giết chết một người hư hỏng nhất trong số đó. Tiếp đó, ngài liền phái binh đi dẹp các nước chư hầu nổi loạn.

Bấy giờ, Tề Uy Vương đã quyết định cử Thuần Vu Khôn giỏi nói năng, tài biện luận tới nước Triệu để cầu tiếp viện. Nhà vua đã cho Thuần Vu

Khôn 10 cỗ xe ngựa và 100 lượng vàng. Thấy vậy, Thuần Vu Khôn bật tiếng cười lớn, đến cái dây buộc mũ cũng bị tiếng cười làm đứt.

Tề Uy Vương hỏi:

- Khanh cho rằng số của cải này quá ít hay sao?

Thuần Vu Khôn nói:

- Sao thần lại dám chê ít ạ?

Tề Uy Vương lại hỏi:

- Vừa rồi khanh cười cái gì vậy?

Thuần Vu khôn nói:

- Ngày hôm nay, khi thần đi từ phương Đông tới, nhìn thấy một người nông dân phủ phục ở bên bờ ruộng bái cầu thần ruộng ban thưởng cho ông ta một vụ mùa bội thu. Ông ta cầm một chiếc đèn lợn và một cốc rượu, khẩn khẩn rằng:

- Con lạy Thần ruộng! Con lạy Thần ruộng! Xin thần phù hộ cho con được mùa, thóc ngô đầy kho, khoai sắn đầy nhà! - Đồ cúng của ông ta chỉ ít ỏi có vậy, nhưng những thứ khẩn cầu thì lại nhiều đến vậy. Cho nên không nhin được, Thần đã cười ông ta đó!

Tề Uy Vương đã lĩnh ngộ được ẩn ngữ của Thuần Vu Khôn, lập tức trao cho ông một ngàn lượng vàng, một trăm cỗ xe ngựa, mười đôi bạch xích. Thuần Vu Khôn lập tức đi sứ nước Triệu, xin được mười vạn viện binh. Nước Sở nghe tin đó liền rút quân.

Sau khi quân Sở rút lui, Tề Uy Vương cho mời Thuần Vu Khôn tới cùng uống rượu, rồi hỏi:

- Khanh có thể uống được bao nhiêu rượu mới say?

Bởi Tề Uy Vương thường uống rượu suốt đêm, Thuần Vu Khôn muốn khuyên vua bỏ thói xấu đó đi, cho nên ông khéo léo nói:

- Thần uống một bát ô tô to cũng say mà uống một vò cũng say!

Tề Uy Vương hỏi:

- Vậy là bởi duyên cớ gì?

Thuần Vu Khôn trả lời:

- Khi bệ hạ ban thưởng rượu cho thần uống trước mặt bệ hạ, pháp quan, sử quan đứng ở bên cạnh, thần vô cùng sợ hãi phải phủ phục xuống đất để uống, uống chưa đầy một bát tô đã say rồi. Nếu cha thần có khách quý đến chơi, thần đứng hầu ở bên chiếu, khách thường thưởng rượu uống thừa cho thần, thần có thể uống được hai bát tô to. Nếu như gặp lại người bạn cũ không thường lui tới vừa kể chuyện tình xưa, vừa uống rượu thì thần có thể uống được năm, sáu bát tô to. Nếu là tụ hội trong làng, nam nữ ngồi kể, luân phiên chuốc rượu, tay nắm tay mà không phải tội đưa mắt liếc tình mà không bị ngăn cấm, lúc đó thần có thể uống tới tám tô to mà chỉ có hai, ba phần say sắc trời đã tối, rượu uống đã đủ, cốc hợp lại chỉ dùng một chiếc, ngồi sát lại gần kề nhau, cả nam cả nữ cùng ngồi trên một chiếc giầy dép vút loạn xạ, cốc rượu mâm bát để lung tung, trong phòng nến thắp sáng choang, chủ nhà đã tiễn hết khách ra về, nhưng chỉ giữ lại một mình thần. Trong tình huống đó, tâm hồn thần sung sướng lâng lâng, thì thần có thể uống hết cả một vò rượu. Cho nên tục ngữ nói: “Rượu uống quá tâm sinh lảo nhảm, sướng hưởng quá độ sẽ thương tâm”. Trăm điều vạn sự đều như thế cả. Tề Uy Vương tán thưởng:

- Đúng quá! Rượu quá sinh loạn, sướng quá sinh buồn.

Thế là ngài không uống rượu thâu đêm nữa.

15. ĐIỀN KỶ ĐẤU NGỰA

Điền Kỳ là đại tướng của nước Tề, thường xuyên cùng đấu ngựa ăn tiền với Tề vương và các quý tộc trong cung đình. Mỗi lần đấu ngựa đều phải bỏ tiền cược ra hàng trăm lượng vàng. Mặc dù ở trên chiến trường, ông hét hò làm mưa làm gió, chiến công hiển hách, nhưng ở trên trường đấu, ông đã bị thất bại nhiều lần. Tâm lý gặp may mắn đã khiến ông đem niềm hi vọng gửi gắm vào cuộc đấu lần sau, cho nên càng thua, ông càng muốn gỡ.

Một buổi tối, có một vị khách phong trần tới chơi nhà Điền Kỳ. Người này tuy mặc quần áo vải, nhưng phong độ, khí phách chẳng bình thường. Người đó tên gọi Tôn Tấn, vừa từ nước Ngụy trốn tới đây. Trên bàn rượu, hai người đã bàn tới chiến lược và chiến thuật trong khi đội quân giao chiến. Điền Kỳ liền có thần thái hào hùng, đặc biệt là việc thổ lộ trí tuệ cùng tài thao lược hơn người của Tôn Tấn càng khiến ông hứng chí. Bất giác, rượu quá tam tuần, Điền Kỳ không chủ động được mình lại phải nghĩ tới chuyện đấu ngựa. Trong một cuộc đấu gần đây nhất, ông thua như mọi lần trước. Chỉ trong nháy mắt, năm trăm lượng vàng đã trôi tuột vào hầu bao của người khác.

Hai người đang bàn bạc sôi nổi, bỗng nhiên Điền Kỳ rú đầu lưỡi lại, trên mặt đầy vẻ u buồn. Tôn Tấn cảm thấy buồn tẻ, vội vàng hỏi:

- Thưa lão huynh, chẳng hay lão huynh có việc chi phiền muộn?

Điền Kỳ trầm ngâm hồi lâu, cuối cùng đã ngượng ngùng thổ lộ nỗi khổ tâm, u uất chứa đựng trong lòng.

Tôn Tấn nghe Điền Kỳ nói xong, dùng tay vuốt chòm râu đẹp dài ba tấc của mình, trầm tư giây khắc, rồi nói:

- Việc này đâu có khó gì. Lần sau xin lão huynh chớ ngại, cứ việc đặt cược số tiền lớn gấp ba lần. Đệ đây xin đảm bảo là lão huynh sẽ thắng.

Điền Kỳ nửa tin nửa ngờ, hỏi:

- Vậy lão huynh có diệu kế chi?

Với thần thái bình tĩnh, Tôn Tần nói:

Vâng, tới lúc đó lão huynh sẽ tự biết. Thôi huynh chớ phải suy nghĩ nhiều.

Tới ngày đấu ngựa, Điền Ky đặt cược trước mọi người số tiền là một ngàn lượng vàng. Tề Vương và các vương công quý tộc cho rằng Điền Ky thua nhiều, lo lắng quá nên đã tỏ ra cay cú. Họ cười, nói:

- Lần này hẳn sẽ lại càng thảm thiết hơn, cứ chờ đó!

Phương pháp đấu ngựa hồi đó là: những người tham dự cuộc đấu trước tiên phải phân ngựa ra làm ba loại: thượng trung, hạ, rồi sau đó theo thứ tự đấu luân lưu, loại ngựa thượng đẳng đấu với thượng đẳng, trung đẳng đấu với trung đẳng. Hoàn tất cuộc đấu, chỉ cần ngựa của ai có thể được hai lần tên xếp đầu bảng, thì kể như người đó thắng.

Lại nói tới Điền Ky, ngày hôm đó tuy dứt khoát thoải mái bỏ tiền ra đặt cược, nhưng trong lòng vẫn không ngăn được vẻ bối rối:

- Lần này, nếu lại thua, thì

Lúc này, Tôn Tần bước tới gần Điền Ky, khẽ nói:

- Lão huynh chớ có lo lắng gì hết. Trước hết đem ngựa hạ đẳng của lão huynh đấu với ngựa thượng đẳng của họ. Lại dùng ngựa thượng đẳng của lão huynh đấu với ngựa trung đẳng của họ. Ngựa trung đẳng của lão huynh sẽ dùng sau cùng. Như vậy, họ chỉ để lại ngựa hạ đẳng mà thôi.

- Chà chà! - Điền Ky vừa nghe xong, vỗ đùi bành bịch liên hồi: - Tại sao từ trước ta không nghĩ ra được mẹo này nhỉ? - Thế rồi ông vội vã sai người hầu cứ việc xếp đặt như thế, như thế...

Quả cuộc đấu không ra ngoài dự liệu. Điền Ky mặt nở hồng hào, thận trọng cầm một ngàn lượng vàng từ trong tay vua Tề.

Không lâu, Điền Ky không giữ nổi mình, đã để điều bí mật mà mình giành phần thắng trong cuộc đua ngựa nói cho nhà vua biết. Vua Tề lập tức bắt Điền Ky, triệu Tôn Tần đến. Từ đó, Tôn Tần đã làm quân sư cho vua

Tề, trên chiến trường đã nhiều lần đánh bại đối thủ, thanh danh hiển hách, trở thành một trong những nhà quân sự kiệt xuất trong lịch sử Trung Quốc.

16. VÂY NGỤY CỨU TRIỆU

Năm 353 trước Công nguyên, nước Ngụy xuất binh tới đánh nước Triệu. Đại tướng nước Ngụy là Bàng Quyên tinh thông binh pháp đã dẫn quân đội đánh thắng tới dưới chân đô thành Hàm Đan của nước Triệu. Nước Triệu đang có nguy cơ mất nước, liên tục phải tới cầu cứu nước Tề.

Ngày hôm đó, Tề Uy Vương triệu tập quân sư Tôn Tẫn tới phong ông làm tướng.

Tôn Tẫn từ tạ nói:

Thần bị tội chịu hình phạt tàn khốc, là một người thân thể tàn phế, không thích hợp với việc đảm nhiệm chức chủ soái.

Vốn là Tôn Tẫn đã từng cùng học tập binh pháp với Bàng Quyên. Về sau Bàng Quyên đã làm tướng quân của Ngụy Huệ Vương, tự biết tài năng không sánh kịp Tôn Tẫn, đã vu oan hãm hại Tôn Tẫn, đã gọt đứt xương đầu gối của ông, còn thịch chữ lên mặt ông, để cho ông vĩnh viễn không thể ra làm quan được. Sau đó Tôn Tẫn trốn tới nước Tề, được Tề Uy Vương mời làm quân sư.

Bây giờ, Tề Uy Vương thấy Tôn Tẫn khiêm nhường như vậy liền cải đổi cử Điền Kỵ làm tướng, vẫn để cho Tôn Tẫn làm quân sư, để ông ngồi trong một chiếc xe nhỏ tiện lợi, chuyên xuất mưu kế, hoạch định sách lược cho chủ soái.

Khi đại quân binh mã kéo tới biên giới nước Tề, Điền Kỵ chuẩn bị huy động quân đội tiến thẳng tới nước Triệu chuẩn bị huy động quân đội tiến thẳng tới nước Triệu để giải vây cho Hàm Đan(1).

Tôn Tẫn khuyên can nói:

- Xin tướng quân hãy nghe tôi so sánh hai sự việc: Phàm những người muốn cởi chiếc thừng đã bị buộc chặt chằng chịt, quyết không thể nôn nóng

dùng hết sức đi cởi, mà phải bình tĩnh để tìm ra đầu nút của nó, sau đó sẽ cởi dần dần.

Giả dụ đi lại bỏ hai bên đang đánh lộn nhau rất hung hãn, thì một vạ lần chớ có cuốn mình vào đánh lộn ở đó, mà phải tránh xa tay nắm và chân đá của hai bên, chỉ cần chờ đợi tìm ra chỗ sơ hở, đánh mạnh vào bụng của một bên không phòng bị, chờ tới lúc bên bị đánh dùng hai tay ôm lấy bụng ngã xuống đất, tới lúc đó thì cục diện ban đầu mà hai bên ẩu đả với nhau đã hoàn toàn thay đổi rồi!

Điền Kỵ hỏi:

1. Nay là thị trấn Hàm Đan, thuộc huyện Hàm Đan, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

- Ý của ông muốn nói bây giờ trước hết chúng ta không được tới nước Triệu, có phải thế không? Tôn Tẩn nói:

- Đúng thế. Hiện tại chủ lực của nước Ngụy đang đánh mạnh vào Hàm Đan, thủ đô của nước Triệu, trong nước chúng tương đối trống rỗng. Chỉ cần chúng ta đánh thẳng tới Đại Lương, thủ đô của nước Ngụy(1), chiếm lấy đường giao thông quan trọng của chúng đánh vào nơi chúng dễ sơ hở không phòng bị. Lúc đó, tất nhiên quân chủ lực của Ngụy phải từ nước Triệu rút về cứu viện. Như vậy, chúng ta vừa có thể giải vây cho Hàm Đan, lại vừa có thể đánh mạnh vào quân Ngụy, chẳng phải làm như vậy sẽ có lợi rất nhiều so với việc hùng hổ kéo thẳng tới Hàm Đan ư?

Điền Kỵ thu nhận kế sách “Vây Ngụy Cứu Triệu” của Tôn Tẩn, dẫn quân kéo thẳng tới Đại Lương. Chủ soái của quân Ngụy là Bàng Quyên nhận được tin này, đành phải vứt bỏ Hàm Đan, vội vã trở về nước giải vây cho Đại Lương. Thế nhưng khi quân Ngụy kéo tới Quế Lăng Điền Kỵ và Tôn Tẩn đã cho phục binh chờ sẵn. Quân Ngụy mệt mỏi đã không kịp nghỉ tay, liền bị đánh tới tấp, tan nát.

1. Ngụy: Do Tào Phất dựng lên năm 220-265, nay thuộc các tỉnh lưu vực Hoàng Hà và phía bắc Hồ Bắc, An Huy, Giang Tô và miền trung Liên Ninh.

Lại nói chủ soái của quân Ngụy là Bàng Quyên dẫn tàn binh bại tướng đang liều lĩnh tìm đường chạy trốn, bỗng nhìn thấy một lá cờ to dựng thẳng ở phía trước, bên trên đề chữ “Tôn”, nhìn từ xa đã thấy Tôn Tẩn ngồi ở trên chiếc xe nhỏ nhẹ nhàng đang chỉ chỉ trỏ trỏ điều binh khiển tướng. Hoảng sợ quá, Bàng Quyên hét lên một tiếng: “Trời ơi!”, suýt nữa thì lăn từ trên ngựa xuống. Trận đánh này Bàng Quyên đã tổn thất mất hai vạn người ngựa, bản thân mình cũng nguy hiểm chỉ chút nữa là bị bắt làm tù binh của Tôn Tẩn.

Tôn Tẩn nhìn theo Bàng Quyên đang chạy trốn, nghĩ thầm: “Người là con người đồ kị ganh ghét người hiền tài, là tên tiểu nhân hãm hại người trung thực tốt bụng, sẽ có ngày người vấp phải tai họa diệt vong!”.

17. GIẢM BẾP DỰ ĐỊCH

Chuyện vây Ngụy cứu Triệu của Tôn Tần thấm thoát đã trôi qua 13 năm. Lần này, nước Ngụy cùng nước Triệu đi đánh nước Hàn. Nước Hàn đã nhiều lần khẩn cấp cầu xin nước Tề cứu viện. Tề Uy Vương lại cử Điền Kỵ là tướng, Tôn Tần là quân sư, ra lệnh cho họ tới cứu nước Hàn.

Tôn Tần có kinh nghiệm “Vây Ngụy cứu Triệu” lại dùng kế sách này một lần nữa.

Khi trên một ngàn chiến binh xa hăm hở ra khỏi nước Tề, Điền Kỵ muốn chỉ huy quân Tề nhanh chóng tiến thẳng tới Đại Lương, thủ đô nước Ngụy. Trái lại Tôn Tần đã bảo Điền Kỵ cứ cho đại quân dừng lều cắm trại nghỉ ngơi.

Điền Kỵ hỏi:

- Thưa quân sư, phép dụng binh quý ở thần tốc, sao lại có thể nghỉ ngơi sớm thế được.

Tôn Tần nói:

- Hiện tại nước Ngụy vừa phát động cuộc tấn công nước Hàn. Nếu chúng ta vội vã xuất binh tương trợ, trên thực tế là chúng ta sẽ nhận lấy đòn đả kích đầu tiên của quân Ngụy thay cho nước Hàn không phải là chúng ta chỉ huy điều độ quân Hàn, mà ngược lại chúng ta phải nghe theo sự chỉ huy điều độ của quân Hàn. Cho nên, nếu lập tức lao tới đánh vào Đại Lương là điều không thích hợp. Chỉ có sau khi hai con hổ Ngụy - Hàn đánh nhau một trận rồi, chúng ta mới phát binh tập kích Đại Lương, đánh vào quân Ngụy đã bị mệt mỏi tới cực độ rồi, cứu vãn lấy nước Hàn đang trong nguy hiểm, như vậy đối với chúng ta mới càng có lợi!

Điền Kỵ khâm phục nói:

- Quân sư đã dạy tôi một bài học rất sâu sắc! Thế là quân Tề đã ở lì trên đường hơn một tháng, rồi mới phát khởi cuộc công kích vào Đại Lương.

Vua nước Ngụy thấy quân Tề đánh đến, vội vàng ra lệnh cho Bàng Quyên từ nước Hàn rút quân về cứu nước Ngụy. Lại phái cử Thái tử Thân làm thượng tướng quân, cùng với Bàng Quyên hợp binh thành mười vạn để chống lại quân Tề.

Tôn Tẩn biết Quân đội Bàng Quyên sắp tới, liền đưa ra một diệu kế “Giảm bếp dụ địch” cho Điền Kỵ.

Khi hai quân đội Ngụy - Tề vừa giao chiến, còn chưa có trận nào quyết liệt thì Tôn Tẩn liền hạ lệnh cho quân của mình rút lui. Bàng Quyên đuổi tới chỗ Tề trú quân, chỉ nhìn thấy trên mặt đất toàn là những lò bếp đào để nấu cơm, vội vàng hạ lệnh cho binh lính đi đếm. Căn cứ vào số bếp đếm được, Bàng Quyên ước tính quân Tề đông khoảng mười vạn lính. Liên trong ba ngày, quân Tề vội vã rút lui, Bàng Quyên vẫn sai lính đi đếm bếp. Ngày hôm sau, phát hiện số bếp quân Tề bỏ lại chỉ đủ cho năm vạn người nấu cơm mà thôi. Ngày thứ ba, số bếp lại giảm đi chỉ đủ cho ba vạn lính, Bàng Quyên đặc ý nói:

- Ta biết ngay từ lâu rồi, quân Tề nhát gan sợ chết, tiến vào trong biên giới nước ta mới được ba ngày, binh lính đã bỏ trốn quá nửa! - Tức thì Bàng Quyên vứt bỏ lại bộ binh công kênh nặng nề, chỉ đem theo lính trang bị nhẹ, đi suốt đêm đuổi gấp, bám theo gót quân Tề.

Ngày hôm đó, quân Tề rút tới đường Mã Lăng. Tôn Tẩn nhìn thấy đường nhỏ lối hẹp, hai bên lại có nhiều hiểm trở rất thích hợp với việc bố trí quân mai phục. Tính toán sự hành trình của Bàng Quyên, ước lượng vào khoảng lúc hoàng hôn hẳn có thể đuổi kịp tới đây, liền ra lệnh cho binh sĩ chặt một số cây gỗ chất đầy đường làm tắc lối. Lại chọn một số cây gỗ rất to, thân cây mọc ở bên cạnh đường, đẽo đi một hàng vỏ lớn, để lộ ra thân cây nhẵn bóng, rồi viết một hàng chữ lên trên. Sau đó Tôn Tẩn ra lệnh cho một vạn tay nỏ mai phục ở chỗ đường hẻm, nói với chúng rằng:

- Chờ khi quân Ngụy tới, ở dưới gốc cây lớn có người đốt lửa thì cả vạn mũi tên bắn ra.

Khi trời vừa tối, quả nhiên Bàng Quyên đã dẫn quân lính tới đường Mã Lăng. Khi bọn lính đang khiêng những cây gỗ cản lối, có người phát hiện

hàng chữ ở trên thân cây ven đường, vội vã báo cáo với Bàng Quyên, Bàng Quyên liền sai lính đốt đuốc lên nhìn, thì thấy mấy chữ lớn đỏ viết rằng: “BÀNG QUYÊN CHẾT Ở DƯỚI GỐC CÂY NÀY”, vội kinh hoàng thất sắc! Lúc này, phục binh của quân Tề nhằm trúng chỗ đốt lửa, vạn mũi tên cùng bay tới như mưa. Quân Ngụy chết và bị thương không biết bao nhiêu mà kể. Trên thân Bàng Quyên cũng trúng mấy mũi tên, ngã lăn xuống bãi máu. Hắn tự biết mình đã trúng kế, không còn lối để thoát thân, đành phải rút kiếm tự sát!

Quân Tề thừa thắng đuổi theo, bắt sống được Thái tử Thân nước Ngụy. Quân Ngụy bị thất bại hoàn toàn. Từ đó tiếng tăm của Tôn Tẫn vang lừng khắp thiên hạ.

18. LÂM CHUNG HIỂN KẾ BẮT THÍCH KHÁCH

Câu chuyện xảy ra ở nước Tề vào thời Chiến Quốc.

Một buổi tối đầu mùa hạ, trăng sáng gió mát. Tôn Tần đang ngồi đọc sách ở trong thư phòng. Bỗng nhiên từ phía ngoài cửa sổ có một bóng đen nhảy xổ vào, Tôn Tần chưa kịp kêu lên một tiếng, một tên choàng kín mặt đã xông tới trước mặt lao mũi kiếm sắc nhọn đâm thẳng vào ngực ông. Đáng thương cho Tôn Tần, chàng thư sinh yếu đuối đâu có sức chống đỡ, chỉ kêu lên một tiếng “Cứu tôi với” rất thảm thiết, rồi từ trên ghế ngã lăn xuống đất.

Trong phút chốc, các vệ sĩ của Tôn Tần đã vây chặt bốn phía, tên thích khách chưa kịp bổ thêm một kiếm, vội vàng quay mình lại vượt qua cửa sổ.

Tôn Tần bị đâm, lập tức làm kinh động vua Tề. Sau khi vua Tề nghe tin báo, ngay lập tức tới thăm Tôn Tần.

Cần phải biết, Tôn Tần là một nhân vật nổi tiếng uy danh lẫy lừng thiên hạ.

Vào thời Chiến Quốc(1), bảy nước Tần, Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy xưng hùng, trong đó nước Tần lớn mạnh nhất.

Nhà học giả Tôn Tần ở Lạc Dương đã từng tới du thuyết ở sáu nước, trừ nước Tần, xuống nghị họ liên hợp lại chống Tần. Thì tức sáu nước ấy đã cùng phong Tôn Tần làm tế tướng. Ông đã từng sống một thời gian tương đối dài ở nước Yên, nêu ra được nhiều mưu kế, rất được Quốc vương nước Yên trọng dụng. Sau đó, ông tới nước Tề, Tề vương lại rất tín nhiệm ông. Rất nhiều quan đại phu nước Tề ghen ghét, hiềm tỵ với Tôn Tần, cuối cùng đã sai người giết ông.

Vua Tề nhìn thấy Tôn Tần bị thương rất nặng trong lòng rất xót thương, nói:

- Trẫm nhất định sẽ bắt cho kỳ được tên thích khách đó, để trả thù cho quân sự.

Với hơi thở rất yếu ớt, Tôn Tần nói:

- Xin bệ hạ chớ giết lầm người khác, mà phải tìm cho được tên thích khách thật sự.

- Thế quân sự có nhìn được rõ tên thích khách đó không?

- Hắn đến rất đột ngột, lại bịt kín mặt, nên

1. Một giai đoạn lịch sử Trung Quốc từ năm 475 đến năm 221 trước Công nguyên. không nhìn rõ gì cả. Chỉ biết được rằng thân hình hắn rất cao lớn.

- Chỉ dựa vào một điểm này thì làm sao có thể tìm được ra tên thích khách?

Tôn Tần nói:

- Thần đã có một kế... cứ làm như thế ... như thế ... - Nói xong thì tắt thở.

Lại nói vua Tề về tới hoàng cung, một số quan đại phu thường ngày vẫn hay tranh giành ganh ghét với Tôn Tần đã ồn ào kéo tới trước mặt vua, dò xem thái độ của vua Tề đối với cái chết của Tôn Tần ra sao.

Tề vương rất giận dữ, nói:

- Vừa rồi ta mới biết, Tôn Tần là một tên gian tế được nước Yên phái tới để lật đổ nước ta. Bây giờ ta sẽ cho năm con ngựa phanh thây xé xác hắn mới có thể rửa được mối hận trong lòng.

Vua Tề lập tức ra lệnh buộc đầu và hai chân, hai tay Tôn Tần vào năm chiếc xe ngựa. Một hiệu lệnh phát ra, cả năm con ngựa đều lồng lên chạy theo năm hướng, trong giây lát thi thể của Tôn Tần bị xé ra làm năm mảnh.

Tề vương đang định trở về cung đã nhìn thấy một người len từ trong đám đông đứng xem phanh thây Tôn Tần chui ra, tự xưng là thích khách đã giết chết gian tế Tôn Tần.

Tề vương nhìn thấy thân hình cao lớn, liền nói:

- Nhà ngươi hãy nói lại việc đâm chết hãn cho trẫm nghe. Nếu quả thật người đã giết chết hãn, trẫm sẽ trọng thưởng cho nhà ngươi.

Tên đó đã thuật lại một lượt, thấy tình huống hiện trường nhất trí với những điều Tề vương đã tìm hiểu được, biết rõ kẻ đó đích xác là thích khách, không còn hoài nghi gì nữa, nhà vua liền nói:

- Nếu trẫm không làm theo kế của Tôn Tần lúc lâm chung đã hiến dâng thì làm sao tên phản nghịch như người lại có thể tự lao đầu vào lưới được.

Tên thích khách mới biết mình bị mắc lừa, tuốt kiếm ra định đâm chết vua Tề. Các vệ sĩ ở xung quanh đã xông tới bắt thân hãn nát như tương.

19. NGÀN VÀNG MUA XƯƠNG NGỰA

Năm 318 trước Công nguyên, nước Yên phát sinh ra nội loạn. Lợi dụng thời cơ đó, nước Tề tiến đánh nước Yên, giết chết Yên Vương Khoái. Không lâu, Yên Chiêu Vương lên ngôi. Để thu phục những đất đai đã mất, Yên Chiêu Vương đã đích thân đến nhà thỉnh giáo vị hiền giả nước Yên là Quách Hòe để cầu tìm những kế sách của các nhân tài kiệt xuất.

Quách Hòe nói:

- Vị vua trở thành nghiệp đế, coi người hiền là thầy giáo của mình; Vị vua trở thành nghiệp vương, coi người hiền là bạn của mình; người thành nghiệp bá, coi người hiền là đại thần; còn vị vua ngay đất nước của mình cũng không giữ nổi thì đã coi người hiền như người nô dịch của mình. Nếu bệ hạ thực sự nghe lời chỉ bảo của người hiền, cung kính lễ phép coi họ là thầy thì mọi người hiền trong thiên hạ sẽ quy tụ về nước Yên cả.

Yên Chiêu Vương nói:

- Trẫm thực lòng muốn học tập tất cả mọi người hiền, chỉ có điều là không biết trước hết nên gặp gỡ ai là thích hợp nhất?

Quách Hòe chưa trực tiếp trả lời câu hỏi, mà đã kể cho nhà vua nghe một câu chuyện thế này:

Đời xưa, có một vị Quốc vương muốn dùng ngàn lượng vàng để mua một con ngựa thiên lý. Nhưng đã qua ba năm rồi mà vẫn chưa mua được. Có một vị đại thần tâu với Quốc vương rằng:

- Xin để cho thần vất vả vì bệ hạ một chuyến.

Qua ba tháng, vị đại thần kia đã tìm được một con ngựa thiên lý, thế nhưng nó đã chết, liền bỏ ra năm trăm lượng vàng, để mua bộ xương con ngựa đó đem về.

Quốc vương giận dữ:

- Ai cho phép người dùng số vàng lớn như vậy để mua về bộ xương ngựa?

Đại thần nói:

- Một con thiên lý mã đã chết, cho dù đã mua mất 500 lượng vàng, huống hồ một con thiên lý mã sống? Người trong thiên hạ tất nhiên đều cho rằng bệ hạ có lòng thực muốn mua thiên lý mã, nhất định họ sẽ đem thiên lý mã tới cửa triều đình!

Quả nhiên, chưa đầy một năm, nhà vua đã mua được ba thiên lý mã.

Quách Hòe kể xong câu chuyện, lại nói:

- Ngày nay, nếu quả thật bệ hạ muốn cầu tìm người hiền làm thầy dạy, vậy thì hãy xin bắt đầu từ tôi. Ngay đến cả Quách Hòe tôi mà cũng được nhà vua trọng dụng, huống hồ những người có tài năng hơn tôi? Nhất định họ sẽ từ nơi xa ngàn dặm vội vã kéo tới đây.

Yên Chiêu Vương cảm thấy rất có lý, liền xây dựng cho Quách Hòe một cung thất và đã thật sự coi ông là thầy dạy. Câu chuyện này lan truyền ra, rất nhiều người hiền năng đã từ khắp các nước kéo tới gặp Yên Chiêu Vương. Yên Chiêu Vương đã thực sự dựa vào những nhân tài này, cuối cùng đánh bại được nước Tề, thu lại được những đất đai đã bị mất.

20. CHIM SỢ LÀN CUNG

Khi sáu nước Triệu, Sở, Yên, Tề, Ngụy, Hàn liên hiệp chống Tần, một lần nước Triệu cử Ngụy Gia tới Sở hội kiến với Xuân Thân Quân Hoàng Yết, để thương lượng đàm phán những vấn đề liên minh quân sự.

Ngụy Gia hỏi:

- Ngài đã có tướng quân lãnh đạo binh lính chưa?

Xuân Thân Quân trả lời:

Tôi dự định sai Lâm Vũ Quân đảm nhiệm chức chủ tướng.

Ngụy Gia nghĩ: “Lâm Vũ Quân là người nếm đòn bại trận trong cuộc giao chiến với nước Tần, đối với nước Tần vẫn đem lòng sợ sệt, làm sao có thể làm chủ tướng được?” - Ông không muốn nói thẳng đều đó ra để khuyên can. Nghĩ thêm một lát, ông cười rồi nói vòng vo sang chuyện khác:

- Khi còn trẻ tôi rất thích bắn cung, để tôi xin kể một câu chuyện có liên quan tới cung tên cho ngài nghe.

Xuân Thân Vương hào hứng nói:

- Tốt lắm, ông nói đi!

Tức thì, Ngụy Gia kể:

- Ngày xưa, nước Ngụy có một tay cung nổi tiếng tên gọi là Cánh Doanh, có thể trăm phát trúng cả trăm. Một hôm, ông cùng Ngụy Vương đi dạo ngắm cảnh ở dưới kinh đài, bỗng nhìn thấy một con nhạn to từ phương Đông bay lại.

Cánh Doanh nói với Ngụy Vương:

- Tâu bệ hạ, chỉ cần kéo dây cung, không cần dùng mũi tên, tôi cũng có thể bắt được con đại nhạn kia rơi xuống.

Ngụy Vương nói:

- Chớ có ba hoa! Kỹ thuật bắn cung nỏ dù có cao siêu đến mức độ nào, không đặt mũi tên, chỉ bắn dây cung không thì làm sao hạ được nhận?

Cánh Doanh nói:

- Tôi làm sao lại dám nói ba hoa với bệ hạ được? Xin bệ hạ nhìn xem kia!

Đang nói vậy thì con đại nhận đó đã bay tới đỉnh đầu. Cánh Doanh lập tức kéo dây cung, không hề đặt mũi tên, chỉ nghe tiếng dây cung bật “pạch” một tiếng, con đại nhận đó quả nhiên ứng theo tiếng bật của dây cung liền ngã lăn xuống đất.

Ngụy Vương vô cùng kinh ngạc.

Cánh Doanh nhặt con đại nhận lên, nói:

- Kỳ thực con nhận này đã từng bị thương! - Vì sao tiên sinh biết được?

- Con nhận này bay rất chậm, tiếng kêu rất thê thảm. Bay chậm chứng tỏ nó đã từng bị thương. Tiếng kêu thê thảm chứng tỏ nó lạc đàn đã rất lâu rồi. Vết thương của nó còn chưa hoàn toàn lành khỏi. Trái tim kinh sợ vẫn chưa thể bình tĩnh lại được, cho nên con chim còn kinh sợ làn cung này, hễ cứ nghe tiếng dây cung bật là vội bay xốc lên trên cao. Kết quả là vết thương cũ tái phát ra, không chịu đựng nổi, đương nhiên là phải rơi xuống.

Ngụy Gia kể xong câu chuyện, lại nói:

- Lâm Vũ Quân cũng là một con chim sợ làn cung, ông ta bị cái cung của nước Tần bắn bị thương. Việc mời ông ta làm chủ tướng chống Tần, xin hãy xem xét lại.

Xuân Thân Vương nghe xong lời khuyên can khéo léo của Ngụy Gia cảm thấy có lý, liền gật đầu nói:

- Tiên sinh đã nói đúng! Tôi nhất định sẽ phải suy nghĩ và xem xét lại thật cẩn thận!

21. PHÙNG HUYỆN KHOÉT BA HANG

Mạnh Thường Quân lên làm tướng quốc nước Tề càng giàu của lắm tiền hơn ngày trước. Những vị khách mà ông nuôi ở trong nhà lúc đông nhất đã có tới ba ngàn người. Để có thể đủ nuôi sống số môn khách này, ông phải bỏ tiền ra cho vay nặng lãi đối với nhân dân thành Tiết, nơi mảnh đất ông được phong. Sau một năm, do thu hoạch ở thành Tiết bị thất bát, những con nợ đều không trả đủ lợi tức cho ông. Mạnh Thường Quân liền ra một thông cáo, hỏi các thực khách hàng rằng: “Có ai thông thạo công việc kế toán có thể thay tôi thu nợ ở thành Tiết được?”.

Một môn khách tên gọi Phùng Huyền đã ghi ở trên tờ báo đó, nói rằng mình có thể đi được. Mạnh Thường Quân vui vẻ tiếp kiến ông ta, liền gọi người quản gia đem hợp đồng khế cứ giao cho Phùng Huyền, rồi tiễn ông ta tới thành Tiết thu nợ.

Trước khi ra đi, Phùng Huyền hỏi Mạnh Thường Quân:

- Sau khi thu xong khoản nợ rồi, sẽ mua thứ gì đem về?

Mạnh Thường Quân trả lời:

- Cứ xem trong nhà tôi thiếu thứ gì thì mua.

Phùng Huyền đánh xe tới thành Tiết, nhân dân nghèo khổ ở nơi đó nghe tin có liên quan tới thu nợ, mọi người đều luôn miệng kêu đau khổ. Phùng Huyền liền giả thác mệnh lệnh của Mạnh Thường Quân đem mọi khế cứ đốt sạch ngay trước mặt quần chúng, nói rằng thưởng số tiền đó cho bà con, sau này cũng không cần phải trả tiền nữa. Bà con cảm động quá, ai nấy đều tung hô vạn tuế.

Phùng Huyền về tới nước Tề, Mạnh Thường Quân vội hỏi:

- Mua được những gì đem về?

Phùng Huyền trả lời:

- Ngài chẳng đã nói “Cứ xem trong nhà tôi còn thiếu cái gì thì mua”. Tôi nghĩ, trong dinh của ngài chất đầy vàng bạc châu báu, trong chuồng nuôi đầy chó khôn ngựa quý, trong phòng đứng chật nữ nhân tuyệt sắc. Cái mà ở trong nhà ngài còn thiếu, còn ít, chỉ có cái “Nghĩa” cho nên tôi đã mua thay ngài mua được cái “Nghĩa” đó về.

Mạnh Thường Quân hỏi:

- Ông nói vậy là có ý gì?

Phùng Huyền nói:

- Những người vay tiền của ngài đại đa số là dân nghèo khổ. Trước mắt lãi mẹ đẻ lãi con, họ ngày càng nghèo hơn. Cho dù có chờ ở đó mười năm để đòi nợ cũng chẳng thể đòi được. Nếu bức bách, họ chỉ còn cách là bỏ trốn. Đốt hết những chứng cứ vô dụng đi, chủ động vứt bỏ những món nợ không thể thu lại được, thì sẽ có thể làm cho nhân dân ở đất ngài được phong ấy càng gần với ngài, càng ủng hộ ngài. Tôi cho rằng thu về được nhân tâm càng hữu dụng hơn thu về lợi tức!

Mạnh Thường Quân không biết làm cách nào, đành chấp tay nói:

- Con mắt của tiên sinh quả thật là biết nhìn xa trông rộng.

Về sau, vua Tề nghe những lời sàm nịnh, đã bãi bỏ chức vị của Mạnh Thường Quân. Ngoài Phùng Huyền ra, cả ba ngàn thực khách kia đều đã ly tán cả. Mạnh Thường Quân đành phải trở về thành Tiết. Tại một nơi còn cách thành Tiết một trăm dặm xa, nhân dân thành Tiết đã xông xáo hối hả tranh giành nhau tới sớm để nghênh tiếp ngài. Mạnh Thường Quân nói với Phùng Huyền:

- Cái “nghĩa” mà tiên sinh thay tôi mua về, đến ngày hôm nay tôi mới nhìn được thấy.

Phùng Huyền nói:

- Con thỏ khôn phải chuẩn bị khoét đủ sẵn ba hang, mới có thể tránh khỏi chết. Ngài chí ít cũng cần phải có ba nơi yên thân, mới có thể gối cao đầu, không lo nghĩ được.

Không lâu, Phùng Huyền tới du thuyết nước Tần. Ông nói với Tần Chiêu Nhượng:

- Nước Tề có thể cường thịnh như vậy, toàn dựa vào tướng Mạnh Thường Quân. Bây giờ vua Tề đã bãi chức quan của ông ta. Nếu nước Tần có thể trọng dụng Mạnh Thường Quân, thì ông ta nhất định có thể xuất lực giúp đại vương, thế thì nước Tần sẽ ngày càng lớn mạnh hơn.

Vua Tần phái mười cỗ xe, chuẩn bị hơn hai ngàn lượng vàng đi nghênh tiếp Mạnh Thường Quân.

Phùng Huyền về tới nước Tề, nói với vua Tề:

- Kẻ hạ thần này nghe nói Tần Vương chuẩn bị mười cỗ xe, hơn hai ngàn lượng vàng, muốn đến để đón Mạnh Thường Quân tới nước Tần. Nếu Mạnh Thường Quân tới tây Tần thì sẽ khiến cho nước Tần như hổ mọc thêm cánh, càng thêm cường thịnh. Bệ hạ nên tranh thủ trước khi sứ giả nước Tần đến, tới thành Tiết mời ông ta trở lại, khôi phục địa vị cho ông ta, tăng thêm ấp phong cho ông ta, thế thì có thể đánh bại được âm mưu của nước Tần.

Vua Tề sai người tới biên giới thăm dò tin tức, chứng thực lời nói của Phùng Huyền, liền lập tức làm theo lời của Phùng Huyền khôi phục chức tể tướng của Mạnh Thường Quân.

Lúc này, Phùng Huyền lại nhắc nhở Mạnh Thường Quân:

- Xin ngài nhớ đòi vua Tề một phần đồ cúng tế, xây dựng một tông miếu ở thành Tiết, có thể thì địa vị của ngài mới vững chắc được.

Sau khi tông miếu đã xây xong ở thành Tiết, Phùng Huyền nói với chủ:

- Ba cái hang đều đã khoét xong. Ông có thể gối cao đầu không lo lắng gì nữa.

Từ đó về sau, Mạnh Thường Quân đã làm tướng quốc ở nước Tề mấy chục năm, không mấy may xảy ra tai họa nhỏ nào!

22. TRẢ NGỌC VỀ NƯỚC TRIỆU

Triệu Huệ Văn Vương có viên ngọc Hòa Thị, sau khi Tần Chiêu Tương Vương biết, vua Tần liền sai sứ giả mang quốc thư tới yết kiến vua Triệu. Quốc thư nói rằng Tần bằng lòng đem 15 ngôi thành để đổi lấy viên ngọc Hòa Thị đó. Vua Triệu liền triệu tập đại tướng quân Liêm Phả và các quan đại thần khác tới bàn bạc. Mọi người cảm thấy, nếu bằng lòng với nước Tần, sợ rằng bị lừa; nếu không bằng lòng, lại sợ nước Tần đánh tới. Thảo luận cả buổi, cũng chưa rút ra được kết luận gì, cũng chưa có ai dám đảm nhận việc phúc đáp sứ giả của vua Tần.

Lúc này, hoạn quan Trường Mậu Hiền nói:

- Môn khách của nhà tôi là Lạn Tương Như, một mưu sĩ rất có kiến thức, có thể gọi ông ta đi làm sứ giả.

Vua Tần liền triệu Lạn Tương Như đến, hỏi:

- Vua Tần nói muốn đem 15 thành trì để đổi lấy viên ngọc Hòa Thị. Tiên sinh cho rằng nên đổi cho họ hay là không nên đổi?

Lạn Tương Như nói:

- Nước Tần mạnh, nước ta yếu, không đáp ứng cho họ thì không xong.

Vua Triệu lại hỏi:

- Nếu vua Tần lấy được ngọc rồi mà không chịu trả thành cho chúng ta, biết làm sao?

Lạn Tương Như nói:

- Nước Tần dùng thành để đổi lấy ngọc, nếu nước ta không đáp ứng thì sai sót thuộc về nước ta; nước ta đã giao ngọc rồi mà nước Tần không trao thành, thì sai lầm ở phía nước Tần. Thần nghĩ rằng thà chúng ta cứ bằng lòng đáp ứng nước Tần để cho họ gánh chịu lấy tội nuốt ước không giao thành.

Triệu vương nói:

- Liệu tiên sinh có thể đi làm sứ giả đến nước Tần được không?

Lạn Tương Như nói:

- Thần có thể đi được. Nước Tần trao trả thành, thì thần để ngọc lại. Nếu nước Tần không trao trả thành thì thần sẽ mang viên ngọc trở lại Triệu.

Tức thì, vua Triệu liền cử Lạn Tương Như đi sứ nước Tần.

Lạn Tương Như đi tới Hàm Dương thủ đô nước Tần tiến dâng ngọc Hòa Thị cho vua Tần ở Ly Cung Chương Đài. Vua Tần xem ngọc sung sướng truyền tay cho các thần tử mỹ nữ tả hữu ở trong cung cùng thưởng thức.

Họ đều chúc mừng vua Tần, tung hô vạn tuế.

Lạn Tương Như đứng bên cạnh chờ đợi hồi lâu mà chẳng thấy vua Tần đả động gì đến chuyện đổi thành, biết ngay rằng vua Tần không có thành ý, liền bước tới trước mặt, nói:

- Ở trên mặt viên ngọc này có chút vết rạn, xin để thần chỉ cho bệ hạ coi! - Vua Tần liền đem viên ngọc trao cho Lạn Tương Như. Sau khi Lạn Tương Như cầm được viên ngọc, lùi lại mấy bước, dựa vào cột, tóc dựng đứng, mũ lật rơi, nói:

- Lúc đầu bệ hạ cử sứ giả đưa thư đến, nói rằng tình nguyện đem 15 thành trì để đổi lấy viên ngọc này. Mọi người đều nói: “Vua Tần cậy mình là nước lớn, muốn dùng lời nói suông để lừa lấy ngọc”. Nhưng tôi nói: “Nhân dân còn nghĩ tới điều tín nghĩa, hưởng hồ vị vua của nước lớn?”. Lại nói, bởi lẽ có một viên ngọc mà đắc tội với nước Tần lớn mạnh cũng không tốt. Nên, vua Triệu đã tâm thành ý trai giới đủ năm ngày, sau đó sai tôi đưa ngọc tới. Chúng tôi thật sự coi trọng việc này biết bao nhiêu! Thế nhưng, trái lại, bệ hạ đã không tiếp kiến tôi ở chính điện triều đình ở Ly cung biệt quán. Hơn nữa, thái độ vô cùng ngạo mạn, cầm được ngọc rồi lại truyền cho mỹ nữ ở xung quanh đùa chơi, cố ý trêu chọc tôi. Xem ra bệ hạ không có thành ý muốn cắt đất trao thành, cho nên tôi phải đem viên ngọc bích này trở về. Nếu bệ hạ bức bách tôi quá đáng, tôi sẽ lao nát đầu tôi cùng với viên ngọc Hòa Thị này vào cây cột đây! - Nói xong, liền giơ cao viên ngọc định đập vào cột cho nát vụn ra.

Vua Tần luôn mồm xin lỗi, rồi cho gọi sử quan giữ bản đồ đến chỉ rõ trên bản đồ phải cắt trả về cho nước Triệu từ thành này đến thành này. Lạn Tương Như biết rõ vua Tần chẳng qua chỉ lừa dối, liền nói:

- Ngọc Hòa Thị là một viên ngọc quá nổi tiếng trong thiên hạ, khi vua Triệu đưa ngọc đi đã trai giới đủ năm ngày: Đại vương ngài cũng nên trai giới năm ngày, phải sắp xếp bày đại lễ long trọng ở trên đại điện, thì tôi mới dám hiến dâng ngọc Hòa Thị.

Vua Tần đành phải bằng lòng, liền sai người dẫn Lạn Tương Như tới nhà khách nghỉ ngơi.

Lạn Tương Như thầm nghĩ, vua Tần tuy đã bằng lòng trai giới, nhưng sẽ nhất định không chịu cắt trả 15 thành cho nước Triệu. Nên liền phái tùy tùng của mình mặc áo cũ rách, giấu viên ngọc Hòa Thị ở trong mình, đi tắt con đường nhỏ trốn về nước Triệu.

Vua Tần sau năm ngày trai giới, bày nghi lễ chính thức đón đại khách ở trong triều đình, mời Lạn Tương Như bước lên chính điện.

Sau khi Lạn Tương Như thi lễ với Tần Vương, nói:

- Nước Tần kể từ đời Mục Công tới đây, trước giờ đã có 20 đời, chưa từng có một ông vua nào trọng điều tín nghĩa. Tôi quả thực đã sợ bị lừa dối mà phụ lòng ủy thác của vua Triệu. Vì thế tôi đã sai người đem ngọc về rồi.

Vua Tần nổi cơn giận dữ, hạ lệnh cho võ sĩ bắt trói Lạn Tương Như lại.

Lạn Tương Như nói:

- Hãy để cho tôi nói hết đã! Các chư hầu trong thiên hạ đều biết nước Tần mạnh, nước Triệu yếu. Nếu nước Tần quả thực cứ cắt trước 15 thành cho nước Triệu, thì làm sao nước Triệu lại có thể vì một viên ngọc mà đắc tội với vua Tần? Kẻ lừa dối bề hạ tất nhiên phải tội hình phanh thây, xin bề hạ cứ xử tội đại hình cho! Song có điều, lời tha thiết của tôi là mong bề hạ và các đại thần nước Tần hãy cứ suy xét cho kỹ lời nói của tôi.

Vua Tần nghĩ: “Cho dù có giết chết Lạn Tương Như cũng không thể lấy lại được viên ngọc Hòa Thị nữa, mà ngược lại đã phá hoại mối quan hệ hai

nước, chi bằng cứ thả hãn về nước!”. Nghĩ vậy vua Tần lại chiêu đãi Lạn Tương Như rất tôn kính, rồi tiễn đưa ông về nước Triệu.

Lạn Tương Như về đến nước Triệu, được vua Triệu phong cho làm Thượng Đại phu.

Về sau, nước Tần cũng chẳng phải cắt thành cho nước Triệu, nước Triệu cũng chẳng đưa ngọc cho nước Tần.

23. HỘI THỀ Ở MẪN TRÌ

Nước Tần không giành được viên ngọc Hòa Thị của nước Triệu, vẫn có mối uất hận trong lòng. Không lâu, nước Tần kéo quân tới xâm lược nước Triệu, đã chiếm được thành Thạch. Sang năm thứ hai, lại tới đánh nước Triệu, giết hại hai vạn người dân nước Triệu.

Năm 279 trước Công nguyên, Tần Chiêu Tương Vương mời Triệu Huệ Văn Vương đến hội thề ở Mẫn Trì⁽¹⁾ thuộc phía nam Tây Hà. Vua Triệu không dám đến. Đại tướng quân Liêm Phả và quan thượng đại phu Lạn Tương Như đều cho rằng, nếu không đi, chỉ có thể tỏ ra thế yếu của nước Triệu, nhà vua nhất gan làm cho vua Tần coi khinh mà thôi. Vua Triệu đành phải miễn cưỡng ra đi, rồi sai Lạn Tương Như đi cùng.

Liêm Phả dẫn đại đội binh mã đưa tiễn vua Triệu tới biên giới của nước Triệu. Khi bái biệt, Liêm Phả nói với vua Triệu:

1. Mẫn Trì: Là tên huyện Mẫn Trì, thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

- Tâu bệ hạ, lần này bệ hạ tới nước Tần, đoạn đường đi về cộng thêm cả thời gian hội thề, nhiều nhất cũng phải vượt quá 30 ngày. Nếu quá 30 ngày, bệ hạ không trở lại, xin phép lập Thái tử lên làm Quốc vương, để giết chết trái tim nước Tần, chớ có hòng bắt bí bệ hạ.

Vua Triệu gật đầu nói:

- Được, Thái tử và việc quốc sự ta phó thác cả cho tướng quân đó.

Tới ngày hội thề, vua Tần và vua Triệu gặp gỡ nhau tại Mẫn Trì. Trên bàn tiệc, khi vua Tần uống mấy cốc rượu, mượn hứng cay nồng nói:

- Nghe nói vua Triệu yêu thích âm nhạc, xin hãy dùng đàn sắt(1) gảy một khúc nghe chơi!

Vua Triệu không dám từ chối, đỏ dừ mặt, gảy một khúc.

Vua Tần liếc mắt nhìn sử quan ở bên cạnh, mỉm cười, gật đầu. Sử quan hiểu ý, liền bước lên trước, đem sổ ghi chép ra ghi lại. Ghi xong liền đọc: “Năm... tháng... ngày ..., vua Tần và vua Triệu hội thề ở Mẫn Trì. Vua Triệu đã gảy đàn sắt cho vua Tần nghe”.

Lạn Tương Như biết là sự việc vua Tần cố ý làm nhục vua Triệu, coi vua Triệu như kẻ hầu hạ

1. Đàn sắt: Một loại đàn cổ, có 16 dây hoặc 25 dây.

đàn, lại còn đem điều sỉ nhục này ghi trên sử sách, để làm mất mặt vua nước Triệu. Ông nghĩ ngợi một lát, cầm ra một chậu sành, bước lên trước, quỳ trước mặt vua Tần, nói:

- Vua Triệu cũng nghe nói vua Tần rất có khả năng diễn tấu âm nhạc của quý quốc, bây giờ tôi đã bưng đến một chiếc chậu sành, xin đại vương diễn tấu cho nghe một đoạn!

Vua Tần vừa nghe nói đã cảm thấy quá giận dữ! Vua Tần ngẩng cao đầu, không thèm nhìn Lạn Tương Như.

Lạn Tương Như lại bước thêm một bước, quỳ xuống, yêu cầu vua Tần biểu diễn. Vua Tần vẫn không chịu. Lạn Tương Như liền đứng dậy, nghiêm giọng nói:

- Nước Tần tuy lớn mạnh, nhưng, ở nơi chưa đầy năm bước này, tôi có thể dùng máu của mình phun trên thân của bệ hạ được đó!

Vua Tần nhìn thấy Lạn Tương Như giơ cao chiếc chậu sành, nếu thật sự ông ta quật xuống thì cái đầu của mình cũng sẽ chẳng còn nguyên vẹn. Lúc này, các vệ sĩ của hai bên, từng người một đều ngáy mặt trở mắt nhìn, không biết làm thế nào cho phải.

Vua Tần không muốn ném đòn đen đủ trước mắt, đành phải dùng đôi đũa khe khẽ gõ vào chiếc chậu sành. Lúc này, Lạn Tương Như quay lại gọi sử quan nước Triệu cũng ghi lại sự việc này, rồi đọc: “Ngày... tháng... năm..., vua Triệu và vua Tần hội thề ở Mẫn Trì, vua Tần đã biểu diễn gõ chậu sành cho vua Triệu nghe”.

Các quần thần của nước Tần rất phản đối, nói:

- Yêu cầu vua Triệu dùng 15 ngôi thành làm lễ dâng hiến cho vua Tần.

Lạn Tương Như không hề tỏ ra yếu thế, cũng nói ngay:

- Yêu cầu vua Tần cắt nhượng đô thành Hàm Dương để biểu thị lòng kính trọng đối với vua Triệu!

Lúc này, vua Tần đã được tin mật báo nói rằng đại quân của nước Triệu đang đóng đồn ở một nơi gần đó, nên không dám tùy tiện hành động càn rỡ, liền chìa tay mời Lạn Tương Như ngồi xuống. Sau khi bình tĩnh trở lại, hai bên đã ký kết hòa ước không xâm phạm lẫn nhau.

24. QUAN NGOẠI GIAO 12 TUỔI

Vào thời Tam Quốc, vua Tần đã sai viên đại thần là Thái Trạch tới nước Yên để phá vỡ sự liên minh giữa nước Yên và nước Triệu. Vua nước Yên nghe theo và tin vào lời của Thái Trạch, bắt Thái tử Đan tới nước Tần làm con tin, lại xin vua Tần cử một quan đại thần tới nước Yên làm tướng quốc.

Tướng nước Tần là Lã Bất Vi cử Trương Đường tới nước Yên. Trương Đường nói:

- Tôi đã từng vì Tần Chiêu Vương mà tới đánh nước Triệu. Người nước Triệu đã treo giải thưởng, nói: “Ai bắt được Trương Đường sẽ được ban thưởng một trăm dặm đất”. Bây giờ tới nước Yên, nhất định sẽ qua nước Triệu. Cho nên tôi không thể đi được.

Văn Tín hầu Lã Bất Vi về nhà, lòng buồn rười rượi. Hầu hạ Lã Bất Vi là một đứa nhỏ 12 tuổi, tên gọi là Cam La. Đứa bé này là cháu của Cam Mậu. Sau khi nghe nói câu chuyện này, Cam La liền nói với Lã Bất Vi rằng:

- Hãy để cháu tới thuyết phục ông ta, dạy ông ta phải đến nước Yên.

Lã Bất Vi cao giọng gắt gỏng:

- Cút xéo ngay! Tự ta tới mời ông ta, ông ta còn chẳng chịu đi. Có lẽ nào ông ta lại có thể nghe lời đứa con nít như mày?

Cam La không chịu, nói:

- Ngày xưa, lúc Hạng Thác lên bảy tuổi, đã làm thầy của Khổng Tử. Hiện tại cháu đã 12 tuổi rồi. Nếu cháu không bắt được ông ta đi, tới lúc đó ông mắng chửi cháu vẫn chưa muộn.

Lã Bất Vi nói:

- Vậy thì, mày đi xem nào.

Cam La gặp Trương Đường hỏi ngay:

- Công lao của tướng quân so với Võ An Quân Bạch Khởi ai lớn hơn?

Trương Đường nói:

- Võ An Quân ở phía nam đã đánh bại nước Sở lớn mạnh, phía bắc đã dẹp tan nước Yên và nước Sở. Mỗi lần xuất trận, đều giành chiến thắng, mỗi lần tiến công đều thu đất đai. Ngài không biết đã giành bao nhiêu trận thắng, thu được bao nhiêu thành trì. Ta làm sao có thể so sánh.

Cam La lại hỏi:

Thế thì, quyền lực của Văn Tín hầu so sánh với quyền lực của Phạm Huy, thì ai to?

Trương Dương nói:

- Đương nhiên là quyền lực của Văn Tín hầu to. Cam La lại hỏi:

- Ứng Hầu muốn đánh nước Triệu, Võ An Quân không muốn đi, chỉ ra khỏi Hàm Dương có bảy dặm đã chết ở Đỗ Bưu. Bây giờ Văn Tín hầu đích thân mời ngài tới nước Yên làm tướng quốc, tướng quân đã khăng khăng không làm. Tôi không biết được tướng quân sẽ thiệt mạng ở nơi nào đó!

Trương Đường lo sợ quá, vội vàng sai người sắm sửa hành trang chuẩn bị xuất phát ngay lập tức.

Trở về, Cam La nói với Lã Bất Vi

- Trương Đường đã chuẩn bị đi tới nước Yên. Thế nhưng, ông ta vẫn còn chút hoảng sợ nước Triệu. Mong thừa tướng cho cháu mượn năm cỗ xe để cháu tới đàm thông với nước Triệu thay ông ta.

Chưa đầy mấy ngày, Cam La đã tới nước Triệu. Triệu Tương Vương đã ra hân ngoài thành để nghênh tiếp quan ngoại giao do nước Tần cử đến.

Cam La hỏi:

- Thái tử Đan nước Yên làm con tin, bệ hạ đã biết chưa?

- Biết rồi! - Vua Triệu nói.

Cam La lại hỏi:

- Trương Đường tới nước Yên làm tướng quốc, bệ hạ đã biết chưa?

- Ta cũng nghe nói! - Vua Triệu trả lời. Cam La nói:

- Bệ hạ đã đều nghe nói rồi, thì nên hiểu cho rõ địa vị mà quý quốc đang đứng. Thái tử Đan nước Yên đến nước Tần làm con tin là biểu hiện nước

Yên tín nhiệm đối với nước Tần; Trương Đường tới nước Yên làm tướng quốc là sự đánh dấu nước Tần yên tâm đối với nước Yên. Tình hữu hảo giữa hai nước Tần - Yên chính là để khép chặt quý quốc, để mở rộng Hà Giang của tề quốc thành đất đai của người ta. Chi bằng bệ hạ đem năm tòa thành từ sát cạnh Hà Giang cắt dâng cho Tần. Tôi sẽ trở về cầu xin với vua Tần, không để cho Trương Đường tới nước Yên, để cho họ cắt đứt tình hữu hảo. Hai nước chúng mình sẽ kết thành lân bang hữu hảo. Nước Tần lớn mạnh như vậy, đi thu nhật nước Yên nhỏ bé, yếu ớt như vậy, điều mà bệ hạ thu được đâu chỉ là sự mất đi của năm tòa thành trì?

Vua Triệu lập tức cắt dâng năm tòa thành cho nước Tần. Sau đó, vua Tần đưa trả Thái tử Đan về nước Yên. Về sau nước Triệu đánh nước Yên thu được 30 thành trì ở vùng Thượng Cốc, đã dâng 11 thành trong số đó cho nước Tần.

Không lâu, Vua Tần phong Cam La làm quan Thượng Khanh.

**THỜI: TẦN, HÁN, TAM QUỐC,
TÂN. NĂM BẮC TRIỀU**

1. ƯU CHIÊN BA LẦN GAN VUA TẦN

Ưu Chiên là một diễn viên ở trong cung điện của vua Tần. Anh ta là người thấp lùn, bé nhỏ, mặt mũi vô cùng xấu xí, nhưng rất giỏi pha trò, có tài biện luận, khiến ai cũng phải cười.

Một hôm, đầu mùa đông, Tần Thủy Hoàng bày tiệc ở trong cung để khao thưởng đại thần văn võ. Đột nhiên, trời đổ mưa. Các vệ sĩ đứng gác ở ngoài thềm cung điện, quần áo bị ngấm nước mưa ướt sũng, người nào người nấy rét run, môi tím bầm, hàm răng run lập cập. Ưu Chiên đã diễn một đoạn trò, bước ra ngoài nhìn thấy tình cảnh này, rất thông cảm, rồi nói với họ:

- Tôi sẽ nghĩ cách để cho các anh nghỉ ngơi. Có điều, một lát nữa, tôi hô hoán gọi các anh thì các anh phải cao giọng đồng thanh nói là “Có” nghe chưa! - Các vệ sĩ đều gật đầu.

Ưu Chiên vào trong cung, cao giọng nói:

- Hỡi các chàng vệ sĩ!

Các vệ sĩ ở bên ngoài đồng thanh trả lời: - Có!

Ưu Chiên nói:

- Tuy rằng các chàng có thân hình to lớn đó, nhưng lại phải đứng thẳng ở dưới trời mưa; tố tuy rằng vừa lùn vừa bé nhưng lại có vận may là được nghỉ ngơi ở trong cung.

Tần Thủy Hoàng nghe Ưu Chiên nói tới nỗi khổ của các vệ binh, liền bảo:

- Cho một nửa vệ sĩ được phép về phòng nghỉ, hết giờ thì ra thay phiên nhau!

Lại có một lần, Tần Thủy Hoàng triệu tập quần thần lại thương nghị, muốn xây dựng một vườn đại uyển dài mấy trăm dặm, nuôi các loài thú hiếm cầm quý để vui chơi, thưởng thức.

Ưu Chiên ở bên cạnh cố ý ca tụng nói:

- Tâu bệ hạ, chủ định của bệ hạ quả thật là vô cùng kỳ diệu! Nuôi nhiều loài cầm thú quý hiếm ở bên trong, chờ lúc kẻ thù đánh tới, bệ hạ chỉ cần ra lệnh cho chúng dùng sức húc chết địch là được!

Tần Thủy Hoàng cười, rồi tự bỏ ý định muốn xây vườn đại uyển.

Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, con trai xưng là Tần Nhị Thế Doanh Hồ Hợi(1). Để tô điểm cho

1. Tần Doanh Chính, tức Tần Thủy Hoàng, 221-210 trước Công nguyên.

Tần Doanh Hồ Hợi tức Tần Nhị Thế, 209-206 trước Công nguyên. kinh thành Hàm Dương càng tráng lệ, Hồ Hợi đã ra lệnh đem sơn hết tường thành bằng sơn dầu. Việc làm như vậy sẽ tiêu hao rất nhiều tiền tài, sức lực.

Ưu Chiên nghe được mệnh lệnh này, vừa gảy đàn vừa hát:

Tường thành sơn dầu bóng loáng

Bọn địch trèo lên trơn phát ngán

Tường thành sơn dầu mịn màng

Bọn địch đến chẳng thể trèo sang.

Tần Nhị Thế nghe xong, đành xua tay nói:

- Thôi, coi như không có chuyện đó nữa!

Ưu Chiên hát xong, lại múa may làm điệu bộ, nói:

- Có điều là những thứ đem sơn dầu thì không thể phơi nắng được, cần phải để trong bóng râm thì mới không thể tróc ra được. Tôi nghĩ bệ hạ nên trước tiên dựng một ngôi nhà thật to, trùm kín hết toàn bộ thành này, rồi sau đó hãy sơn tường.

2. NGÀM VƯỢT TRẦN THƯƠNG

Sau khi triều đại nhà Tần bị lật đổ, Hạng Vũ âm mưu độc bá thiên hạ. Biết rằng địch thủ khó đối phó nhất là Lưu Bang, liền cố ý đem ba quân chia cho Lưu Bang, rồi phong là Hán Vương, lấy Nam Trịnh của Hán Trung làm đô thành, muốn đem Lưu Bang nhốt chặt vào trong dãy núi xa xôi hẻo lánh này. Thế rồi lại đem Quan Trung hoạch định thành ba phần chia cho các hàng tướng của triều Tần là Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đồng Ế, hòng ngăn cản Lưu Bang phát triển ra phía đông. Hạng Vũ tự phong là Tây Sơn Bá Vương đất phong chín quận, chiếm lĩnh các vùng trung hạ du Trường Giang và một khoảng đất đai phù nhiều rộng lớn ở vùng lưu vực sông Hoài, lấy Bành Thành làm đô thành.

Lưu Bang khiếp sợ uy thế của Hạng Vũ, không thể không tạm thời dẫn quân lên phía tây; kéo về Nam Trịnh, hơn thế đã tiếp thụ kế sách của Trương Lương, đốt cháy sạch toàn bộ sạn đạo(1) dài mấy

1. Sạn đạo là đường xuyên núi, dùng những cây gỗ cắm vào hốc đã đục trên vách núi hiểm trở để làm đường đi lại. trẫm dặm trên đường đi, một là để tiện việc phòng ngự, hai là để mê hoặc Hạng Vũ, khiến Hạng Vũ cho rằng quả thực Lưu Bang không dự định trở ra nữa, để làm lơ lỏng sự chuẩn bị để phòng đối với Lưu Bang.

Lưu Bang đã tới Nam Trịnh, bái Hàn Tín do Tiêu Hà tiến cử làm đại tướng, cầu xin Hàn Tướng hoạch định kế sách, sắp xếp quân sự để phát triển về phía Đông, cướp đoạt lấy thiên hạ.

Hàn Tín sau khi đã hoạch định xong kế hoạch Đông chinh, liền ra lệnh cho Phàn Khoái, Chu Bột... dẫn đại binh mã đi tu sửa sạn đạo, hạn ba tháng phải xong. Thế nhưng, sạn đạo bị thiêu hủy dài hơn ba trăm dặm, cao thấp nhấp nhô, địa thế rất hiểm trở.

Tu dựng chưa đầy mấy ngày, đã trượt chân ngã chết mấy chục người. Việc tu dựng sạn đạo đã làm kinh quân động tướng, náo nhiệt chim bay chó chạy, chỉ thời gian ngắn tin tức tình báo về việc hưng binh Đông chinh đã truyền tới Quan Trung.

Ung Vương Chương Hàm canh giữ vùng đất phái tây Quan Trung, một mặt sai thám tử đi thăm dò tình hình tu dựng sạn đạo, một mặt điều binh khiển tướng đi canh giữ ngăn cản chặt cửa sạn đạo phía Đông. Chương Hàm nghe nói viên đại tướng mà Hán Vương bái phục là Hàn Tín, một tên hèn nhát đã từng phải chui qua háng quần người ta, các tướng sĩ của Hán Vương đều không phục, các binh lính và dân phu đi tu dựng sạn đạo, ngày nào cũng có người bỏ trốn, một năm cũng dừng hòng tu dựng xong, liền buông lời cảnh giác.

Bỗng một hôm, có tin cấp báo truyền đến: Quân Hán đã đánh vào Quan Trung, Trần Thương đã bị chiếm. Trời ơi! Sạn đạo chưa tu dựng xong, quân Hán có lẽ nào mọc cánh bay tới đây hay sao? Kỳ thực, Hàn Tín ngoài mặt thì phái quân đi tu dựng sạn đạo, làm ra vẻ như từ sạn đạo đánh ra; nhưng trên thực tế lại cùng Lưu Bang dẫn quân chủ lực, ngấm ngầm vượt tắt con đường nhỏ tập kích Trần Thương. Kế đó gọi là “Ngoài tu sạn đạo - Ngấm vượt Trần Thương”. Quân Hán lập tức đánh chiếm đất Ung, Hàm Dương, Chương Hàm đại bại, đành phải tự sát!

Chẳng bao lâu, Địch Vương Đồng Ế, Tái Vương Tư Mã Hán đều lần lượt đầu hàng. Thời gian chưa đầy ba tháng, đất Quan Trung đã biến thành địa bàn của Hán Vương Lưu Bang.

3. CHUM GỖ CHỞ QUÂN

Một ngày trong năm thứ hai đời Hán Cao Tổ (năm 205 trước Công nguyên), Lưu Bang phát cơn giận dữ ở trong cung Vinh Dương. Vốn là vì Ngụy Vương Báo đã quy tòng Lưu Bang, nhìn thấy Lưu Bang bị Hạng Vũ đánh bại ở trong trận Bành Thành liền mượn cớ về đất cũ thăm viếng mẫu thân. Thế nhưng Ngụy Vương Báo vừa về tới đất phong thì Hạng Vũ đã sai người tới dụ thuyết. Ngụy Vương Báo liền quyết định phản Hán liên Sở, điểm mười vạn lính, giữ chắc Bình Dương, cắt đứt cửa sông, chuẩn bị cùng Sở, Hán chia ba thiên hạ.

Lưu Bang muốn cất quân tiến đánh. Mưu sĩ Lê Thực Kỳ nói muốn tới trước khuyên giải ông ta một lần. Kết quả là Lê Thực Kỳ húc phải tường đã trở về. Lưu Bang tức giận tới mức “thất khiếu sinh yên”(1), lập tức ra lệnh cho Hàn Tín làm Tả thừa tướng, cùng với Quán Anh, Tào Sâm thống soái

1. Bảy cửa sinh ra khói. Bảy cửa là: hai mắt, hai lỗ mũi, hai tai và miệng - ý chỉ rằng giận dữ tới cực điểm. mười vạn quân vượt qua sông đánh Ngụy, mở rộng chiến trường ở phía bắc.

Ngụy Vương Báo nghe tin, đem hết trọng binh tập trung đến Bồ Châu, đã phong tỏa được Lâm Tấn Quan cửa khẩu Hoàng Hà.

Hàn Tín đến Lâm Tấn Quan, cử người đi trinh sát, thấy bờ đối mặt toàn là quân Ngụy, chỉ có đất Hạ Dương Thượng du quân Ngụy không đến.

Hàn Tín liền quyết định cho quân vượt sông ở Hạ Dương. Đưa quân qua sông đòi hỏi phải có thuyền gỗ, nhưng họ chỉ có hơn một trăm chiếc, không đủ dùng. Hàn Tín liền phái người đi chặt gỗ làm phà, hơn thế còn thu mua các loại chum sành miệng nhỏ bụng lớn.

Quán Anh và Tào Sâm không hiểu rõ được dụng ý mua chum của Hàn Tín, mời ông giải thích.

Hàn Tín nói:

- Đem mấy chục chiếc chum sành miệng nhỏ bụng lớn bịt kín miệng lại xếp thành hình khối chữ nhật, miệng chống xuống dưới, đáy ngửa lên trên, rồi dùng thừng buộc chặt lại, lại dùng gỗ đại kẹp chắc gọi là “chum gỗ”, dùng thứ này làm phà còn chở được nhiều người hơn phà gỗ đó!

Quán Anh và Tào Sâm rất bái phục, rồi ai nấy đều gấp rút đi chặt gỗ, mua chum. Chỉ trong mấy ngày, mọi thứ đều chuẩn bị đầy đủ.

Ngày hôm đó, Hàn Tín ra lệnh cho Quán Anh dẫn một vạn binh mã và hơn một trăm chiếc thuyền bày thế trận ở Lâm Tấn Quan bờ đối mặt sông Hoàng Hà, giả vờ như sắp sửa vượt sông, Ngụy Vương Báo soái lĩnh trọng binh hăm hè theo dõi như hổ rình mồi, chờ đợi. Nào ngờ, Hàn Tín và Tào Sâm lại lén lút dẫn đại quân chở khối chum gỗ tới Hạ Dương.

Ngụy Vương Báo chờ suốt mấy ngày, mà không thấy quân ở bờ bên Lâm Tấn Quan động đậy qua sông, lại cho rằng quân nhà Hán lúc này không dám qua sông nữa. Chính trong lúc đó, quân giữ An Ấp về báo, Hàn Tín đã đánh chiếm mất An Ấp rồi, đang đánh theo hướng Bình Dương. Ngụy Vương kinh sợ vô cùng: Hạ Dương ở thượng du từ xưa không hề có thuyền, có lẽ nào quân Hán bay qua sông chăng? Rồi vội vã dẫn binh đi ngăn cản. Thế nhưng, quân Hán dùng chum gỗ vượt sông sau khi hạ thủ được An Ấp khí thế càng hăng hái. Trên đường tiến quân, thế mạnh như chẻ tre, Ngụy quân làm sao có thể chống cự nổi được? Ngụy Vương Báo đang nghĩ muốn lui quân về Lâm Tấn Quan, binh mã của Quán Anh lại lợi dụng thời cơ Lâm Tấn Quan bỏ ngõ, đã chỉ huy quân đội qua sông đánh chiếm lấy Quan Khẩu, rồi sống tới Bình Dương. Hai đường đánh kẹp lại, Ngụy Vương Báo bị đánh cả trước bụng và sau lưng, đành phải xuống ngựa đầu hàng.

Hàn Tín đã bình định đất Ngụy rất nhanh chóng rồi đổi thành quận Hà Đông.

4. BỐI THỦY TRẬN (1)

Năm 204 trước Công nguyên, Hàn Tín bình định xong đất Ngụy đã cùng Trương Nhĩ dẫn mấy vạn đại quân, muốn đi qua Tỉnh Hình là vùng núi Thái Hành (nay là một tên huyện của Hà Bắc). Triệu Vương Yết và Thành An Quân Trần Dư đã đem 20 vạn binh lực tập trung cả ở cửa hẻm Tỉnh Hình Quan.

Tướng Triệu là Quảng Vũ Quân Lý Tả Xa nói với Thành An Quân Trần Dư rằng:

- Hàn Tín đúng là đã đánh chiếm được đất Ngụy, nhuệ khí của hắn khó có thể đối địch được. Thế nhưng, Tỉnh Hình Quan của chúng ta đường đi vô cùng chật hẹp, không thể để cho hai cỗ xe cùng đi, không thể để cho kỵ binh xếp thành đội ngũ. Quân Hán từ ngoài xa mấy trăm dặm tới đây, xe chở lương của chúng nhất định phải tụt lại đằng sau, xin ngài cứ trao cho tôi ba vạn kỵ binh, đi tắt đường nhỏ đến cướp xe tải lương thực của

1. Bối Thủy trận: Trận đánh phía sau lưng là nước (bối là sau lưng) ý nói một trận đánh quyết liệt, không còn lối thoát nữa, sau lưng là nước rồi, chỉ có quyết đánh mới có thể sống được. chúng. Ngài cứ đào sâu chiến hào, đắp cao doanh lũy, kiên quyết giữ vững trận địa, không xuất binh ra giao chiến. Như vậy, chúng không thể tiến lên phía trước, lại chẳng thể lùi lại phía sau. Tôi lại dùng kỵ binh cắt đứt đường sau của chúng, để cho chúng không còn một chút lương ăn, vật dùng. Chưa đầy mười ngày chúng ta sẽ có thể lấy được đầu lâu của Hàn Tín và Trương Nhĩ đó. Nếu không thể, chúng ta sẽ trở thành tù binh của chúng đó.

Ngược lại, Trần Dư nói:

- Binh lực hiện nay của Hàn Tín, trên cửa miệng chúng nói là có mấy vạn, kỳ thực, không có quá nổi mấy ngàn. Một đội quân bạc nhược như vậy, lại mệt mỏi vì lặn lội mấy vạn dặm đường, vậy mà chúng ta trốn né không

đánh, về sau gặp đội quân địch lớn mạnh thì sẽ đối phó ra sao? Như vậy thì các nước chư hầu khác có thể cười chúng ta là khiếp nhược nhút nhát, có thể coi thường mà tùy tiện đến đánh chúng ta.

Lại nói, Hàn Tín cử người trà trộn sâu vào thám thính tình hình quân Triệu, nghe nói Trần Dư không làm theo kế sách của Lý Tả Xa, lúc này mới mạnh dạn tiến quân theo con đường hẻm hẹp và dài. Tới một nơi cách tỉnh Hình Khẩu chưa đầy 30 dặm, đã hạ trại đóng quân. Giữa nửa đêm phát ra lệnh đột kích, tuyển chọn hai ngàn khinh kỵ giao cho họ mỗi người đem theo một lá cờ Hán màu đỏ, đi tắt đường mòn theo núi che chở hành quân tới sát gần doanh trại của quân Triệu. Trước khi hành quân, Hàn Tín nói với tướng sĩ:

- Quân Triệu nhìn thấy quân ta bại trận rút lui, nhất định chúng sẽ nhõ hễ sào huyệt, huy động hết lực lượng truy kích quân ta. Tới lúc đó các người phải nhanh chóng xông vào doanh trại quân Triệu, nhõ hết cờ xí của chúng, đổi thành cờ xí của quân ta!

Tiếp đó, Hàn Tín phái một vạn người làm bộ đội tiên phong, đóng binh lập trại, mặt hướng thẳng vào quân Triệu, sau lưng là sông nước, bày ra thế trận. Quân Triệu nhìn thấy, đều cười mỉa mai là quân Hán ngu xuẩn. Khi trời sáng, Hàn Tín thống lĩnh một bộ phận quân đội kéo theo ra khỏi con đường hẹp của tỉnh Hình Khẩu. Quả nhiên, toàn bộ quân Triệu ồ ạt kéo quân ra nghênh đánh. Hai bên giao chiến rất lâu, quân Hán giả vờ bại trận rút lui. Toàn lực quân Triệu đuổi đánh, cách quân doanh rất xa, hai ngàn quân khinh kỵ kia được Hàn Tín cử đến từ trước đã mai phục sẵn ở gần doanh trại của quân Triệu, lúc đó thừa cơ xông vào doanh trại quân Triệu, nhõ hết cờ xí của quân Triệu, cầm đổi lên hai ngàn lá cờ xí của quân Hán.

Lại nói Hàn Tín và Trương Nhĩ dẫn quân rút lui về trong quân trận Bối thủy. Bởi ở đó không còn lối rút lui, ai nấy đều phải liều chết mà chiến đấu. Quân Triệu trong chốc lát không thể giành được thắng lợi. Đánh một trận giằng co, quân Triệu muốn thu binh về doanh trại, nhưng ngoảnh đầu nhìn lại, trên mái doanh trại toàn lá cờ xí màu đỏ của quân Hán, vô cùng kinh ngạc, cho rằng quân Hán đã bắt sống được vua Triệu và các tướng lĩnh của

chúng rồi. Quân Hán nhìn thấy quân Triệu thế trận nhốn nháo, lợi dụng thời cơ hai đường cùng đánh kẹp lại đại phá được quân Triệu, giết chết Trần Dư, bắt sống được Triệu Vương Yết và Lý Tả Xa.

Sau khi cuộc chiến đấu kết thúc, có người hỏi Hàn Tín:

- Trên binh pháp đã nói, khi tác chiến cần phải gần núi xa sông, thế nhưng tướng quân lại bày thế trận ở gần sông, làm trái với binh pháp, đó là chiến thuật gì vậy?

- Điều này ở binh pháp đã có nói. Binh pháp nói: Cần phải đặt quân đội vào hoàn cảnh nguy hiểm hết sức thì binh sĩ mới dũng cảm tác chiến. Rồi sau đó từ chỗ chết tìm thấy đường sống giành thắng lợi. Nếu đặt các tướng sĩ ở trạng thái bình thường, hơn nữa chưa được kinh qua tôi luyện ở với một địa điểm có thể chạy trốn để tìm đường sống thì đều sẽ chạy trốn, họ làm sao có thể hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt địch?

Các tướng sĩ đều bái phục nói:

- Đó là điều chúng tôi chưa thể nghĩ tới được.

5. BẠCH ĐĂNG GIẢI VÂY

Năm 200 trước Công nguyên (năm thứ bảy Hán Cao Tổ) tướng Mạo Đốn Đôn Vu của Hung Nô dẫn hơn 40 vạn binh mã, đánh thẳng tới Thái Nguyên, vây chặt Tấn Dương. Hán Cao Tổ Lưu Bang đích thân dẫn đại quân đánh lại kẻ địch tới xâm phạm. Sau khi đánh vào Tấn Dương, Lưu Bang nghe nói tiền quân liên tục giành thắng lợi, liền muốn tấn công ồ ạt.

Những người được phái đi trinh sát trở về, đều nói như thế này:

- Quân lính dưới trướng của Mạo Đốn Hung Nô đại đa số đều hom hem già yếu, ngựa của chúng cũng rất gầy yếu, xin bệ hạ ra lệnh truy kích ngay!

Lưu Bang vẫn chưa yên tâm, cử Phụng Xuân Lưu Kính đi tới Hung Nô để đàm phán, kỳ thực là tìm rõ thực hư. Lưu Kính trở về nói:

- Người ngựa của Hung Nô mà tôi nhìn thấy quả thực là không chịu nổi một đòn. Thế nhưng, thần nghĩ ở đây có lẽ chúng đã sắp xếp bài bản. Xin bệ hạ thử nghĩ coi: Nếu quả thực lực lượng quân sự của quân Hung Nô vô cùng bạc nhược, sao giám cả gan cử binh xâm phạm Trung Nguyên của ta? Thần nghĩ rằng, đây nhất định là kế “Tỏ ra yếu” mà người Hung Nô diễn trò để nhử cho chúng ta truy kích, lừa chúng ta vào trong vòng vây của chúng. Mong bệ hạ suy nghĩ kỹ, rồi hãy làm.

Lưu Bang nghĩ, mọi người đã nhìn thấu điều này là binh tàn giá yếu, thì còn sợ chúng điều gì nữa? Liền mắng chửi Lưu Kính một trận lôi đình rồi nhốt vào ngục tối, chuẩn bị thẳng trận sẽ trở về xử tội Lưu Kính.

Lưu Bang sợ để chậm trễ sẽ để Mạo Đốn Đơn Vu chạy thoát liền vội vã dẫn một đại đội kỵ binh đuổi theo. Ai ngờ vừa tới Bình Thành, 40 vạn người ngựa của Hung Nô đã bao vây toàn bộ quân đội của Lưu Bang. Quân đội Hung Nô() đều là lính khỏe ngựa mạnh, tinh thần hăng hái. Lúc này, Lưu Bang mới nghĩ tới lời cảnh báo trung thực của Lưu Kính, đầu óc quay cuồng, chân tay bủn rủn. Trong lúc vô cùng nguy cấp này, Lưu Bang phải dẫn quân mở con đường máu rút quân lên núi Bạch Đăng ở

1. Hung Nô: Một dân cổ đại Trung Quốc, thời Chiến quốc du mục ở phía bắc Yên, Triệu, Tần. Thời Đông Hán phân liệt thành Bắc Hung Nô và Nam Hung Nô, Bắc Hung Nô cuối thế kỷ I bị nhà Hán đánh bại phải rời về phía tây. Nam Hung Nô phụ thuộc vào nhà Hán, thời Đông Tấn đã lập nên nước Hán và nước Tiền Triệu. phía đông Bình Thành. Nơi này thế núi hiểm trở “một người đứng gác, vạn người khó qua”. Tuy người Hung Nô nhất thời chưa đánh lên núi nhưng họ đã phái mấy vạn người vây chặt núi Bạch Đăng, ba mươi mấy vạn binh mã chia nhau giữ chặt các cửa ngõ để ngăn chặn quân Hán ở phía sau. Như vậy, quân Hán ở trên núi Bạch Đăng đã trở thành một đội quân cô độc “trong không lương thực, ngoài chẳng viện binh”.

Đến sáng ngày thứ tư, Lưu Bang, Trần Bình đang ở trên núi ngóng nhìn. Bỗng nhiên thấy ở dưới chân núi có một nữ kỵ binh đang rong ruổi, vừa dò

la, đã biết thì ra vua Mạo Đốn Đơn Vu đi đánh trận, Vương hậu cũng theo. Đột nhiên, Trần Bình đã nghĩ ra một diệu kế.

Ngày hôm sau, Trần Bình phái một sứ giả đi tới tiếp kiến Hung Nô Vương hậu. Trên đường đi, sứ giả dùng vàng ngọc mua chuộc tướng sĩ Hung Nô, cho nên đã rất nhanh chóng yết kiến được Vương hậu của Hung Nô.

Sau khi sứ giả dâng hiến một đồng to những chuỗi ngọc nạm vàng sáng óng ánh, lại dâng lên một bức ảnh mỹ nữ, nói:

- Hoàng đế Trung Nguyên sợ rằng Đại vương Hung Nô không chịu rút quân, đã chuẩn bị một mỹ nữ Trung Nguyên xinh đẹp nhất để hiến cho Đại vương Hung Nô. Đây là bức ảnh đẹp nhất, định đưa dâng trước để Đại vương ngắm thử.

Vương hậu Hung Nô mở ảnh ra xem, quả là một mỹ nữ đẹp tuyệt trần, mi tựa lá liễu đầu xuân, mặt như hoa đào tháng ba, tay nõn nà trắng như ngọc, lưng cong uyển chuyển như cành liễu, tóc xanh như ngọc khiến cho ong diên kiến loạn; đôi mắt đa tình khiến người phải hồn bay phách múa. Ngay cả đến Vương hậu Hung Nô cũng phải si mê. Bỗng trong lòng giật mình kinh sợ: Nếu Đơn Vu được người con gái đẹp nhất thiên hạ này, ta sẽ bị đối xử lạnh nhạt.

Vương hậu Hung Nô vội hỏi sứ giả:

- Cái ảnh này thôi khỏi cần nữa. Để ta bảo Đơn Vu rút hết quân về là xong!

Ngay tối hôm đó, Vương hậu khuyên Mạo Đốn Đơn Vu rút quân. Mạo Đốn Đơn Vu bắt quân Hán đem đến rất nhiều lễ vật, rồi rúc lên một hồi tù và, thả cho bọn Lưu Bang ra về.

Lưu Bang về đến nhà, đầu tiên thả Lưu Kính ra khỏi ngục tối, rồi phong tặng cho Lưu Kính chức vụ quan Nội hầu. Tiếp đó đem chặt đầu toàn bộ tất cả những kẻ sứ giả nào khuyên Lưu Bang lập tức truy kích quân Hung Nô.

6. “TƯỚNG QUÂN BAY” LÝ QUẢNG

Khi Hán Cảnh Đế tại vị (năm 156 đến năm 143 trước Công nguyên), quân Hung Nô cử đại binh xâm lược Thương Quận, Hoàng đế đã cử một hoạn quan theo “Tướng quân bay” Lý Quảng huấn luyện quân đội.

Một hôm, vị hoạn quan này dẫn mấy chục kỵ binh phóng ngựa lao ra tiền phương, đã gặp phải ba người Hung Nô liền đánh nhau với chúng. Ba người này quay mình lại bắn nỏ, đã bắn bị thương hoạn quan; các kỵ binh cùng ông ta đi hầu như đều bị bắn chết cả. Viên hoạn quan đó vội vã chạy trốn về chỗ Lý Quảng.

Lý Quảng nói:

- Ba tên này nhất định là thiện xạ điều hâu của Hung Nô - Nói xong, liền dẫn hơn một trăm lính kỵ binh, chạy nhanh như bay đuổi theo ba người Hung Nô đó. Chạy được mấy chục dặm thì đuổi kịp ba người Hung Nô đang đi bộ.

Lý Quảng ra lệnh cho bộ hạ tản ra bên trái và bên phải, rồi từ hai bên bao vây lại. Lý Quảng kéo dây cung, chỉ bắn hai phát đã giết chết hai người, còn lại một người đã bị bắt sống. Qua tra hỏi, quả nhiên đó chính là xạ thủ bắn điều hâu.

Lý Quảng hạ lệnh trói chặt tên tù binh ở trên lưng ngựa, đang chuẩn bị trở về doanh trại thì từ xa đã nhìn thấy mấy ngàn tên kỵ binh Hung Nô phóng tới nhanh như bay.

Tên tướng của Hung Nô nhìn thấy bọn Lý Quảng chỉ có gần trăm người, lại cho rằng đó là sự nghi binh nhử địch của người Hán, sợ trúng phải mai phục, lập tức lên núi lập thế trận.

Lại nói kỵ binh của Lý Quảng nhìn thấy đối phương cũng vô cùng kinh sợ, đều muốn quay đầu ngựa rút lui trở về. Lý Quảng cản lại, nói:

- Người Hung Nô không dám tiến công, chúng đã phải phòng ngự, điều đó nói rõ chúng không hiểu thực hư của chúng ta. Bây giờ, chúng ta xa cách đại quân có tới mấy chục dặm đường, nếu mà hốt hoảng chạy trốn, chúng nó đuổi theo, chỉ cho một làn mưa cung thì chúng ta lập tức sẽ bị giết chết hết. Nếu chúng ta cứ ở lại không chạy, nhất định bọn địch cho rằng chúng ta đang dùng kế nhử địch. Như vậy thì chúng tuyệt đối không dám đến đánh chúng ta! - Tiếp đó, Lý Quảng ra lệnh cho bộ hạ tiến lên phía trước, mãi tới khi chỉ còn cách trận địa Hung Nô khoảng hai dặm đường thì mới dừng lại.

Lý Quảng lại hạ lệnh:

- Mọi người đều phải xuống ngựa, dõ hết cả yên ngựa xuống!

Có một tên kỵ binh hỏi:

- Bọn địch đông gấp mười lần quân ta, lại cách chúng ta gần như vậy, chỉ cần hô xung phong một tiếng là tới trước mặt chúng ta. Như vậy quá nguy hiểm!

Lý Quảng nói:

- Kẻ địch cho rằng chúng ta có thể rút lui, ai ngờ chúng ta lại dõ bỏ yên cương xuống thì chúng nó càng tin tưởng chắc chắn là kỵ binh tới nhử chúng.

Lính bộ hạ vừa tháo yên cương, vừa lo toát mồ hôi, phải nằm nghỉ ngay trên mặt đất. Quả nhiên, quân Hung Nô không dám công kích họ.

Lúc này, có một viên tướng Hung Nô cưỡi ngựa trắng xuất trận để kiểm tra quân lính của chúng. Lý Quảng bay mình lên trên ngựa, dẫn mười mấy tên kỵ binh, xông thẳng về phía trước tên tướng Hung Nô. Lý Quảng bắn một mũi tên giết chết hắn, lại quay trở lại đội ngũ, dõ yên ngựa nghỉ ngơi.

Một lát sau, trời dần dần tối. Người Hung Nô vô cùng nghi hoặc, nhưng trước sau vẫn không dám phát động tấn công. Đến nửa đêm, người Hung Nô sợ quân Hán có thể phát động tấn công bất ngờ, liền lặng lẽ rút lui!

Ngày hôm sau, trời vừa sáng, Lý Quảng nhìn thấy quân địch đã không còn một bóng, mới dẫn quân trở về doanh trại của đại quân.

7. HÀ VŨ XỬ ÁN

Thời Tây Hán, quan Thái thú quận Bái là Hà Vũ. Một hôm, thụ lý xét xử một vụ án kế thừa tài sản. Nguyên cáo là một thiếu niên 15 tuổi, bị cáo là chị gái và anh rể của cậu thiếu niên đó.

Vốn là cậu thiếu niên này lên ba tuổi đã mất mẹ. Cha cậu là một đại phú ông, gia sản có dư 20 vạn mẫu. Sau mấy năm, người cha bị ốm nặng, ông cảm thấy người con gái bất hiếu, đưa con rể lại là một kẻ vô cùng tham lam, sợ rằng vì việc tranh đoạt tài sản mà chúng có thể giết hại con trai mình. Gia tộc ông lại chẳng còn người thân thích nào. Phú ông triệu tập các con tới trước mặt, viết bức di thư, quyết định đem toàn bộ tài sản giao cho con gái, chỉ còn giữ lại một thanh kiếm báu, nói rằng khi con trai 15 tuổi thì sẽ đưa cho nó. Đứa trẻ 15 tuổi, hiểu được sự đời. Một hôm, nó nói với anh rể và chị gái xin lại chiếc kiếm báu. Thế nhưng chị gái và anh rể nhất định không trao. Cậu bé tức giận lắm liền kiện lên phủ quận.

Quan thái thú Hà Vũ đã cử người truyền gọi người con gái và con rể lên phủ, bắt phải đem theo cả chiếc kiếm báu.

Ở phiên tòa, Thái thú đã đọc một lượt bức thư di chúc của Phú ông cho nguyên cáo và bị cáo nghe. Rồi hỏi:

- Bức di chúc này là thật hay là di chúc giả?

Người con gái và con rể của Phú ông vội vã nói: - Không phải là di chúc giả!

Hà Vũ nói:

Đã không phải là di chúc giả, cơ sao các người lại không đem theo kiếm báu lại đây?

Hai kẻ lòng tham vô đáy đó đành phải miễn cưỡng giao nộp kiếm báu.

Hà Vũ nói với các quan viên tả hữu:

- Các người hãy nhìn xem, người con gái và người con rể của phú ông kia, ngay cả một chiếc bảo kiếm cũng không chịu tự giác trao trả cho người em ruột thịt của mình. Có thể nhìn thấy rõ chúng là những kẻ tham của như dạ chó lòng lang! Thế nhưng lão ông đã lo liệu sẵn sàng từ trước cả, cho nên ông cho rằng, nếu như đem tài sản để lại cho con trai thì tính mạng của con trai tất nhiên khó có thể giữ được. Cho nên, ông lão đã đem tài sản tạm thời gửi ở chỗ con gái và con rể - Hà Vũ nói đến đây, giở chiếc kiếm báu lên, lại nói - Mà chiếc kiếm này có ngầm ý là cần phải quyết đoán sự việc này. Ông lão đã dự đoán từ đây về sau, con gái và con rể nhất định không chịu giao kiếm cho con trai. Tới lúc đó, con trai đã lớn 15 tuổi, trí lực và thể lực của nó đủ để bảo hộ được mình. Như vậy, kiện lên châu huyện, nếu gặp được vị quan thanh chính liêm minh, hoặc giả có thể hiểu rõ được nỗi khổ tâm này của nó, thì có thể làm chủ cho con trai ông được. Các người xem, người Phú ông này đã suy xét sâu sắc biết bao nhiêu!

Các quan lại đều đồng thanh khen phải.

Cuối cùng, Hà Vũ đã nói với con rể lão Phú ông:

- Căn cứ vào nỗi khổ tâm của nhạc phụ anh, bản châu phán quyết đem toàn bộ di sản trao lại cho cậu em vợ của anh.

Người con gái và con rể kia quỳ sụp xuống đất van xin Hà Vũ xử lại.

Hà Vũ nói:

- Hai người đều là cái đồ lòng tham vô độ, đã được thừa hưởng tài sản hơn mười năm rồi, có lẽ nào đó lại chẳng phải là vận may hay sao?

8. NGỌN ĐUỐC HÌNH CHỮ THẬP

Một buổi tối vào năm 73 sau Công nguyên (năm thứ 13, đời Đông Hán Minh Đế Vĩnh Bình), sao thưa trăng nhạt, vạn vật đều yên tĩnh. Vân Trung thái thú Liêm Phạm ngồi ở trong trường quân doanh, đi rảo vài bước trầm tư suy nghĩ, một lát lại đọc quyển binh thư đã thuộc lòng.

Gần đây, quân Hung Nô phương Bắc lại cử đại quân tấn công. Vân Trung thái thú Liêm Phạm đã ra sức chống đỡ. Lúc đó, quân sĩ dưới trướng ông chỉ bằng một nửa số quân Hung Nô, tình thế rất là nguy cấp.

- Kính thưa Liêm đại nhân! Theo thiên kiến của tiểu nhân thì ta cứ tới bạn bè bốn phương cầu cứu, như thế mới là thượng sách! - Một vị bộ tướng kiến nghị.

Liêm Phạm lắc đầu nói:

- Thỉnh cầu tăng viện đương nhiên có thể làm thử coi. Thế nhưng lần này, quân Hung Nô dùng đại quân tiến công, vạn nhất nước láng giềng chỉ nghĩ tới mình, không chịu tăng viện, hoặc giả quả thực họ không thể chia sẻ được binh thì sao? Chúng ta phải nên trụ vững bởi sức mạnh của mình để đánh lại kẻ thù lớn mạnh mới phải chứ!

Bộ tướng đó hỏi:

- Thế nhưng quả thực binh lực của chúng ta quá ít!

- Phép dùng binh không ngán giả trá! - Liêm Phạm bỗng nói - chúng ta sẽ dùng cảnh giả để đánh lừa quân địch. Đúng! Có lẽ phải dùng kế biến không thành có ...

- Biến không thành có? - Bộ tướng nghi hoặc hỏi - Thế nào là biến không thành có?

Lúc này, Liêm Phạm nhấp nháy đôi mắt sáng ngời nói với bộ tướng làm như thế, như thế... Bộ tướng gật đầu lia lịa, rồi lập tức thực hiện mưu kế của

Liêm Phạm.

Ở trước cửa, có mấy tên lính gác giờ cao ngọn đuốc đi lại tuần tra. Một đầu của cây đuốc lửa cháy, còn lại một đầu là tay người lính cầm. Thế nhưng một lúc lâu sau, ở trong doanh trại tất cả mọi người lính đều xô ra. Mỗi người tay một cây đuốc hình chữ thập, dùng tay nắm một đầu, còn ba đầu kia đều đốt lửa cháy, sau đó phân nhau đi các ngả trong doanh trại. Như vậy, hình như một người đã biến thành ba người.

Lúc này, chủ soái của Hung Nô nhận được tin báo rằng:

- Ở trong quân doanh của Liêm Phạm khắp nơi đều là những binh sĩ tay cầm đuốc. Có lẽ là quân sĩ tăng viện của nhà Hán đã tới! Hung Nô sắp sửa mở cuộc tiến công, do đó lại rất hoảng sợ.

Trời dần dần sáng. Những ngôi sao trên trời đã dần dần biến mất. Cả mặt đất sáng ngời. Quân đội Hung Nô vội vã thu dọn lều bạt rút lui về phương Bắc.

Liêm Phạm hạ lệnh cho binh sĩ thúc trống ầm 1, tiếng gào “giết, giết” vang trời dậy đất, một người xông lên giết chết hàng trăm tên giặc. Trong lúc hoảng loạn, quân Hung Nô giẫm đạp lên nhau mà chạy, bỏ lại hàng ngàn xác chết.

9. NGÔ HỦ ĐÁNH LỪA QUÂN KHƯƠNG(1)

Vào năm thứ hai nguyên sơ Hán An Đế (năm 115), dân tộc Khương ở Tây Bắc cất quân tiến đánh Võ Đô Đông Hán. Triều đình đã ủy nhiệm Ngô Hủ làm thái thú Võ Đô, sai ông dẫn quân đi chinh diệt quân Khương.

Ngô Hủ đã dẫn ba ngàn binh mã đến Hào Cốc ở trong biên cảnh Trần Thương(22), nhìn thấy nơi đây địa thế hiểm trở, dễ giữ khó đánh, sinh ra lo sợ, trúng phải quân mai phục, vội vàng phái cử thám tử đi trước để thám thính. Quả nhiên đã phát hiện hàng loạt quân Khương đã mai phục ở Hào Cốc. Ngô Hủ cảm thấy không dễ dàng tùy tiện tấn công được, nên đã quyết định trước tiên dùng nghi binh giả để lừa quân địch, sau đó thừa cơ đột phá nơi hiểm yếu nhất của Hào Cốc, tiến vào đánh chiếm Xích Đình, rồi tiến thẳng Võ Đô.

1. Khương là dân tộc thiểu số, vốn lấy Thanh Hải làm trung tâm, nay thuộc Tứ Xuyên, bắc tiếp giáp với vùng Tân Cương. Thời Đông Hán di cư tới Túc, thời Đông Tấn đã xây dựng lên nước Hậu Tần (năm 384-417).

2. Nay ở gần Hoài Dương, tỉnh Hà Nam.

Ngô Hủ liền ra lệnh cho quân sĩ hạ trại để chờ lệnh, hơn thế, còn phao tin ở khắp nơi:

- Ta đã cho người về báo cáo với triều đình xin thêm quân cứu viện. Khi nào viện binh tới, chúng ta bắt đầu tiến công.

Quân Khương nghe được tin này, liền nghĩ: “Ngô Hủ chỉ dựa vào ba ngàn người ngựa, làm sao lại dám tấn công vào Hào Cốc hiểm yếu được. Chờ được viện binh nhà Hán kéo được tới đây còn phải tốn mất bao nhiêu thời gian nữa. Vì thế nên chỉ cần để lại một ít quân Khương canh giữ Hào Cốc, còn các binh lính khác thì cho phân tán đi cướp bóc ở nơi khác”.

Lợi dụng thời cơ đó, Ngô Hủ liền ra lệnh cho quân đội lập tức xuất phát đánh phá Hào Cốc, ngày đêm liên tục hành quân với tốc độ mỗi ngày phải đi hơn trăm dặm, mau chóng đánh tới Xích Đình. Lúc nghỉ ngơi ở dọc đường, ông đã bắt cả quan và lính mỗi người phải đào bếp nấu ăn cho hai người, ăn cơm xong cũng không phá hủy đi. Ngày thứ hai lại ra lệnh mỗi người phải dựng bếp nấu ăn cho bốn người. Quân Khương thấy quân đội của Ngô Hủ đã đột phá Hào Cốc, vội vã đuổi theo. Nhưng đã phát hiện số bếp nấu ăn của quân Hủ ngày một tăng lên nhiều, cho rằng họ đã có viện quân nên đã hoảng sợ không dám đuổi theo nữa.

Quân sĩ cảm thấy kỳ quái, liền hỏi Ngô Hủ:

- Năm xưa, Tôn Tẫn đánh Bàng Quyên thì mỗi ngày một giảm bếp. Còn ngài cứ sao lại ngày một tăng bếp? Binh pháp nói: Quân đội hành quân ngày đi không được vượt quá 30 dặm, đề phòng bất trắc. Còn ngài sao lại đốc quân mỗi ngày hành trình gần hai trăm dặm. Đó là vì lẽ gì?

Ngô Hủ nói:

- Thế của quân địch đông, quân ta ít. Tốc độ hành quân chậm trễ bị quân địch đuổi theo. Hành quân mau lẹ có thể khiến cho quân địch không thể biết rõ được tình hình của chúng ta. Kẻ địch nhìn thấy bếp nấu ăn của chúng ta ngày càng tăng lên nhiều, nhất định sẽ cho rằng chúng ta có viện binh. Quân của ta đã đông mà tốc độ hành quân lại nhanh thì khẳng định quân địch không thể khinh thường theo được. Năm xưa Tôn Tẫn “tỏ ra yếu”, nay Ngô Hủ ta lại “tỏ ra mạnh”. Đó chính là bởi nguyên cơ tình thế khác nhau.

Tất cả mọi người đều gật đầu khen phải.

Ngô Hủ dẫn chưa đầy ba ngàn người ngựa thẳng tới Võ Đô, thế nhưng đã bị hơn một vạn quân Khương bao vây chặt. Để đánh lừa quân Khương, Ngô Hủ đã hạ lệnh cho quân Hán không được phép bắn cung mạnh, chỉ dùng nỏ bắn vào lính giữ thành của quân Khương. Tức thì quân Khương cho rằng vỡ cung lực của quân Hán yếu, bắn không thể tới chỗ chúng được, liền ào ạt tấn công lên như đàn ong tổ. Lúc này, Ngô Hủ ra lệnh cho 20 tên tay nỏ mạnh tập trung bắn vào quân Khương. Quân Khương kinh sợ bàng

hoàng bại trận rút lui. Ngô Hủ nhìn thấy quân Khương hoảng loạn lại dẫn quân xông lên chém giết.

Ngày hôm sau, Ngô Hủ quyết định lại đánh lừa quân Khương một đòn nữa. Ông để cho tất cả quân xếp thành đội ngũ, ngạo nghễ đi từ phía đông cửa thành đi vào. Sau khi vào thành, lại thay đổi quần áo rồi từ cửa thành này đi ra. Cứ như thế, đi ra đi vào mỗi ngày mấy lượt. Như vậy, quân Khương cho rằng quân Hán đã kéo tới mấy vạn viện binh, nên đã hoảng sợ vội vã rút lui.

Ngô Hủ nhận được tin quân Khương rút lui, liền đặt quân mai phục. Quân Khương sa vào lưới mai phục, quân của Ngô Hủ như đội quân thần từ trên trời rơi xuống, tiếng hô giết vang lên tứ phía. Một trận tấn công ác liệt khiến cho quân Khương giẫm đạp lên nhau, chết và bị thương không biết bao nhiêu mà kể.

Nhờ những kế sách tuyệt hảo của mình, Ngô Hủ đã đánh bại cuộc tiến công của quân Khương vào Võ Đô.

10. LỜI HÙNG BIỆN KỶ LẠ CỦA KHỔNG DUNG

Khổng Dung là nhà văn học ở cuối thời Đông Hán (năm 153 - 208) khi lên mười tuổi đã theo cha tới Lạc Dương. Lúc đó, ở Lạc Dương có một nhân vật tiếng tăm lừng lẫy, tên gọi là Lý Nguyên Lễ, làm quan tới chức Tư lệ Hiệu úy (tương đương với chức quan Thái thú). Bởi ông là người đa tài, đa nghệ, đạo đức cao thượng, cho nên người tới thăm viếng ông liên miên không ngớt. Thế nhưng phải là những danh lưu xã hội tài hoa xuất chúng hoặc là thân thuộc trong nhà thì người gác cửa mới cho vào. Đã mấy lần Khổng Dung nằng nặc đòi cha dẫn vào để được gặp Lý Nguyên Lễ, nhưng cha sợ rằng Khổng Dung còn thơ dại, đắc tội với ngài, cho nên đã không bằng lòng.

Ngày hôm đó, Khổng Dung giấu cha, một mình tới cửa nhà họ Lý, bước tới trước mặt người lính gác vái chào rồi lễ phép nói:

- Tôi là họ hàng với Lý đại nhân, xin cho phép tôi được vào!

Người gác cửa nhìn thấy cậu bé khôi ngô kháu khỉnh, cung kính lễ phép đoán là con em dòng dõi thư hương liền bước vào bẩm báo với Lý Nguyên Lễ.

Khổng Dung được mời vào trong phòng khách. Lý Nguyên Lễ thấy người lạ mặt, liền hỏi: - Cháu và ta có họ hàng như thế nào?

Khổng Dung đáp:

- Nói ra cũng chẳng xa. Ngày trước Khổng Tử là tổ tiên của cháu cùng với Lão Tử(1) là tổ tiên của ngài có quan hệ thầy trò. Cho nên cháu và ngài đã có họ hàng từ đời xa xưa rồi!

Thấy đứa trẻ này bình tĩnh thư thái, tài nói năng, giỏi biện luận, các khách ngồi trong phòng không ai không khinh ngạc. Lý Nguyên Lễ càng không ngớt lời ca ngợi!

- Tài giỏi thật! Quả là một thần đồng!

Lúc này người gác cửa vào báo:

- Có quan đại phu Đại trung Trần Vi tới!

Trần Vi khệnh khạng bước vào trong phòng khách nghe thấy mọi người đang trầm trồ tán dương một đứa bé không biết tên, liền tò mò hỏi có chuyện gì. Mọi người kể cho Trần Vi biết đầu đuôi câu chuyện, Trần Vi cho là bình thường, nói:

- Lúc bé thông minh lanh lợi, lớn lên chưa chắc đã có gì đáng kể!

1. Lão tử là Lão Đam, nhà tư tưởng thời Xuân Thu, người sáng lập ra học thuyết Đạo gia.

Mọi người đều cảm thấy Trần Vi nói quá thô lỗ, nhưng cũng chẳng ai phản bác. Cả phòng khách yên lặng, không nói, chẳng cười.

Khổng Dung bình tĩnh đáp lễ Trần Vi, nói:

- Tôi nghĩ, Trần đại nhân lúc nhỏ nhất định là rất thông minh lanh lợi có phải không?

Trần Vi nghĩ:

- Đó chẳng phải là dùng lời của ta để trêu trọc ta đó sao? Nó nói ta lúc nhỏ thông minh, tức là nó nói ta bây giờ chỉ là con người ngu đần thô lỗ chứ gì? - Tức thì không ngăn nổi sắc mặt bỗng đỏ dừ!

Mọi người nhìn thấy vị đại quan này cuối cùng đã thua trí tuệ của đứa trẻ con, ai nấy đều cười tùm tùm.

11. TỪ ĐỒNG GIỮ CÂY

Cuối thời Đông Hán, ở Nam Xương có một cậu bé Từ, mới 11 tuổi, rất thông minh lanh lợi, giỏi biện luận phản bác, người lớn rất thích dắt cậu bé đi chơi.

Một lần, nhà học giả tên là Quách Lâm Tổng mời cậu bé họ Từ - Từ Đồng, tới nhà làm khách.

Từ Đồng vừa bước chân vào trong sân, nhìn thấy lão tiên sinh sai một số người chặt cây hòe to mọc ở giữa sân.

Từ Đồng nói:

- Thưa Quách bá bá! Ngài nhìn xem cành cây xòe tròn như cái lọng, lá mọc xum xuê xanh rờn, giống hệt như một cái lọng hoa cực lớn, mùa hạ che kín nắng trời gay gắt, mùa đông cản lấp gió bắc ngông cuồng, nó trông ra đáng vẻ hăng hái bông bột do trời hậu thưởng riêng cho, đáng yêu quý làm sao! Thế mà ngài lại định chặt đi. Như vậy chẳng phải là quá đáng tiếc, quá tàn nhẫn hay sao ạ?

Nhà học giả Quách Lâm Tông lắc đầu xua tay, nói:

- Gần đây ta đã đọc một quyển sách, trong sách nói:

“Đình viện thiên tỉnh tứ phương phương

Phương phương chính chính khẩu tự tràng

Viện tử đang trung như hữu mộc

Mộc tại khẩu trung bất cát tường!”

Dịch là:

“Sân là cái giếng trời vuông

Giống như cái miệng bình thường thẳng ngay Trong sân mà để mọc cây

Cây mọc giữa miệng Cháu nghĩ xem cây (mộc) mọc ở trong miệng (khẩu) chẳng phải là chữ “khốn” hay sao? Có ai là người muốn sống trong nguy khốn không nào? điềm này khốn nguy!

Từ Đồng cảm thấy lời nói của nhà học giả rất đáng nực cười, liền nói một cách nghiêm túc đứng đắn:

- Thừa tiên sinh, gần đây tôi cũng đọc một quyển sách, trong sách nói:

Phòng ốc tạo đặc tứ phương phương

Phương phương chính chính khẩu tự tràng

Phòng ốc đang trung như nhan trú

Nhân tại khẩu trung bất cát tường!

1. Sân vuông là chữ khẩu, có cây (mộc) thành chữ khốn (mộc)

Dịch là:

Sân nhà làm được thẳng vuông

Giống như cái miệng bình thường thẳng ngay

Sân chỉ người ở, chẳng cây

Người ở trong miệng điềm này tù nguy!(1)

Ngài nghĩ mà xem, ngài muốn ở trong miệng, chẳng phải chữ “tù” là gì? Còn ai muốn sống trong cảnh tù đầy giam cầm nữa?

Cho nên nói, nếu như vì chữ “khốn” không may mắn mà đem cửa đứt cây ở trong sân đi, thế thì chữ “tù” càng quái gở hơn, trong căn phòng ấy cũng không thể nào ở được!

Quách Lâm Tông cười ha hả, trong lòng cảm thấy rất khoái trá, vội xua tay đuổi hết người đi, không cho chặt cây hòe nữa!

1. Sân vuông là chữ khẩu, có người ở là nhân thành chữ tù.

12. HOA ĐÀ RA MẮT THẦY

Một ngày cuối năm đời Đông Hán, Hoa Đà mới lên bảy tuổi đã tới nhà thầy thuốc họ Thái để học tập.

Sau khi làm lễ ra mắt thầy, Hoa Đà ngoan ngoãn, lễ phép lặng lẽ ngồi ở cạnh để nghe lời thầy dạy bảo.

Thầy thuốc họ Thái có kỹ thuật cao minh, người xin theo học rất nhiều. Ông cảm thấy cần phải thu nhận những đứa trẻ thông minh, trí lực mạnh mẽ làm đệ tử.

Ông chỉ vào một cành cây dâu mọc ở trước cửa nhà rồi nói với Hoa Đà:

- Con nhìn xem, những chiếc lá ở trên cành cây cao nhất của cây dâu kia, con người không với tới, con nói thử xem làm thế nào để hái được xuống?

Hoa Đà nói:

- Thưa thầy, dùng thang ạ!
- Thầy giáo họ Thái nói:
- Trong nhà ta không có thang!
- Thế thì con trèo lên cây để hái vậy!
- Không! Ta muốn con thử nghĩ xem có phương pháp nào khác không?

Hoa Đà đã tìm được một sợi dây ở trong nhà, rồi buộc một viên đá nhỏ ở đầu dây, sau đó ném lên trên cành cây cao nhất, cành cây sau đó liền bị viên đá đè trĩu xuống. Hoa Đà chỉ việc thò tay ra là hái được ngay.

Thầy giáo họ Thái gật đầu sung sướng nói;

- Rất tốt! Rất giỏi!

Qua một lát, ở trong sân có hai con dê đang đánh nhau, mấy đứa trẻ ra can, thế nhưng không sao kéo nổi.

Thầy thuốc họ Thái nói với Hoa Đà:

- Con ra tìm cách sao cho hai chú dê kia đừng đánh nhau nữa!

Hoa Đà đi quanh gốc cái cây một lượt, cúi mình xuống nhổ một nắm cỏ tươi xanh rờn, rồi đưa nắm cỏ đó tới mõm hai chú dê. Dê đánh nhau lâu thấm mệt, bụng lại đói, nhìn thấy cỏ, liền bỏ ra ăn, không còn nghĩ tới chuyện đánh nhau nữa.

Thầy thuốc họ Thái nói với Hoa Đà:

- Con rất chịu khó vất óc suy nghĩ. Ta rất bằng lòng nhận con làm đệ tử.

Cậu bé Hoa Đà về sau đã trở thành một thầy thuốc nổi tiếng trong thời Tam Quốc!

13. GIA CÁT LƯỢNG KHÉO TRẢ LỜI THẦY GIÁO(1)

Truyền thuyết kể lại rằng, thuở nhỏ, Gia Cát Lượng đã được cha đưa tới học thầy Thủy Kính tiên sinh.

Thủy Kính tiên sinh nói với Gia Cát Lượng:

- Ta có ba câu hỏi, trả lời được đúng thì ta cho học - Tiếp đó Thủy Kính tiên sinh đã ra một đề câu: Ông cong khoắn ngón tay trở, giơ đến trước mặt Gia Cát Lượng, rồi lại gật gật đầu.

Gia Cát Lượng cúi gập người vái lạy Thủy Kính tiên sinh rồi lùi lại ba bước, đứng sang một bên giải thích:

- Thầy muốn con làm đại quan chỉ đếm được trên đầu ngón tay, con xin cúc cung tận tụy, đến lúc chết mới thôi!

Tiên sinh ngồi trên đệm cúi nói:

1. Gia Cát Lượng hoặc Chư Cát Lượng là nhà chính trị Thục Hán, thời Tam Quốc, tự là Khổng Minh, giúp Lưu Bị xây dựng Thục Hán.

- Câu hỏi thứ hai của ta là, con nghĩ cách làm cho ta ra khỏi đệm cối này.

Gia Cát Lượng chạy tới góc tường, cầm lấy một chiếc gậy tre, chọc thủng ngói ở trên mái nhà.

Tiên sinh vội vã đứng dậy ngăn lại:

- Ấy chết, chớ chọc thủng mái, mưa sẽ dột!

Gia Cát Lượng cười nói:

- Thầy ngồi dưới đất, con muốn thông trời, thầy đã chẳng phải rời khỏi chỗ của mình rồi đó ư?

Thủy Kính tiên sinh ngồi vững vàng trên ghế:

- Con có thể khiến cho ta một bước cũng khó đi được không?

Tay chỉ vào Thủy Kính tiên sinh, Gia Cát Lượng nói:

- Cái lão già này, rõ ràng chẳng có tài cán gì, chỉ ngồi đây ba hoa bốc phét! - Tiên sinh giận tím mặt. Gia Cát Lượng lại giật mũ của thầy, vút lên trên đỉnh mái nhà. Thầy giận lắm, đành phải tháo dép, đứng lên vai cha của Gia Cát Lượng lấy mũ. Thủy Kính tiên sinh quá giận! Lúc này, Gia Cát Lượng cầm lấy dép của tiên sinh giấu đi một chỗ. Tiên sinh lấy được mũ xuống, lại chẳng có dép để đi. Gia Cát Lượng nói:

- Thầy đã chẳng phải một bước cũng khó đi rồi đấy ư?

Thủy Kính tiên sinh cười ha hả, nói:

- Thằng bé quả là thông minh! Thầy nhận con làm học trò đó!

Ba năm sau, vào một buổi sớm, Thủy Kính tiên sinh nói với các đệ tử:

- Ta cho các con một đề thi, từ bây giờ cho tới ba khắc sau giờ Ngọ là hết, học trò vào được, ta cho phép ra khỏi Thủy Kính trang thì người đó tốt nghiệp, được xuất sư!

Các đệ tử lo lắng lắm, có đứa hét to:

- Ngoài trang cháy rồi!

Có đứa báo sai sự thật:

- Nhà con có người chết, con phải về nhà ngay!

Thủy Kính tiên sinh vẫn chẳng để ý. Chỉ có Gia Cát Lượng đã sớm gục đầu xuống bàn ngủ một giấc, ngáy khò khò, làm cho cả phòng thi vang tiếng ngáy. Thủy Kính tiên sinh rất tức giận.

Ba khắc sau giờ Ngọ sắp tới, Gia Cát Lượng vừa tỉnh ngủ, nghe nói thầy đề ra như vậy, vội vàng túm lấy vạt áo của thầy khóc rống lên:

Thầy thật là gian xảo lọc lừa, ra đề ngoắt ngoéo làm hại chúng tôi. Tôi không thèm làm đệ tử của ông nữa, trả lại tiền học phí ba năm cho tôi, trả mau lên!

Thủy Kính tiên sinh là một danh sĩ lấy lòng thiên hạ, ai cũng tôn kính. Bây giờ, Gia Cát Lượng đã nhục mạ tiên sinh như vậy, giận quá, toàn thân run lên, liền hạ lệnh đuổi ngay Gia Cát Lượng ra khỏi Thủy Kính trang. Gia Cát Lượng đâu có chịu bước đi. Thủy Kính tiên sinh ra lệnh cho các đệ tử đuổi Gia Cát Lượng ra khỏi nhà.

Gia Cát Lượng vừa ra khỏi Thủy Kính trang vừa cười ha ha, rồi nhặt một chiếc gậy ở bên đường quay trở lại Thủy Kính trang, quỳ xuống trước mặt Thủy Kính, hai tay nâng chiếc gậy nói:

- Lạy thầy, vừa rồi là để ứng phó với đề thi, vạn bất đắc dĩ con phải tỏ ra vô lễ với ân sư, con xin chịu tội nặng ạ!

Thủy Kính tiên sinh sức tỉnh ngộ, chuyển giận thành vui, dắt Gia Cát Lượng đứng dậy, nói:

- Đúng là màu xanh lấy tự màu lam nhưng lại thắm hơn lam! Con xứng đáng được xuất sư!

14. ẨM SĨ XÂY THÀNH ĐẤT

Năm cuối đời Đông Hán, Tào Tháo và Mã Siêu đánh nhau tại Đông Quan(1). Lúc bắt đầu giao chiến, Tào Tháo tự cậy mình quân hùng ngựa khỏe, cưỡi ngựa đi đầu muốn đánh một trận làm cho Mã Siêu đại bại. Nào ngờ, Mã Siêu kiêu dũng vô cùng, đội quân Tây Lương mà ông thống lĩnh người nào cũng khỏe mạnh thiện chiến, theo Mã Siêu xông lên chém giết. Quân đội của Tào Tháo không chống đỡ nổi, đành phải hoảng loạn lui binh.

Trận chiến đấu ở Đông Quan, quân Tào tổn thất nặng nề, khí thế bị nhụt, Tào Tháo thu nhặt tàn quân, vượt qua sông Vĩ, đến bờ bắc. Quan quân Mã Siêu, thừa thắng đuổi theo, đóng trại ở bên bờ sông Vĩ, cắt đứt đường giao thông vận tải của Tào Tháo, khiến quân Tào nhất thời rất khó khăn trong việc lập doanh trại. Tào Tháo biết rằng nếu không nhanh chóng đóng lập doanh trại, thì bất cứ lúc nào Mã Siêu cũng có khả năng cất quân tiến đánh, quân đội không có doanh trại thì chịu nổi

1. Đông Quan: Tên một huyện ở Thiểm Tây ngày nay.

một trận đánh. Thế nhưng ở gần bờ bắc không có sẵn thành trì để có thể đóng doanh lập trại được.

Do đó, Tào Tháo vô cùng lo lắng.

Lúc đó, dưới trướng Tào Tháo có viên quan Mạc Liêu(1) nêu kiến nghị với Tào Tháo:

- Bẩm thừa tướng, chúng ta có thể lấy đất của sông Vĩ để xây thành đất được!

Tào Tháo cảm thấy viên Mạc Liêu này nói cũng có lý, liền điều ba vạn binh mã tới bắt chúng gánh đất xây thành. Thế nhưng, đất sông Vĩ toàn là bùn cát. Tục ngữ có câu: Cát đắp thành không đành ba thước. Đất cát của sông Vĩ này tơi và xốp không thể nào đắp thành tường được. Lại cộng thêm

binh lính của Mã Siêu thường xuyên tới quấy nhiễu, khiến cho Tào Tháo đêm sầu ngày than!

Lúc đó là thời tiết đầu mùa đông, liền trong mấy ngày, bầu trời mây đen giăng đầy, có lúc trời đổ mưa. Mùa đông giá lạnh đang kéo tới. Ngày hôm đó, Tào Tháo đang buồn rầu, bỗng có một cụ già xin vào gặp. Trong cuộc nói chuyện, Tào Tháo được biết ông già là một ẩn sĩ ở vùng đó!

Ẩn sĩ nói với Tào Tháo:

- Thừa tướng chỉ muốn xây tường đất để lập doanh trại, tại sao lại để chậm như vậy mà chưa động thổ?

1. Mạc Liêu: Một chức quan văn võ trong Mạc Phủ.

Tào Tháo thở dài rồi nói:

- Chẳng giấu gì ẩn sĩ, đây là vùng đất cát, tường xây xong lập tức đổ liền, làm sao có thể xây được, hỏi ẩn sĩ có cao kiến gì không?

Ẩn sĩ cười rồi nói:

- Thừa tướng từ trước dùng binh giỏi như thần, lẽ nào không biết được thời tiết đã thay đổi? Mấy ngày hôm nay mây u giăng đầy, tối hôm nay nhất định nổi gió bắc. Hễ gió bắc thổi tới là tiết trời bỗng nhiên giá lạnh, dùng bùn cát của sông Vị đắp thành, nhất định sẽ xong và đông cứng ngay!

Qua điều chỉ giáo của ẩn sĩ, Tào Tháo bỗng nhiên tỉnh ngộ, mắt vui miệng cười, gật đầu khen phải rồi rít, ngay lúc đó đã truyền lệnh cho binh sĩ chuẩn bị đầy đủ mọi thứ. Để tỏ lòng biết ơn ẩn sĩ, Tào Tháo đã cho rất nhiều của cải, nhưng ẩn sĩ đã dùng lời khéo léo từ chối.

Ngay đêm hôm đó, quả nhiên gió bắc nổi lên, tiết trời giá lạnh. Tào Tháo sung sướng, gọi giá dầm lạnh chỉ huy toàn thể tướng sĩ gánh đất xây thành, vừa nhào đất, vừa tưới nước, khô được một tầng lại đắp lên một tầng, chờ đến khi trời sáng thì thành đất đã xây xong.

Quân thám ngầm của Mã Siêu nhìn thấy thành đất của Tào Tháo đã đứng ngạo nghễ, lập tức báo tin cho Mã Siêu. Mã Siêu lúc đầu cho là quân do thám tầm bậy, về sau đích thân Mã Siêu tới quan sát, liền gật mình kinh hãi. Trong lòng Mã Siêu nghĩ tại sao chỉ trong một đêm mà quân Tào Tháo

đã xây xong được thành đất, phải chăng là đã có thần tiên tới giúp quân Tào?

15. TÀO XUNG CỨU QUAN CỘI KHO

Tào Tháo có một bộ yên ngựa vô cùng quý giá, thường ngày vẫn cất giữ ở kho cung vua. Một hôm, viên quan quản lý kho tàng phát hiện bộ yên ngựa này đã bị chuột gặm thủng một lỗ, hăn vừa kinh vừa sợ. Bởi vì quân kỷ của Ngụy Vương rất nghiêm, thuộc hạ có lỗi lầm liền bị xử nghiêm hình. Lòng buồn rười rượi, hăn đi đi lại lại ở trước cửa kho, nhưng vẫn chưa thể nghĩ ra cách nào tốt để có thể giảm nhẹ được tội trạng. Cuối cùng hăn đã quyết định cho người trói lại chủ động dẫn tới trước mặt Tào Tháo tự thú xin nhận tội. Có điều, cho dù như vậy cũng chưa chắc đã bảo toàn được mạng sống.

Chính giữa lúc viên quan coi kho tàng có điều khổ sở khó nói ra đó, đứa con nhỏ của Tào Tháo tên là Tào Xung đi ngang qua cửa kho. Nhìn thấy mặt mày ủ rũ, liền hỏi hăn đã xảy ra chuyện gì?

Viên quan quản lý kho nhìn thấy Tào Xung bỗng nhiên đôi mắt lóe sáng, liền nghĩ tới một chuyện.

Một lần, Ngô Vương Tôn Quyền cử người đưa tới cho Tào Tháo một con voi ta, Tào Tháo hỏi văn võ đại thần, nói:

- Trong các người, ai có thể nghĩ ra cách cân được trọng lượng con voi này? - Kết quả là mọi người có mặt đều cảm thấy khó khăn. Trái lại, Tào Xung đứng dậy nói:

- Có thể chuẩn bị một chiếc thuyền ở trên sông, dắt voi bước lên thuyền. Ở chỗ nước dềnh lên đánh một cái dấu, rồi dắt voi lên bờ. Sau đó lại đem từng thứ một chất lên thuyền. Chờ tới lúc thuyền chìm tới mức nước đã đánh dấu sẵn, thì dừng lại không chất đồ lên nữa. Tới lúc này thì số đồ chất trên thuyền nặng vừa bằng trọng lượng chú voi. Đem số đồ đạc này chia ra cân lấy trọng lượng cộng lại lấy tổng số, đó chính là trọng lượng của voi. -

Làm theo phương pháp của Tào Xung, rất nhanh chóng đã tìm ra được trọng lượng của con voi. Do đó, Tào Xung rất được cha yêu quý.

Viên quan quản lý kho nghĩ tới đây, liền đem chuyện chuột gặm nát yên ngựa quý báu của Tào Tháo bảo cho cậu bé Tào Xung thông minh biết, mong cậu ta giúp đỡ. Tào Xung nghĩ một lát, rồi bằng lòng.

Tào Xung lập tức trở về nhà, dùng dao nhỏ khoét rách chiếc áo dài, lỗ thủng giống y hệt như bị chuột cắn, rồi tỏ vẻ rất không vui tới gặp cha.

Tào Tháo nhìn thấy con trai mặt mày ủ rũ, hỏi:

- Con có điều gì không vui?

Tào Xung chỉ vào những lỗ thủng rách ở trên chiếc áo dài, nói:

- Con nghe người ta nói, quần áo bị chuột cắn rách là điềm báo gở lắm đấy! Con sắp phải vận đen đui rồi!

Tào Tháo an ủi con trai, nói:

- Trên đời này làm gì có chuyện đấy? Con cứ vui vẻ mà đi chơi, không phải vì chuyện đó mà buồn bã!

Viên quan quản lý kho đã chờ sẵn ở ngoài cửa, nghe tới đây lập tức bưng chiếc yên ngựa bị chuột khoét vội vã bước vào, quỳ xuống trước mặt Tào Tháo bẩm báo câu chuyện chuột làm hỏng yên ngựa của ngài, mong ngài xử tội mình.

Tào Xung cướp lời, nói:

- Con chuột đáng chết, chẳng những cắn nát áo của con mà còn khoét thủng cả yên ngựa của cha nữa!

Tào Tháo trong lòng có chút không vui, thế nhưng không muốn làm con buồn, nên đã cười, nói:

- Chiếc áo của con trai ta để ở bên mình mà còn bị chuột cắn nát, huống hồ là chiếc yên ngựa treo ở trong kho? Thôi, người cứ về đi!

Thế là nhờ mưu trí của Tào Xung, viên coi kho đã thoát nạn.

16. TRÔNG MƠ HẾT KHÁT

Một năm, vào mùa hạ, Tào Tháo dẫn 10 vạn đại quân đi đánh Trương Tú.

Quân sĩ đi qua cánh đồng hoang vu, mặt trời ở trên cao chiếu xuống gắt gay như giội lửa, mặt đất như sắp bốc cháy. Không khí nóng bức ngột ngạt như đốt hết không khí khiến con người cảm thấy ngột thở. Nước!... Nước! - Trong tâm trí mọi người đều chỉ mong có nước. Ai nấy chỉ hy vọng ở trước mặt xuất hiện một dòng nước trong xanh. Thế nhưng trước mặt, ngoài một khoảng đất hoang nóng nực và bụi đất mù trời ra, họ chẳng còn nhìn thấy gì nữa.

Mười vạn tướng sĩ đều khao khát, mong muốn chủ soái Tào Tháo rất nhanh chóng dẫn họ tới nơi có nguồn nước. Tốc độ hành quân của quân sĩ càng ngày càng chậm lại. Trong lòng Tào Tháo rất lo lắng, đã hỏi người dẫn đường, được biết gần nơi đây, chẳng có một giọt nước nào cả. Cổ họng của Tào Tháo cũng đã khô cháy, đau rát tới mức khó chịu đựng nổi.

Bỗng nhiên linh cơ của Tào Tháo bừng sáng. Tào Tháo cười trên mình ngựa, đứng ở trên một mô đất cao, giơ roi ngựa chỉ, rồi cao giọng nói với các tướng sĩ đang rệu rã thất vọng, rằng:

- Hỡi các binh sĩ! Phía trước kia là một rừng mơ lớn. Trên cây xức xiù những quả mơ vừa chua vừa ngọt, vừa nhiều lại vừa to! Chúng ta hãy mau cùng tới đó ăn mơ.

Các tướng sĩ nghe Tào Tháo nói mơ lập tức nghĩ tới vị chua của mơ, những khuôn miệng khát khô đều ứa nước miếng, tinh thần phấn chấn. Cuối cùng, họ đã vượt qua cánh đồng hoang vu đó một cách mau chóng.

17. TRẬN CHIẾN Ở XÍCH BÍCH

Sau khi Tào Tháo chiến thắng được được quân đội của Viên Thiệu ở Hà Bắc, đã thống nhất được Bắc Trung Quốc, thế lực ngày càng hùng mạnh. Tiếp sau đó đã chiếm lĩnh được Kinh Châu, bắt đầu sử dụng hai hàng tướng giỏi thủy chiến của Kinh Châu là Thái Mạo và Trương Doãn thao luyện thủy quân tích cực chuẩn bị diệt Ngô.

Trong đám quân Tào có một người tên gọi Tưởng Cán, có chút tình bang giao cũ với Đô đốc Chu Du bên Đông Ngô, xin Tào Tháo cho về Đông Du để thám thính tình hình địch. Tưởng Cán bước vào doanh trại của quân Ngô. Chu Du biết được mục đích tới thăm của Tưởng Cán liền viết một bức thư giả đầu hàng của Thái Mạo và Trương Doãn, trong thư có đoạn viết “không lâu nữa sẽ hiến dâng đầu Tào Tháo”. Tưởng Cán ngay lập tức đã đánh cắp bức thư giả đó rồi lên về không một lời chào biệt. Tào Tháo xem xong bức thư, cơn giận bốc lên, chẳng kịp tra xét hư thực, liền giết Thái Mạo và Trương Doãn.

Mãi về sau Tào Tháo mới phát giác ra mình đã trúng phải kế phản gián của Chu Du, vô cùng hối hận. Bởi lẽ, đại đa số quân Tào là người phương Bắc, chẳng quen ngồi thuyền, những chiến thuyền trong Trường Giang chòng chành bất định, rất nhiều tướng sĩ đã bị ốm. Thái Mạo và Trương Doãn thông thạo thủy chiến vừa chết đã gây rất nhiều khó khăn cho việc huấn luyện thủy quân.

Chu Du đã cử Bàn Thống giả vờ tới đầu hàng Tào Tháo, hiến kế rằng:

- Cứ đem 30 hoặc 50 chiến thuyền, dùng xích sắt khóa lại thành hàng liền nhau. Nếu làm được như vậy, các binh sĩ phương Bắc không quen ngồi thuyền sẽ không sợ bị lật chìm trên nước.

Tào Tháo nói:

- Giả dụ bọn địch dùng hỏa công, thì chúng ta không cách nào chạy trốn được!

Bàng Thống:

- Dùng hỏa công bắt buộc phải mượn sức gió. Bây giờ đang là tháng Chạp giá rét, hễ có gió thổi lên thì tám, chính phần mười là gió tây bắc, chúng ta ở bờ bắc, quân Đông Ngô ở bờ nam, chúng nó dùng hỏa công, chẳng phải là mình tự đốt mình hay sao?

Tào Tháo đã bị trúng kế của Bàng Thống, đem các chiến thuyền dùng xích sắt kết lại. Thế nhưng bởi không có nội ứng, liên quân Tôn Quyền – Lưu Bị không tìm được cách nào tiếp cận với thuyền của quân Tào để phóng hỏa được.

Một hôm, Chu Du triệu tập các tướng sĩ lại, bắt họ chuẩn bị lương thảo trong ba tháng, nhất định phải quét sạch hết quân Tào đi. Lão tướng Hoàng Cái khuyên Chu Du nên quy thuận triều đình, hai người tranh cãi một hồi. Chu Du tức quá hạ lệnh đem đi chặt đầu! Các tướng sĩ khổ sở van cầu, xin được xử tội khoan hồng. Chu Du liền sai tả hữu lới Hoàng Cái ra đánh 50 gậy, làm cho lão tướng Hoàng Cái rách da toác thịt, máu tươi chảy đầm đìa, chết ngất ngay tại chỗ. Toàn quân trên dưới ai nấy đều ngậm ngùi thương xót.

Ngày hôm sau, Hoàng Cái liền cử người tâm phúc đưa thư tới cho Tào Tháo, nói rằng chịu không nổi sự bức tức đối với Chu Du, chuẩn bị sẽ về đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo cử người thám thính, nghe nói Hoàng Cái đích thực bị Chu Du đánh cho chết đi sống lại, liền ngong ngóng mỗi mắt chờ Hoàng Cái về đầu hàng. Trôi qua năm, sáu hôm, Hoàng Cái lại gửi tới một phong thư, nói rằng: “Chu Du phòng bị nghiêm mật lắm, trước mắt không thể thoát thân ra được. Trong mấy ngày sắp tới sẽ có thuyền chở lương thực tới. Trên mặt sông do tôi tuần tra. Tới lúc đó, ở trên thuyền có cắm cờ rồng xanh, thì đó là thuyền lương thực, cũng chính là thuyền tôi về đầu thú triều đình”.

Tào Tháo mừng lắm, nhưng Tào đâu biết đó chính là “khố nhục kế” của Hoàng Cái.

Sau khi Hoàng Cái lừa dối làm cho Tào Tháo tín nhiệm rồi, đã chuẩn bị mấy chục chiếc thuyền lớn, trên thuyền cất đầy cỏ khô, lau sậy, tấm no dầu mỡ, bên trên phủ vải sơn, trên thuyền đi đầu cắm chiếc cờ xanh. Tất thủy đã bố trí đầy đủ, mời Chu Du tới kiểm tra. Vừa hay, ngày hôm sau, trời nổi cơn gió to, sóng nước đánh vọt lên tận trên mặt bờ sông. Chu Du nhìn mãi, nhìn mãi, bỗng nhiên đầu choáng mắt hoa, suýt nữa thì bị ngã xuống. Về đến doanh trại thì bị ốm nặng.

Gia Cát Lượng ở Đông Ngô du thuyết cho liên minh Tôn - Lưu này đã tới viếng thăm, nói:

- Tôi có một phương thuốc có thể chữa được bệnh cho ông! - Nói xong, viết ra 16 chữ là:

Muốn phá Tào Công,

Phải dùng hỏa công

Vạn sự đầy đủ,

Chỉ thiếu gió đông!

Chu Du nói:

- Ngài đã biết căn bệnh của ta, phải nên chữa chạy thế nào, xin cho lời chỉ bảo!

Gia Cát Lượng nói, ông ta có phép thuật mượn được gió, liền sai người lập đàn dùng phép, cố làm ra vẻ huyền hoặc, tế trời mượn gió. Kỳ thực, Gia Cát Lượng hiểu được thiên văn. Người xưa nói “Đông chí nhất dương sinh”(1), lúc này khí dương đã bước đầu động, có thể sẽ nổi gió đông nam.

Quả nhiên tới ngày Đông chí, gió đông nam nổi lên, Hoàng Cái lại gửi bức thư tới cho Tào Tháo, ước định tối hôm đó sẽ đưa mấy chục thuyền lương thực tới bắc doanh đầu hàng. Buổi tối, Hoàng Cái dẫn một đội tốp thuyền lướt thẳng tới doanh trại Tào Tháo. Lúc này, Tào Tháo đang ngồi yên lặng ở trong thuyền chủ tướng ngóng đợi tin vui. Bỗng nhiên một tiếng lệnh nổi lên, trên mặt nước lập tức xuất hiện mười mấy “con rồng lửa”, “thuyền liên hoàn” không thể chạy trốn được, đã bốc cháy thành một biển lửa. Đại quân của Tôn Quyền và Lưu Bị thừa cơ xuất kích trên toàn tuyến,

đánh tan được mấy chục vạn đại quân của Tào Tháo. Tào Tháo đã phải dẫn một số tàn binh bại tướng hoảng sợ tan tác chạy trốn.

Sau trận chiến ở Xích Bích, thế lực của Tào Tháo bắt đầu suy yếu.

1. Đông chí: Là một trong 21 tiết khí vào ngày 21, 22 hoặc 23 tháng 12, ngày hôm đó mặt trời đi qua điểm Đông chí, ban ngày ở Bắc bán cầu ngắn nhất, đêm dài nhất. Nhất dương sinh là ngày đông chí mặt trời tối nhất để cho khí dương sinh ra. Thuyết này có trong Chu dịch còn gọi là Nhất dương lai phục.

18. DƯƠNG TU GIẢI ĐỐ

Tào Tháo cho xây dựng Phủ Tướng quốc, phủ chưa xây dựng xong đã tới thăm. Khi ra về, sai người viết trên cánh cửa một chữ “Hoạt”(1) rồi bỏ đi. Chữ “Hoạt” này biểu thị ý nghĩa gì? Mọi người đoán đi đoán lại mà không ai tìm ra kết quả gì.

Chủ bạc Dương Tu đi qua, vuốt cằm, suy nghĩ một lát, bỗng nói;

- Mau phá cửa phủ đi, xây nhỏ lại một chút!

- Tại sao sao lại phá?

Dương Tu chỉ vào chữ “Hoạt”, lại gõ gõ vào cánh cửa nói:

- Trong chữ “Môn”(2) thêm chữ “Hoạt”, hợp lại không phải là chữ “Khoát” hay sao? Ý của Thừa tướng chê là cái cửa này rộng quá!

Có người đem chuyện này kể lại cho Tào Tháo nghe, Tào Tháo vuốt râu cười lớn:

- Chủ bạc Dương Tu quả là cơ mẫn vượt người!

1. Chữ Hoạt có nghĩa là sống.

2. Môn là cái cửa, thêm chữ Hoạt, biến thành chữ Khoát có nghĩa là rộng.

Đang nói thì có một vị khách đem tới biếu Tào Tháo một hộp kẹo giòn. Tào Tháo ăn được mấy miếng thì nhìn thấy Dương Tu bước vào, liền cầm bút viết trên mặt hộp kẹo trang trí rất đẹp ba chữ “nhất hợp tâu”(1), rồi truyền cho mọi người xem.

Tả hữu vừa xem vừa tán thưởng.

Có người nói:

- Chữ đẹp lạ kỳ! Thư pháp của Thừa tướng có phong độ hơn người nhiều lắm!

Có người nói:

- Hộp này quả là quá đẹp!

Dương Tu nhìn thấy ba chữ đó, chỉ lẳng lặng chẳng nói câu nào, mở ngay nắp hộp bốc một cái kẹo giòn nhai gau gáu, sau đó nói với mọi người:

- Ngon quá, giòn quá! Mọi người cùng đến nếm thử!

Ngoài Tào Tháo ra, số còn lại người nọ trở mắt nhìn người kia, chê trách chủ bạc Dương Tu dám liều lĩnh bừa bãi trước mặt Thừa tướng Tào Tháo!

Trái lại, Dương Tu cười nói:

- Sao lại ngăn người cả ra thế hử? Thừa tướng bảo chúng ta mỗi người một cái kẹo giòn đấy, ăn đi! Nhìn xem này, chữ “Hộp” tách ra gồm có ba chữ là “nhân nhất khẩu”, còn “nhất hợp tổ” chẳng phải

1. Nhất hợp tổ (tô có nghĩa là kẹo giòn).

có thể đọc từng chữ thành “nhất nhân nhất khẩu tổ” - mỗi người một chiếc kẹo giòn là gì?

Tào Tháo gật đầu khen:

- Dương chủ bạc đã liên tục giải được các câu đố của của lão phu!

Không lâu, Tào Tháo và Lưu Bị tranh giành nhau đất Hản Trung, liền trong mấy tháng trời vẫn chưa giành được phần thắng.

Ngày hôm đó, Tào Tháo đang ngồi gặm xương ở hai bên mỏ ác gà, một vị tướng quân chạy đến hỏi: - Bẩm Thừa tướng, khẩu lệnh ngày hôm nay là gia?

Tào Tháo nhìn chiếc xương gà ở trong tay, thuận miệng nói:

- Kê lặc(1).

Vị tướng quân đó lập tức ra ngoài truyền đạt khẩu lệnh. Tất cả mọi người đều cảm thấy kỳ quái:

- Tại sao lại dùng “kê Lặc” làm khẩu lệnh nhỉ?

Dương Tu liền lập tức luồn tay xếp dọn hành lý, vừa xếp dọn vừa nói:

- Hãy mau mau chuẩn bị thu xếp khăn gói đi, Thừa tướng sẽ hạ lệnh rút quân ngay bây giờ đó! - Tại sao ông biết được? - Có người hỏi

1. Kê lặc: Sườn gà - xương sườn gà! Chữ lặc gần giống chữ cân (là gân) cho nên nhầm kê lặc thành kê cân.

- Xương ở hai bên mỏ ác gà gọi là “kê lặc” xương sườn gà, ăn nó ư? Làm gì có tí thịt nào! Vứt nó đi ư? Lại có chút hơi luyến tiếc! - Dương Tu vừa nói, vừa xếp dọn hành lý - Tào Công dùng “kê lặc” để ví với đất Hán Trung, chẳng phải là rất thích hợp đó sao? Bởi lẽ mảnh đất Hán Trung nhá lâu như thế rồi mà vẫn chưa có thu hoạch gì. Tiếp sau đó có thể rút binh mà thôi!

Một lát sau, tên lính truyền tin quả nhiên đã tới truyền đạt mệnh lệnh rút lui của Tào Tháo!

19. KHÔNG THÀNH KẾ

Thời Tam quốc, Thừa tướng Gia Cát Lượng nước Thục dùng sai Mã Tắc, sau mất Nhai Đình, chỉ có hai ngàn năm trăm quân sĩ ở lại bảo vệ ở huyện Tây Thành.

Bỗng nhiên, tên lính gác phi ngựa tới báo:

- Tư Mã Ý dẫn 15 vạn đại quân đang kéo đến Tây Thành đông như kiến cỏ.

Lúc này, ở bên Gia Cát Lượng không có một viên đại tướng, chỉ có một nhóm quan văn. Các quan viên nghe được tin này, ai nấy đều kinh hoàng thất sắc. Gia Cát Lượng trèo lên đầu thành quan sát, quả nhiên thấy bụi đất mù trời, quân Ngụy chia đường xông tới đánh phá huyện Tây Thành. Gia Cát Lượng lập tức truyền lệnh:

- Đem cất giấu hết cờ xí đi! Các quân sĩ đứng canh trong các chòi canh của mình ở trên thành. Nếu có tên nào tùy tiện ra vào cửa thành và cao giọng trò chuyện sẽ bị giết ngay! Mở rộng hết cả bốn cửa thành ra, mỗi cửa thành dùng 20 tên lính, đóng giả làm dân thương quét dọn trên đường. Khi quân Ngụy kéo tới, không được đối phó bừa bãi. Ta đã sắp đặt mưu kế xong rồi!

Truyền lệnh xong, Gia Cát Lượng mặc áo cánh hạc, đầu đội khăn the, dẫn hai đứa tiểu đồng cầm đàn lên thành ngồi tựa vào lan can, đốt hương rồi gảy đàn diễn tấu.

Tên lính trinh sát của quân Ngụy vội vã đem tình hình đó báo cáo cho Tư Mã Ý biết. Tư Mã Ý lập tức lệnh cho quân đội dừng tiến công, tự mình phi ngựa lên trước quan sát. Quả nhiên nhìn thấy Gia Cát Lượng đang ở trên đỉnh thành, vẻ tươi cười lộ trên nét mặt, đốt hương gảy đàn, bên trái là một tiểu đồng tay cầm đuôi hươu xù. Trong và ngoài cửa thành chỉ có khoảng hơn hai chục dân phu cúi đầu cặm cùi quét dọn, bên cạnh hình như

chẳng có ai. Sau khi Tư Mã Ý quan sát, lòng bỗng hoài nghi, trong thành có quân binh mai phục sẵn, nên vội vã chỉ huy quân sĩ rút lui!

Con trai Tư Mã Ý là Tư Mã Chiêu nói:

- Phải chăng là Gia Cát Lượng không có binh lực nên đã cố ý làm như vậy? Tại sao cha lại rút quân?

Tư Mã Ý nghiêm sắc mặt nói:

- Gia Cát Lượng là con người vô cùng cẩn thận, suốt đời không mạo hiểm bao giờ. Ngày hôm nay hắn mở rộng cửa thành, nhất định là có trọng binh mai phục. Chúng ta mạo hiểm xông vào, nhất định là trúng kế của hắn. Các người thì hiểu được cái gì? Sao không rút quân ngay đi!

Gia Cát Lượng thấy quân Ngụy đi đã xa, liền cười ha ha.

Các quan viên hỏi, nói:

- Tư Mã Ý là danh tướng của nước Ngụy, nay đã thống soái 15 vạn tinh binh tới đây, mới chỉ nhìn thấy Thừa tướng đã vội vã rút lui. Đó là do nguyên nhân gì?

Gia Cát Lượng hỏi:

- Hắn liệu định ta thường ngày cẩn thận chưa hề mạo hiểm, nhìn thấy ta bình thản trấn định như vậy, hoài nghi có trọng binh mai phục, cho nên phải rút lui. Ta không phải là đang mạo hiểm đâu, chỉ bởi lẽ không thể không làm như vậy!

Mọi người kính phục nói:

- Mưu kế của Thừa tướng quý thần cũng không thể đoán định được. Nếu để cho chúng ta chỉ huy, nhất định đã bỏ thành mà chạy rồi!

Gia Cát Lượng nói:

- Chúng ta chỉ có hai ngàn năm trăm người. Nếu bỏ chạy, nhất định chạy chưa được bao xa đã bị quân địch đuổi theo tóm gọn mất rồi!

20. MỘC NGƯU LƯU MÃ(1)

Gia Cát Lượng nhiều lần chinh phạt Trung Nguyên. Đường sá xa xôi, để có thể cung cấp đủ lương thực, ngoài việc dùng trâu bò kéo ra, còn thiết kế được một loại xe người kéo tay đẩy, đặt tên là “Mộc ngưu lưu mã”.

Ngày hôm đó, Gia Cát Lượng hạ lệnh cho bộ tướng dẫn một ngàn binh sĩ ngồi trên xe Mộc ngưu lưu mã từ Kiếm Các kéo tay thẳng tới đại trại Kỳ Sơn, vận chuyển lương thực đi về để cung ứng cho quân Thục. Tư Mã Ý được báo cáo của lính trinh sát:

- Binh lính quân Thục dùng xe Mộc ngưu lưu mã để vận chuyển lương thảo, không tốn nhiều sức người, hơn thế con “trâu bò” đó lại không cần phải ăn cỏ.

Tư Mã Ý vô cùng ngạc nhiên, liền ra lệnh cho hai bộ tướng mỗi người dẫn trăm binh sĩ ban đêm mai phục ở đoạn đường lính Thục tải lương thực phải đi qua, cướp được vài chiếc xe trâu gỗ, sau đó

1. Xe trâu gỗ của Gia Cát Lượng dùng thời Tam Quốc.

đã ra lệnh cho hơn trăm thợ mộc khéo tay, tháo rời ngay ra, dựa vào kích thước của xe đó, bắt chước làm đúng theo xe Mộc ngưu lưu mã ấy. Chưa đầy nửa tháng, đã đóng xong được hơn hai ngàn chiếc.

Tiếp đó, lại ra lệnh cho mấy bộ tướng dẫn một ngàn quân lính ngồi trên Mộc ngưu lưu mã, tới Lũng Tây vận chuyển lương thảo, đi đi về về, không ngừng không ngớt.

Lại nói, lính Thục trở về báo cáo với Gia Cát Lượng rằng Mộc ngưu lưu mã đã bị cướp mất mấy chiếc, Gia Cát Lượng chỉ cười rồi nói:

- Ta chỉ cần phí mấy chiếc Mộc ngưu lưu mã, sau này có thể giành được rất nhiều xe lương thực của quân Ngụy đó! - Bộ hạ đều ngờ ngác không hiểu.

Mấy ngày sau, bộ hạ tới báo cáo với Gia Cát Lượng:

Gia Cát Lượng mừng lắm, nói:

- Tư Mã Ý đã cử binh lính ngồi trên Mộc ngư lưu mã tới Lũng Tây vận chuyển lương thực.

- Quả nhiên đã không lọt ra ngoài dự liệu của ta! Liền hạ lệnh cho bộ tướng Vương Bình, nói:

- Người hãy mau mau dẫn một ngàn binh lính, đóng giả thành quân Ngụy, ban đêm lẻn vượt qua Bắc Nguyên, chỉ nói là quân kiểm tra lương thực, trực tiếp tới chỗ vận chuyển lương thực, giết chém làm cho tan tác quân sĩ hộ lương của hã, nhanh chóng đẩy xe Mộc lưu ngư mã chở đầy lương thực đó trở về. Lúc này, nhất định binh lính Ngụy sẽ đuổi theo. Người liền đem đầu lười ở trong miệng của Mộc ngư lưu mã vận xoay trở lại thì xe đó không thể chạy được nữa. Các người cứ bỏ xe ở đấy là được rồi! Quân Ngụy đẩy cũng không đẩy được, dắt cũng không dắt được, khiêng cũng chẳng khiêng được. Ta sẽ cử lính tới đó trước. Các người lại vận lười xe bò trở lại như cũ, xe lại đi thẳng nhanh chóng. Lúc đó, lính Ngụy nhất định sẽ cho là thần sui quỷ khiến!

Sau khi Vương Bình dẫn quân đi, Gia Cát Lượng lại sai bộ tướng Trương Nghi:

- Người hãy dẫn năm trăm quân sĩ hóa trang thành đầu quỷ thần thú, bôi mặt đủ năm màu, tay cầm cờ thêu tay kia cầm bảo kiếm, trên người đeo hồ lô, trong hồ lô đựng đầy dầu dẫn lửa, mai phục ở bên cạnh núi. Chờ khi Mộc ngư lưu mã tới, đốt lửa lên, cùng xông ra, đuổi theo xe Mộc ngư lưu mã. Quân Ngụy nhìn thấy, nhất định nghi ngờ rằng các người là quỷ thần, mà không dám đuổi theo nữa.

Sau khi Trương Nghi phụng mệnh ra đi, Gia Cát Lượng điều binh khiển tướng, chuẩn bị đi tiếp ứng Vương Bình, Trương Nghi, lại còn bố trí một số quân cắt đứt đường tới của Tư Mã Ý. Thế là, theo mưu kế của Gia Cát Lượng, quả nhiên đã cướp được một khối lương thực của quân Ngụy.

21. BẢY BƯỚC THÀNH THƠ

Năm 220 sau Công nguyên, Tào Tháo bị bệnh đã qua đời. Nhị công tử Tào Phi đã không kế tập chức vị tể tướng của cha. Không lâu, Tào Phi lấy danh nghĩa là “Thiên nhượng”, đã lật đổ ngôi vua của Hán Hiến Đế, rồi cải quốc hiệu là Ngụy, tự mình bước lên ngôi vua, xưng là Ngụy Văn Đế.

Còn công tử Tào Thực thì sau khi cha chết, luôn mang nỗi niềm u uất chẳng vui. Chàng đã thoát li khỏi mọi cuộc đấu tranh chính trị của triều đình lúc đó, thường hả hê nâng chén, ngâm thơ làm từ cùng với một số văn nhân mặc khách học sĩ phong lưu. Chàng rất giàu tứ thơ, thường xuất khẩu thành chương lời hay, ý đẹp.

Tào Phi tính tình nóng nảy, lòng dạ hẹp hòi, cuối cùng vì việc kế thừa đó vẫn canh cánh trong lòng đối với người em thứ tư là Tào Thực. Hơn thế, mỗi khi có người khác tán thưởng tài thơ của Tào Thực, thì lòng ghen ghét đổ lại bùng cháy như dầu bắt lửa.

Một hôm, bỗng có người bước vào trong điện bẩm báo, nói là Tào Thực đang cùng mấy vị quan viên trong phủ đang say rượu điên cuồng, không nghe không hỏi các công việc ở trong thành.

Tào Phi liền nghĩ, cơ hội đã đến đây rồi, lập tức hạ lệnh đem Tào Thực và một số quan viên áp giải tới trước cung điện hỏi tội, toan chém.

Tào lão phu nhân nghe tin bàng hoàng kinh sợ, vội chạy tới cung điện, rớt nước mắt hỏi Tào Phi:

- Em trai của con thường ngày sống cũng hơi phóng túng một chút, vì nó cậy có tài nên mới như vậy. Con nên nghĩ tình anh em ruột thịt mà tha tội cho nó. Như vậy, mẹ có chết xuống phủ mới có thể nhắm mắt được!

Tào Phi trả lời:

- Thừa mẹ! Con cũng yêu cái tài của nó đâu nữa hại nó; nay cũng răn bảo cho nó chừa bớt đi thôi, xin mẹ chớ lo.

Tào mẫu nghe xong, ghen ngào chẳng nói nên lời, nước mắt chảy tràn trên mặt, bước đi!

Tào Phi bước tới trước mặt Tào Thực, nói:

- Mày chẳng đã từng ba hoa khoác lác về tài làm thơ của mày. Nay ta hạn cho đi hết 7 bước phải làm xong một bài thơ. Mày phải viết được mối quan hệ anh em ruột thịt giữa tao và mày, nhưng lại không được xuất hiện hai chữ “anh, em”. Làm được ra, tao miễn tội chết cho. Nếu không chớ trách ta không nghĩ tới tình máu mủ.

Không khí yên lặng ngọt ngào. Mọi người đều cảm thấy Tào Thực khó tránh khỏi tội chết.

Lúc đó, Tào Thực quỳ trên mặt đất, đột nhiên ngẩng đầu lên, biểu thị bằng lòng tuân theo mệnh lệnh. Chỉ nhìn Tào Thực đứng thẳng lưng, nhắm mắt lại, ngẩng mặt lên trầm tư một lát, đã nghe thấy chàng ngâm thơ rằng:

Nấu đậu đốt cành đậu

Đậu ở trong nồi khóc

Vốn sinh cùng một gốc

Sao nỡ đốt thiêu nhau

Vừa đi vừa ngâm, vừa bước hết bảy bước, một bài thơ đã làm xong.

Mọi người đều ngẫm thán phục!

Tào Phi nghe xong, ứa hai hàng lệ. Tào Mẫu sau điện chạy ra nói:

- Anh sao chệt em quá thế?

Tào Phi vội vàng đứng dậy nói:

- Phép của nước không sao bỏ được!

Nói xong liền giáng Tào Thực xuống làm An Hưng hầu, tha cho tội chết.

22. TÔN LƯỢNG BIỆN GIẢI PHÂN CHUỘT

Tôn Lượng là người con nhỏ của Tôn Quyền, Quốc vương nước Ngô, thời Tam Quốc. Khi Tôn Quyền chết, Tôn Lượng chỉ mới hơn mười tuổi, đã lên ngôi Quốc vương.

Một hôm, người coi vườn dâng lên nhà vua một lẵng mơ xanh, Tôn Lượng vừa muốn ăn đã nghĩ tới ở trong kho có mật ong, liền sai quan Thái giám vào lấy.

Quan Thái giám biết rõ mật ong cất giữ ở trong cung đình mùi vị rất ngon, đã từng xin viên quan coi kho cho vào ăn vụng, nhưng đã bị viên quan đó cự tuyệt. Quan Thái giám vẫn ôm mối hận ở trong tâm. Lúc này, thì được dịp trả thù. Hắn đem mật ong ra ngoài cửa kho, liền lấy hơn chục viên phân chuột thả vào trong cốc mật ong.

Sau khi Thái giám dâng mật ong, Tôn Lượng đã đem mơ xanh chấm vào mật ong rồi cầm lên. Đang sắp sửa ăn bỗng phát hiện trong mật ong có lẫn mấy viên phân chuột. Tức giận quá, nhà vua đã hạ lệnh giải tên coi kho tới trước mặt.

Tôn Lượng hỏi:

- Người chuyên chức quản lý trông coi kho, thế mà dám để chuột bậy cả vào mật ong, có biết đó là tội gì không?

Tên quan đó biết đây là tội bất lực không hoàn thành nhiệm vụ, nhẹ thì bị tước chức quan, nặng thì phải ngồi tù. Nhưng tự thấy mình làm việc rất cẩn thận chu đáo, khi đổ mật ong vào đã kiểm tra kỹ trước, không thấy có tạp chất gì, mới đổ trong vò rất sạch sẽ, rồi buộc chặt lại, tuyệt đối không thể có phân chuột rơi vào được. Hắn đập đầu xuống liên tục gào khóc kêu oan!

Tôn Lượng cảm thấy viên quan này từ xưa vẫn làm việc cẩn thận, chưa hề để xảy ra sai sót gì bao giờ, trầm tư một lát, rồi nói:

- Thái giám có đòi mật ong của nhà người bao giờ không?

Viên quan coi kho nói:

- Ông ta đã từng đòi mật ong rất nhiều lần nhưng con đâu có dám cho.

Quan Thái giám hét toáng lên:

- Nói láo! Con chưa hề xin mật ong bao giờ!

Lúc này, mấy viên quan đại thần nói:

- Lời khai của chúng không giống nhau, phải nhốt chúng vào trong ngục để tra hỏi.

Tôn Lượng xua tay nói:

- Khởi cần! Sự việc này rất dễ dàng làm được sáng tỏ. - Nói xong, ra lệnh cho Thái giám vớt hết phân chuột ra, rồi bắt hẩn đem dao mỏng và sắc cắt đôi viên phân chuột ra.

Sau khi Tôn Lượng kiểm tra kỹ lưỡng số phân chuột đã được thái đôi ra, cười rồi nói với các quan đại thần ở bên cạnh:

- Các người nhìn xem, nếu như phân chuột lẫn vào trong vò mật ong đã lâu rồi, thì bên trong và bên ngoài viên phân đều bị ẩm ướt cả. Thế nhưng số phân chuột vừa được thả vào mật ong còn khô nguyên. Điều đó chứng tỏ rằng phân chuột vừa mới được thả vào mật ong. Rõ ràng là Thái giám lĩnh mật ong đem ra khỏi kho mới thả phân chuột vào!

Lúc này Thái giám “lục cục” quỳ xuống đất, lạy như tế sao, thừa nhận mình đã phạm tội hãm hại người lương thiện, cầu mong được khoan thứ.

Tất cả mọi người có mặt đối với việc phán xử đúng sai của một Quốc vương nhỏ tuổi như vậy đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc.

23. THUI LỢN NGHIỆM TỬ THI

Vào thời Tam Quốc, Trương Cử là người nước Ngô đã nhiệm chức huyện lệnh Cú Chương.

Một hôm, có người tới trình một vụ án “vợ giết chồng”.

Bị cáo là một người phụ nữ hơn 30 tuổi, mặc toàn đồ trắng. Vừa tới phủ đường, ả đã khóc lóc âm ỉ.

Nguyên cáo khai rằng:

- Tôi là anh ruột của chồng ả này. Tối hôm qua, ả về nhà mẹ đẻ, vừa hay đúng nửa đêm nhà của em trai tôi tự nhiên bốc cháy. Bốn xung quanh nơi đó đều không có nhà ở, chờ khi chúng tôi chạy đến, nhà đã cháy sập xuống, em trai tôi bị chết ở dưới giường. Ngày thường, hành vi của ả này không đứng đắn, khẳng định rằng cô ta đã bàn tính với tên gian phu, trước hết trở về nhà mẹ đẻ, đến nửa đêm lại cùng tên gian phu mưu giết chết em trai tôi, sau đó phóng lửa đốt nhà, lấy cớ là “lửa cháy chết chồng”. Xin đại nhân soi xét cho nỗi oan của em trai tôi.

Người đàn bà đó lập tức đứng dậy, gào khóc như điên như dại:

- Anh nói tôi có gian phu, vậy gian phu của tôi là ai? Anh nói tôi giết chết người chồng thương yêu của tôi, vậy anh có chứng cứ gì không?

Người anh chồng của ả ta chỉ há hốc miệng, không nói được câu nào.

Người đàn bà càng tỏ ra bức bối, bỗng kêu to lên một cách thê thảm:

- Sao mà cái đời của tôi lại khổ sở đến thế này? Còn trẻ trung mà đã mang thân góa bụa, lại còn phải khoác lên lưng cái nỗi đen, thế thì tôi còn biết sống như thế nào được nữa? Sao ông trời không giết chết tôi đi! - Kêu gào xong, ả liền lao mạnh đầu vào cột nhà ngay bên cạnh nơi ả đứng. Mấy tên lính vội vã đỡ. ả khóc lóc càng to, càng thảm thương hơn.

Trương huyện lệnh đưa mắt lạnh lùng quan sát một lượt, nghĩ bụng: “Trước mắt chẳng có gì làm chứng cứ. Ta phải đi khám nghiệm tử thi xem sao đã!”.

Đến nhà của người chết, chỉ nhìn thấy cửa nhà đổ sập, tro tàn cuốn theo gió bụi mù. Kết quả của việc khám nghiệm tử thi, cũng chẳng có điều gì đáng nghi ngờ cả. Trương huyện lệnh vạch rộng mồm của người chết ra nhìn, nghĩ ngợi một lát, rồi vẫy tay nói:

- Cho phát tang lễ chôn cất đi. - Nói rồi đưa mắt nhìn người đàn bà, trong khóe mắt của ả ta ánh lên một niềm vui yên tâm, hình như đột nhiên trút đi được một bầu tâm sự nặng nề. Người anh chồng của ả thì lại tỏ ra cuống quýt, lo sợ. Trương huyện lệnh làm ra vẻ không để ý gì, lại nói:

- Làm lễ chôn cất cho thịt hai con lợn, có cần không?

Ả trả lời:

- Cần ạ, cần ạ.

Trương huyện lệnh bắt người anh chồng trói chặt hai con lợn lại, bắt người nhà đốt hai đồng lửa ở phía trước cửa. Mọi người đều không hiểu như vậy là có ý gì. Chỉ một lát, củi lửa đã cháy hết.

Trương huyện sai người vạch rộng miệng con lợn chết ra, thì thấy trong miệng lợn không có tro. Lại sai người vạch rộng miệng con lợn bị thui sống ra thì thấy trong miệng đầy tro. Huyện lệnh nói:

- Các người nhìn xem, trong mồm của người chết cũng không có tro. Điều đó nói rõ anh ta bị thiêu cháy sau khi bị giết chết.

Rồi quay lại nói với ả ta:

- Lúc này, ả còn có điều gì xin nói nữa không?

Ả đành quỳ xuống nhận tội đã thông gian với tên gian phu để giết hại chồng.

24. ĐÁ NAM CHÂM HÚT LÍNH DỊCH

Một ngày trong năm 279 sau Công nguyên, trên đường phố của đô thành nước Tây Tấn, một đoàn binh sĩ bao gồm ba ngàn năm trăm người, mang theo quân lương đầy đủ và vũ khí tinh nhuệ, bước đi nghiêm chỉnh, hào hùng ngạo nghễ, kéo ra ngoài đô thành. Các tướng sĩ kiêu dũng này phải đi thu phục lại Lương Châu đã bị Thụ Cơ Năng thủ lĩnh của tộc Tiên Ti(1) chiếm lĩnh.

Trong đội ngũ có một chiến mã sắc đỏ như lửa, cao lớn, người cưỡi trên con ngựa đó là Mã Long, đó là chủ tướng của quân đội này. Lần này, ông lĩnh mệnh lệnh trong cơn hoạn nạn, là bởi vì Tấn đế Tư Mã Viêm” để mất Lương Châu đã vô (2) nay Đông bắc nội Mông Cổ, cuối đời Hán dần dần hưng thịnh. Thời Nam bắc Triều từng lập nên Bắc Ngụy, Bắc Tề và Bắc Chu. 2. Tư Mã Viêm là con của Tư Mã Chiêu, là cháu nội của Tư Mã Ý, đã cướp ngôi nhà Ngụy năm 265, bình định hai nước Ngô Thục, lập ra nhà Tấn, thống nhất đất nước Trung Hoa, lấy quốc hiệu là Đại Tấn. Trong bài, soạn giả gọi Tấn đế Tư Mã Viêm là Hán Vũ Đế Tư Mã Viêm, gọi nhà Tấn là nhà Hán, chúng tôi đã sửa lại cho đúng với tên gọi lịch sử (Đặng Xuân Xuyên).

1. Tiên Ti là một dân tộc thời cổ đại, cư trú ở một vùng là cùng tức giặc, treo thưởng tìm tướng để đi đánh Lương Châu. Thế nhưng các tướng lĩnh trong triều đình đa số đều sợ Thụ Cơ Năng kiêu dũng đa mưu, không có một người nào dám đứng ra lĩnh hàm phó mệnh. Mã Long được Tư Mã Đốc cất nhắc đã dũng cảm đứng ra gánh vác nhiệm vụ nặng nề này.

Binh sĩ đã vượt qua sông Truy() rất nhanh tiến công sâu vào địa giới Lương Châu.

Thụ Cơ Năng ở thành Lương Châu thống lĩnh có tới mấy vạn binh mã, kể từ sau khi có thám báo đưa tin Tư Mã Viêm đã khởi binh đánh Lương

Châu, liền vội vã cử trọng binh đi chiếm lĩnh các vị trí hiểm yếu và những địa hình có lợi, đặt sẵn các bao tải ở trên đường mà quân đội Mã Long nhất định phải đi qua, hơn thế còn dự toán trước con đường mà Mã Long sẽ rút lui, đặt phục binh để cắt đứt đường rút lui của Mã Long. Thụ Cơ Năng chắc chắn rằng, trận này thắng là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Chiều hôm ấy, Mã Long dẫn quân đi tới một hẻm núi, liền cho binh sĩ dừng lại nghỉ ngơi. Lúc đó, lính tiến vệ tới báo:

- Thưa chủ tướng, đường đi ở hẻm núi trước mặt rất chật hẹp, ở hai bên vách núi hình như có phục binh.

1. Truy Hà, tên một con sông ở Sơn Đông.

- Ta biết rồi! - Mã Long liền hạ lệnh cho binh sĩ ở sau đẩy xe hòm nghiêng đưa lên phía trước phân phối cho các đơn vị.

Các binh lính đẩy xe hòm nghiêng tiếp tục tiến thẳng. Bỗng nhiên, phục binh của Thụ Cơ Năng từ trên hai sườn núi dùng cung nỏ và đá hộc dừng mãnh tiến công. Thế nhưng, quân của Mã Long đã có xe hòm nghiêng che chở mũi tên và đá núi, chẳng những đã bình an vô sự, mà còn có thể vừa đánh trả, vừa tiến lên được. Trận chiến đầu thứ nhất, Thụ Cơ Năng đã thất bại!

Mã Long để cho quân sĩ nghỉ ngơi lấy lại sức, rồi lập tức hạ lệnh cho các binh sĩ tới vùng lân cận vận chuyển đá về, xếp ở hai bên lề con đường chật hẹp. Mã Long dự đoán Thụ Cơ Năng nhất định sẽ men theo con đường này tới đánh trộm. Mã Long lại cho toàn bộ quân sĩ thay đổi áo mũ bằng da tê giác.

- Quân Tây Tấn vừa thay xong áo mũ bằng da tê giác thì quân đội của Thụ Cơ Năng đã đuổi tới. Các binh lính của tộc Tiên Ti dùng mãnh đã xông tới ào ào, thế nhưng khi chúng bước vào con đường nhỏ hẹp kia, thì tên nào tên ấy đều bị những viên đá bay tới hút chặt, không sao nhúc nhích được.

- Quân Tấn có yêu thuật! Quân Tấn có yêu thuật! - Binh sĩ Tiên Ti la hét om xòm.

Quân của Mã Long xông ra chém giết rất dễ dàng, chẳng gặp trở ngại gì cả, chỉ trong chốc lát giết chết mấy ngàn tên lính Tiên Ti. Trong trận chiến đấu này, Thụ Cơ Năng ngạo nghễ ngang tàn cũng không thoát khỏi bị cảnh, bị binh sĩ của Mã Long giết chết.

Thì ra Mã Long đã tìm hiểu được ở vùng này có một loại đá nam châm hút sắt. Mã Long lập tức liên tưởng tới mũ áo giáp của binh sĩ ở trên chiến trường đa số làm bằng sắt, nếu dùng đặc điểm này phát huy được hiệu quả kỳ diệu! Và như vậy, Mã Long đã thu phục được Lương Châu!

25. MẬN ĐẰNG Ở BÊN ĐƯỜNG

Vương Tuất làm quan Tế tướng trong thời Tây Tấn, thừa nhỏ rất thông minh.

Một ngày trong mùa hạ, cậu và mấy người bạn nhỏ rủ nhau ra ngoài thành. Chúng reo hò, nhảy nhót, vui chơi rất thoải mái. Chơi được một lát, chúng đều cảm thấy rất khát nước.

Một người bạn nhỏ nói:

- Đi! Chúng ta đi tìm chút quả gì để ăn đi!

Từ xa, chúng đã nhìn thấy ở bên đường có một cây mận, tất cả liền băng tới. Hay lắm, ở trên cành cây đầy những quả mận chín mọng.

Các bạn nhỏ sung sướng reo lên:

- Mận chín quá! Mận ngon quá! Chúng ta có thể ăn chán thì thôi!

Thế là tất cả đều Ồ tới. Chỉ có Vương Tuất một mình đứng lại ở bên đường không chạy theo các bạn. Có một bạn nhỏ hỏi:

- Vương Tuất, cậu còn đứng ở đó làm gì?

Vương Tuất nói:

- Loại mận này đắng lắm, không thể ăn được! Lúc đó, đã có một người bạn nhỏ nhai một quả mận nói:

- Mận đắng lắm, đắng lắm! - rồi nhổ ra phì phì.

Các bạn nhỏ nếm thử đều thấy đắng, vứt mận đi, rồi chạy tới trước mặt Vương Tuất nói:

- Tại sao cậu lại biết loại mận này là mận đắng? Vương Tuất nói:

- Loại mận này mọc ở ven đường, nếu là mận ngọt thì đã bị người qua đường vặt hết từ lâu rồi, chứ đâu tới lượt chúng mình. Đây là một cây mận hoang dại!

26. THẠCH LẶC DÂNG LỄ

Một ngày đầu tháng 3 năm 314 sau Công nguyên (năm thứ hai Tây Tấn Mẫn đế Kiến Hưng).

Viên tướng canh giữ thành Kế ở dinh phủ U Châu thời Tây Tấn là Vương Tuấn hôm ấy vô cùng sung sướng. Ông ta đang ngồi vuốt râu và đọc một bức thư gửi tới. Bức thư này là do Thạch Lặc, thủ lĩnh tộc Kiệt(1) cử người đem tới. Trong thư viết rằng: “... Tôi đã từng được nghe nói Vương tướng quân là vô địch trong thiên hạ, lòng khâm phục bội phần, nay dâng thư tới đại nhân, cốt là để tỏ lòng kính phục. Để minh chứng tấm lòng thành của dân chúng, sau ba ngày nữa, tôi sẽ xin đích tới thành Kế để dâng lễ lên tướng quân”.

Vương Tuấn triệu tập các bộ tướng, đem bức thư của Thạch Lặc đọc một lượt trước mặt quan tướng, sau dương dương tự đắc ba hoa, nào là “một

1. Kiệt là một dân tộc thiểu số thời cổ, là một biệt chi của Hung Nô, cư trú ở phía đông nam bộ tỉnh Sơn Tây, thời Đông Tấn từng xây dựng lên nước Hậu Triệu ở khu vực Hoàng Hà (năm 311-334). đội quân không đánh mà giành phần thắng”, nào là “đem lòng thuần phục người, đó là điều cần thiết nhất, quan trọng nhất của đạo làm tướng”.

Giữa lúc Vương Tuấn đang ba hoa đắc ý thì có một vị bộ tướng đứng lên khuyên giải rằng:

- Thừa tướng quân! Thạch Lặc, con người này tham lam vô độ, từ xưa không hề trọng điều tín nghĩa. Hắn nói, hắn kính phục chúng ta, nói rằng sẽ dâng lễ trước, sợ rằng trong đó có điều gian trá. Tôi nghĩ có lẽ chúng ta vẫn phải nên điều động quân sĩ tới chuẩn bị sẵn sàng vẫn hơn.

Vương Tuấn đang hăng hái ba hoa thì bị viên tướng này làm cụt hứng, cơn tức giận nổi lên, hắn sa sầm nét mặt, nói:

- Thạch Lặc tới lần này để ủng hộ ta, kết thân với ta. Ai còn dám nói tới chuyện điều động quân sĩ thì ta sẽ chặt đầu người đó!

Sau hai ngày, Thạch Lặc thống soái đại quân vượt qua sông Dịch Thủy, lạng lẽ tiến quân về hướng thành Kế.

Sáng sớm ngày thứ ba, ở phía ngoài cửa thành Kế đã thấy một đàn đông nghịt, đen ngòm. Thì ra, binh lính của Thạch Lặc đã đưa tới mấy ngàn con bò, cừu, dê, ngựa.

- Mau mở cửa thành ra! Ta mang lễ tới dâng Vương tướng quân! - Thạch Lặc cười ngựa chạy tới ngoài cửa thành, hét to với bọn lính canh thành.

Sau khi Vương Tuấn nhận được tin báo, vội vàng hạ lệnh mở rộng cửa thành, để nghênh tiếp quý khách.

Cửa thành vừa mở, bò, dê, trâu, ngựa nhốn nháo chạy vào thành như nước lũ xô về, chỉ chốc lát đã làm tắc đường nghẽn lối. Đây chính là mưu kế mà Thạch Lặc đã chuẩn bị từ trước. Hẳn sợ Vương Tuấn đã đặt sẵn binh phục vụ ở trong thành, liền phải dùng số bò dê này để làm tắc nghẽn hết đường phố, khiến cho binh lính của Vương Tuấn không thể xông ra chém giết được.

Khi được phi báo lần thứ hai, Vương Tuấn cũng đã bắt đầu ý thức được họ đem theo tâm dạ bất thiện tới đây, thế nhưng khi sắp sửa hạ lệnh cho quân đội xông ra thì đại quân của Thạch Lặc đã xông được vào thành rồi. Vương Tuấn hoảng sợ quá, đã trốn khỏi doanh trại rồi bị binh sĩ của Thạch Lặc bắt sống.

- Thừa Vương tướng quân, bây giờ, ngài có thể tiếp nhận được lễ vật của tôi rồi chứ! - Thạch Lặc ngồi ở trên ngôi nhà lớn của Vương Tuấn, nói mỉa mai, châm chọc Vương Tuấn như vậy! Lúc này, Vương Tuấn hối hận nhưng đã không kịp nữa rồi!

27. ĐỂ LẠI ROI QUÝ

Theo ghi chép của “Tấn Thư” thì câu chuyện này xảy ra vào một ngày tháng 6 năm 324 sau Công nguyên, tức năm thứ 2 Đông Tấn Minh đế.

Doanh trại đóng quân của tên đại thần phản nghịch Vương Đôn ở Vu Hồ. Ngày hôm ấy, có một người dáng vẻ nhà buôn đi tới, chỉ nhìn thấy trên vai bên phải của người ấy đeo một túi nải đựng tiền, đi qua các đường ngang lối dọc, vừa đi vừa rao:

- Có ai bán hàng lâm thổ sản không, tôi mua!

- Đây, anh thử nhìn xem, người kia chẳng giống người buôn lâm thổ sản một tí nào! - Một tên lính trực ban nói với một tên lính trực ban khác.

- Ủ, đi! Chúng ta đi xem thử!

Hai tên lính trực ban bước tới gần phía trước, quan sát tỉ mỉ người đó, chỉ nhìn thấy người đó mọc râu vàng đầy mặt, trong khóe mắt có khí phách anh hùng võ sĩ. Ông ta nói năng nhu mì nhã nhặn, nghiêm nhiên tỏ ra là người nho học thi thư.

- Con người này khẳng định không phải là người buôn bán, mà lại có vẻ giống như một thám tử do triều đình phái đến! - Hai tên lính trực ban bàn rả một hồi, rồi cảm thấy sự việc này can hệ trọng đại liền chạy tắt đường tới phủ soái của Vương Đôn để báo cáo.

Vương Đôn nghe nói người đó trên mặt mọc đầy râu vàng, liền đập bàn, nói:

- Úi chà chà! Người có râu vàng đó chính là lão Minh đế. Mau bắt hắn về cho ta!

Tức thì năm con tuần mã, dưới sự chỉ dẫn của hai tên lính trực ban vượt ra khỏi doanh trại, nhưng đã không biết Minh đế đi về lối nào rồi. Cuối

cùng chúng đã đi theo hướng nào? Giữa lúc đang băn khoăn khó xử, thì một đứa trong bọn đó hét toáng lên:

- Ồ, ở trên mặt đường kia có một đồng phân ngựa!

Bọn kỵ binh lập tức xông về phía đó. Lúc này, ở trong quán nghỉ mát ven đường, có một bà cụ già đang ngồi bán thực phẩm đang rồi rít mời khách mua hàng.

Tên kỵ binh dẫn đầu bước tới trước mặt bà cụ hỏi:

- Xin hỏi bà cụ, vừa rồi cụ có nhìn thấy một người râu vàng cười ngựa qua đây không?

- Có, nhưng người ấy đã đi rất xa rồi! Đây là một chiếc roi mà người đó lưu lại! - Bà cụ nói xong, liền rút ra một chiếc roi sáng loáng.

- Đây là roi thất bảo! - Tên kỵ binh dẫn đầu nói - Đây chính là vật quý ở trong hoàng cung! - Tức thì năm tên đó, kẻ giằng người giật, tranh nhau nắm nghĩa chiếc roi quý đó.

- Úi chà chà! Đúng rồi! Chúng ta phải mau mau đuổi theo hăn! - Tên cầm đầu giục đồng bọn.

- Không kịp nữa rồi! Hãy xem, đồng phân ngựa kia đã nguội lạnh rồi! - Một tên kỵ binh nói.

Cả mấy đứa xúm quanh đồng phân ngựa. Quả thật đồng phân đã nguội, chúng đều nghĩ, có đuổi theo nữa cũng chẳng kịp. Thế là chúng liền cầm roi thất bảo quay trở lại quán doanh.

Người đó đích thực là Tấn Minh đế. Một vị hoàng đế đích thân đi dò thám tình hình quân sự, có thể nói là một sự kiện rất hiếm thấy.

Hơn thế, lúc bọn kỵ binh đuổi tới đồng phân ngựa thì Minh đế vẫn còn ở phía trước, cách đó không xa lắm. Kể từ lúc hai tên lính trực ban chú ý tới mình, Minh đế lập tức ý thức được sự nghiêm trọng của vấn đề. Ông biết lập tức sẽ có lính địch đuổi theo. Ông mau chóng ra khỏi cửa doanh trại, bay người trên mình ngựa. Ông nghĩ, mình cưỡi ngựa chạy không thể nhanh hơn bọn lính kỵ binh ở trong doanh trại kia được. Ngẩng đầu nhìn thì thấy ở bên cạnh đường có một bà cụ đang ngồi bán thực phẩm. Ông bước tới cầm

hai lượng vàng đưa cho bà lại đưa roi thất bảo của mình cho bà cù, rồi dặn dò bà cù cứ làm như thế, như thế... Ông quay lại cù, tưới nước lạnh lên trên đống phân ngựa, rồi băng lên mình ngựa phóng đi. Vì vậy, mới xảy ra màn kịch vừa rồi ...

Minh đế nhìn thấy bọn lính đuổi theo đã quay lại, lúc đó mới yên tâm, đem tình báo vừa xét được trở về kinh thành.

28. ĐONG CÁT GIẢ LÀM GẠO

Năm 431 sau Công nguyên, Tống Văn đế thời Nam Bắc triều cử Chinh nam Đại tướng quân Đàn Đạo Tế đi đánh dẹp Bắc Ngụy.

Buổi tối hôm đó, mặt trăng tròn sáng vằng vặc treo trên bầu trời cao, ánh sáng mềm mại và trong trẻo chiếu dọi muôn nơi, dưới mặt đất bao la lộ rõ vẻ huyền ảo thần bí và lộng lẫy. Chinh nam Đại tướng quân Đàn Đạo Tế đi đi lại lại ở bên ngoài quân doanh, ngắm nhìn vầng trăng sáng, bỗng nỗi niềm nhớ quê hương rộn lên trong con tim rạo rực.

Kể từ khi lên Bắc chinh phạt Bắc Ngụy, thời gian đã quá nửa năm, các trận chiến đấu lớn nhỏ kể đã có hơn ba chục, quân Tống đã liên tiếp giành thắng lợi. Chỉ có điều là hậu phương quân đội viễn chinh không cung cấp nổi lương thực. Quân tiến tới thành Lịch thì lương thực đã cạn, quân tâm bất định. Đàn Đạo Tế đành phải đem quân rút về nam. Thế nhưng có một số quân sĩ trên đường rút lui đã chạy sang đầu hàng quân Ngụy, đem tình trạng thiếu lương thực của quân Tống báo cáo hết với chúng. Thế là quân Ngụy lập tức đem quân đuổi theo. Quân Tống ở vào tình trạng vô cùng nguy hiểm.

Đàn Đạo Tế đi kiểm tra quân doanh một vòng nhìn thấy các binh sĩ do không được ăn no, tiếng ai oán đầy đường, trong lòng ông rất lo lắng. Nhìn thấy lương thực đã cạn, quân Ngụy lại từng bước đuổi gấp, ông đành phải nghĩ kế lui binh. Ông đã gọi một số người tâm phúc tới bàn bạc, cuối cùng đã nghĩ ra một diệu kế.

Chỉ một lát sau, ở bên ngoài lán quân đã có rất nhiều ngọn đuốc được đốt sáng lên. Chinh nam Đại tướng quân chỉ huy mấy ngàn binh sĩ đem những bao gạo trống không đong cát vào. Vừa đong cát vào các binh sĩ vừa hô to; “Một đấu, hai đấu, ba đấu...”, ngoài ra, có một đơn vị quân đội đi đi về về, đem những bao cát vác sang đông, chuyển về tây, nhìn qua thì có vẻ

như đang phân chia lương thực. Cứ như vậy, bận rộn, vất vả tới quá nửa đêm.

Đến sáng, Đàn Đạo Tế hạ lệnh cho các binh sĩ đem từng bao cát xếp cất lên theo hàng ở ngoài doanh trại, trên miệng bao cố ý để rách ra, bên trên miệng bao phủ một lượt gạo mỏng, thoáng nhìn thì giống hết như những bao gạo thực sự.

Lúc này, trong quân Ngụy đã có lính báo cáo với chủ soái quân Tống phân phát lương thực đêm hôm qua. Chủ soái rất nghi hoặc, vội sai thám tử đi điều tra cho rõ ràng.

Mấy tên thám tử đóng giả làm dân thường, đi tới trước lán trại của quân Tống, nhìn thấy mấy tên đầu bếp trèo lên trên đống gạo ra nấu cơm. Chúng vô cùng hoảng sợ, vội vã về báo tin với chủ soái. Chủ soái vừa nghe xong, trong lòng nghĩ:

- Đàn Đạo Tế từ xưa vốn là kẻ có nhiều kế quỷ mưu thần, rõ ràng là lương thực của quân đội chúng dồi dào, thế mà lại cho binh sĩ tới trá hàng báo cáo là lương thực đã cạn để đánh lừa chúng ta đuổi gấp theo chúng. Tới một nơi nào đó, hắn sẽ quay ngựa, quay giáo đánh trở lại. Ta phải sớm đề phòng mới được! - Nghĩ tới đây, hắn liền ra lệnh đem số quân Tống vừa tới trá hàng chém hết, không trừ một đứa nào!

Sau khi chủ soái quân Ngụy giết hết số lính Tống đến hàng ấy, lại phái thám tử tới dò xét tình hình động tĩnh của quân Tống.

Lại nói, Đàn Đạo Tế bởi binh lính bạc nhược rất khó có thể thoát ra khỏi thế đông của quân Ngụy, ông liền hạ lệnh cho các binh sĩ ăn mặc khôi giáp vàng hoàng còn bản thân mình mặc quần áo trắng như tuyết ngồi cao trên xe binh, dẫn quân sĩ đánh ra khỏi vòng vây. Chủ soái quân Ngụy được biết quân Tống uy vũ hùng tráng, ung dung, bình tĩnh, sợ rằng quân Tống có phục binh, nên không dám tiến lên đánh nữa, đã rút lui mấy chục dặm. Lợi dụng cơ hội đó, Đàn Đạo Tế lập tức khẩn cấp rút lui.

29. SỰ TỬ GIẢ ĐẦU UOI THẬT

Thời Nam Bắc triều, Tống Văn đế Lưu Nghĩa Long phong Tông Xác làm “Trấn Vũ tướng quân”, rồi ra lệnh cho ông dẫn năm ngàn người ngựa, kéo đi chinh phạt nước Lâm Ấp.

Nước Lâm Ấp này vốn là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam thời Hán. Năm cuối thời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, Công Tào huyện Tượng Lâm đã giết chết huyện lệnh, tự lên ngôi vua. Triều đình Ngụy Tấn chỉ lo tới nội chiến, mà chưa hề đi đánh dẹp, tới khi Tông Xác nam chinh, nước Lâm Ấp đã có lịch sử 200 năm, lực lượng cũng tương đối cường thịnh.

Tông Xác từ biệt hoàng đế và trăm quan văn võ, soái lĩnh quân đội kéo tới nước Lâm Ấp, vừa chỉ huy đội ngũ xếp thành thế trận, vua nước Lâm Ấp đã đích thân tự đánh trống, các tướng lĩnh sĩ vẫy cờ hò hét, hô “giết giết” vang trời! Bỗng nhìn thấy cờ chiến tung bay khắp chốn, hơn một ngàn con voi lớn đã trải qua huấn luyện, như điên cuồng xông thẳng vào trận địa của quân Tống. Chúng giày đông xéo tây, thế mạnh không sao địch nổi, cứ y như là xông vào chỗ không người. Những con voi lớn da dày, đao thương của binh lính quân Tống chẳng làm gì nổi chúng. Chỉ trong chốc lát, quân sĩ của Tông Xác tử thương vô số, tan tác tơi bời.

Tông Xác thu thập tàn binh bại tướng kéo về tới đại bản doanh, khổ sở muôn phần. Ngày hôm đó, nước Lâm Ấp lại kéo binh tới khiêu chiến. Tông Xác biết rõ ràng đối mặt với một đội quân thì thất bại là điều quá rõ, đành phải treo lên tấm biển “miễn chiến”, cự tuyệt không cho quân ra đánh. Tông Xác liền triệu tập các mưu sĩ lại thương nghị để tìm đối sách.

Một mưu sĩ nói:

- Quy luật ở trên thế gian là có một vật sẽ trị được một vật. Theo như chỗ tôi được biết, thì chỉ có sư tử mới trị được voi. Thế nhưng, ta biết lấy đâu ra nhiều sư tử như vậy được?

Một mưu sĩ khác lại nói:

- Cho dù chúng ta có mấy trăm con sư tử, nhưng không trải qua huấn luyện, có lẽ nào chúng không ăn thịt quân ta?

Tông Xác nghe được lời bàn của các mưu sĩ bỗng nhiên mắt lóe sáng, nói:

- Có cách rồi!

Mấy ngày sau, vua nước Lâm Ấp lại kéo binh tới khiêu chiến. Tông Xác cử người ra đưa thư ứng chiến. Hai bên cùng bày thế trận ở trên một bãi đất rộng rãi.

Vua nước Lâm Ấp tự mãn ra lệnh thả voi xông ra trước trận. Vừa nghe tiếng trống, đàn voi oai phong lẫm liệt xung phong xông lên phía trước. Thế nhưng, vừa xông tới một đoạn, bỗng nhìn thấy ở trận địa đối phương đã xông ra mấy trăm con sư tử lông hoa văn nhe răng liếm vuốt. Đàn voi trông thấy, lập tức hoảng sợ, quay mình lại chạy trốn, đã giẫm đạp giày xéo loạn xạ lên đội ngũ của quân mình. Tông Xác lợi dụng thời cơ phát động công kích toàn diện, xông tới chém giết, quân lính của nước Lâm Ấp bị giết không biết bao nhiêu mà kể, những tên còn sống ôm đầu lùi trốn. Quân của Tông Xác thừa thắng đuổi theo, vua nước Lâm Ấp đành phải đầu hàng quy thuận nhà Tống.

Ai cũng muốn hỏi Tông Xác lấy đâu ra nhiều sư tử lông văn được huấn luyện tài giỏi như vậy? Thì ra ông đã triệu các thợ vẽ, vẽ liền trong ba ngày, được 500 ảnh sư tử, làm ra 500 mô hình sư tử. Sau khi làm xong sư tử giả, liền ra lệnh cho binh sĩ đeo lên trước ngực, dùng sư tử giả đánh nhau với voi thật và đã thu được đại thắng.

30. GÁO DỪA ĐỰNG LỬA

Năm 497 sau Công nguyên (năm thứ tư Kiến Vũ Tề Minh đế thời Nam Bắc triều), Nam Tề rắp tâm đánh chiếm Thái Thương Khâu, thành trì quan trọng của Bắc Ngụy, đã cử đại tướng Lỗ Khang Tộ, Triệu Công Chính thống soái một vạn quân tiến vào bờ nam sông Hoài, chờ thời cơ hành động. Với tình trạng kẻ địch hùng mạnh áp sát biên giới, quan thích sử Dự Châu Bắc Ngụy là Vương Túc đã ra lệnh cho Trường Sử Truyền Vĩnh dẫn ba ngàn binh lính tinh nhuệ ra đối địch.

Cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ!

Ngày hôm đó, Truyền Vĩnh sau khi bố trí sắp xếp quân đội xong, liền dẫn mấy tên lính thân cận, ăn mặc quần áo thường dân kéo ra bờ sông Hoài ngắm nhìn tình hình phân bố của quân địch ở bờ nam. Trong doanh trại của quân địch, cờ xí bay rợp trời, ngựa kêu ngựa hí. Thoáng nhìn có vẻ như nếu muốn dùng ba ngàn quân lính chống lại với quân Tề hơn vạn, đó là điều không thể thực hiện được. Phải dùng mưu trí như thế nào để phá tan được kẻ thù hùng mạnh đây? Truyền Vĩnh nhìn mặt nước sông Hoài bằng phẳng gợn sóng, nhẩn máy suy nghĩ. Từ lực lượng quân sĩ, ông đã so sánh giữa ta và địch, nghĩ tới những đặc điểm tác chiến trong nhiều lần chiến đấu trước quân Tề. Thông qua sự phân tích tỉ mỉ và toàn diện, ông đoán định rằng: lần này, quân Tề nhất định sẽ qua sông đánh trộm về ban đêm. Thế là một phương án tác chiến đã hình thành trong óc ông.

Ban đêm, trong doanh trại chủ soái của quân Nam Tề, chủ soái Lỗ Khang Tộ cùng với Triệu Công Chính đang gây đàn đối ẩm, các kỹ nữ đem theo trong quân đang lả lướt ca múa, tiếng hát du dương ở trước mặt.

- Nay, Triệu tướng quân, nghe nói lần này Truyền Vĩnh thống lĩnh quân Bắc Ngụy tới đây, con người này rất xảo trá đa mưu, chúng ta phải nên đề phòng hấn cẩn thận mới được.

- Khà khà! Lỗ huynh lo lắng nhiều làm gì. Mặc cho tên Truyền Vĩnh hăn quỷ kế mưu thần như thế nào, lần này chúng ta lấy binh cường đột kích, xuất kỳ bất ý nắm phần thắng là điều chắc chắn.

Vào lúc nửa đêm, Lỗ Khang Tộ truyền đạt mệnh lệnh xuất kích. Ở chỗ nước nông của sông Hoài đã đóng cọc gỗ cố định từng chiếc từng chiếc gáo trong đưng lửa cháy. Quân Nam Tề lập tức dựa vào những ngọn lửa đánh dấu vị trí nước nông, rất nhanh chóng lợi vượt qua sông Hoài. Đến trước cửa doanh trại quân Bắc Ngụy, nhìn thấy trong doanh trại vắng vẻ tĩnh lặng.

- Thôi chết rồi, bọn địch đã có chuẩn bị sẵn sàng. Rút lui mau!

Khi Lỗ Khang Tộ vừa lệnh cho quân sĩ rút lui về, thì hai bên đã vang lên tiếng thét “Giết! giết!” Quân Bắc Ngụy phục kích bốn phía xông ra.

Quân Nam Tề bị đột kích bất ngờ, hỗn loạn tan tác như nước thủy triều, rút về bờ sông Hoài, tranh nhau lợi qua sông. Thế nhưng, trên mặt nước sông Hoài lúc này khắp nơi đều là ánh lửa bập bùng lẫn lộn, rất khó phân biệt đâu là hư, là thực, đâu là thật, là giả. Trong nỗi kinh hoàng hoảng loạn, đã có mấy ngàn người ngựa rơi xuống chỗ nước sâu, chết đuối gần hết.

Cuộc chiến đấu chỉ hơn một tiếng đồng hồ đã kết thúc. Con chiến mã của tướng Tề Triệu Công Chính bị sa vào trong bùn lầy, bị lính Bắc Ngụy bắt sống. Còn Lỗ Khang Tộ thì cả người lẫn ngựa đều bị rơi xuống chỗ nước sâu, chết đuối.

Trong hội mừng công của quân Ngụy lần thứ hai, chủ soái Truyền Vĩnh cười nói với các bộ tướng: - Bây giờ, các người phải hiểu rõ tối hôm qua tại sao ta đã hạ lệnh cho các người dùng gáo dừa đốt lửa lên, rồi thả xuống sông Hoài.

- Thưa tướng quân, thật là mưu thần diệu kế! Mưu thần diệu kế! - Các bộ tướng đồng thanh nói.

31. LÝ SÙNG XỬ KIỆN

Câu chuyện này xảy ra vào năm Diên Xương Tuyên Vũ đế Bắc Ngụy, thời Nam Bắc Triệu.

Ở một làng thuộc huyện Thọ Xuân, có một người nông dân, tên gọi Tuân Thái, có đứa con trai chưa đầy ba tuổi, gặp thời loạn lạc, bị lạc trên đường. Đã mấy năm lặn lội tìm tòi, mà vẫn chưa thấy tăm hơi đâu, cả hai vợ chồng suốt ngày âu sầu, rầu rĩ.

Về sau, do cơ hội ngẫu nhiên, Tuân Thái lên chợ trên thành đô mua thức ăn và đồ vật, đã nhìn thấy con trai của mình ở trong nhà một người cùng huyện, tên gọi Triệu Phụng Bá liền kiện lên phủ huyện, hy vọng rằng quan phủ sẽ xét xử trả lại con trai cho mình.

Đây là lần đầu quan phủ tiếp nhận một vụ án như thế này, cảm thấy rất khó khăn. Quan phủ cho lính đòi Tuân Thái và Triệu Phụng Bá tới thẩm vấn tại nha môn. Cả hai người đều nói con trai của mình, và đều tìm được những người hàng xóm láng giềng làm chứng cho mình, quan phủ quả thực không còn cách nào phán quyết, nên đành chuyển lên quan trên.

Dương Châu Thích sử Lý Sùng thụ án, liền nói rất thoải mái:

- Một sự việc quá nhỏ bé, rất dễ làm sáng tỏ.

Lý Sùng đã bắt hai nhà họ Tuân và họ Triệu ở tách biệt hẳn với đứa trẻ đó, không cho phép họ được gặp đứa trẻ. Sau mấy tháng, một hôm, quan phủ cử người đưa giấy đến hai nhà họ Tuân và họ Triệu, nói:

- Đứa trẻ bị nguy cấp, không thể chữa chạy được, nên đã chết rồi. Quan Thích sử ra lệnh cho hai nhà hãy cử người tới viếng thăm và phải bỏ tiền ra để lo việc tang ma hậu sự.

Nghe được tin bất hạnh này, Tuân Thái gào khóc vang trời; còn Triệu Phụng Bá chỉ thở dài kêu lên vài tiếng, cũng chẳng có biểu hiện gì đau đớn

khác thường.

Lý Sùng nghe tên sai dịch kể lại tình hình xảy ra ở hai nhà, lập tức trả đứa con cho nhà Tuân Thái, hơn thế còn truy xét tội danh lừa bắt trẻ con nhà người của Triệu Phụng Bá.

Triệu Phụng Bá đã nhận tội rằng:

- Đứa con trai tôi chẳng may đã chết từ khi còn rất nhỏ. Vì muốn để tới tuổi già có chỗ nương cậy, tôi đã mạo nhận con của người khác.

32. TRA KHẢO TẮM DA CỪU

Vào thời Nam Bắc triều, quan Thái thú Ung Châu tên gọi là Lý Huệ của Bắc Ngụy đã xét xử một vụ án như thế này:

Có một người buôn công một bao tải muối tới thành Ung Châu để bán, trên đường gặp một người tiểu phu đi bán củi. Đi được một đoạn đường, họ cùng ngồi nghỉ ở một gốc cây to. Khi đứng dậy để chuẩn bị đi tiếp họ đã tranh giành nhau vì một tấm da cừu trải để ngồi trên mặt đất. Mỗi người đều nói tấm da cừu đó là của mình, cuối cùng đã đánh nhau. Những người khách qua đường đã kéo họ ra, rồi dẫn họ tới chỗ quan Thái thú Lý Huệ để trình án.

- Đi thì đi! - Cả hai người mặt đỏ tai tía cùng đi lên châu phủ.

Quan Thái thú Lý Huệ để cho họ kể rõ đầu đuôi câu chuyện của mình.

Người công muối tranh nói trước:

- Tấm da cừu này chính là của tôi, tôi đã mang nó vào nam ra bắc bán muối, suốt năm năm trời rồi!

Người bán củi cũng cau có nói:

- Anh quả thật là một kẻ không biết xấu hổ, dám đem đồ của người ta nói thành đồ của mình! Khi tôi vào núi chặt củi, bao giờ cũng khoác nó ở trên mình để sưởi ấm. Khi vác củi bao giờ cũng dùng nó làm đồ lót trên vai.

Cả hai người đều thao thao bất tuyệt, nói toàn là điều phải cả. Lý Huệ không thể nào phân định được phải trái.

Lý Huệ nói với hai người:

- Các người hãy ra ngoài cửa chờ một lát, sẽ có kết quả xét xử.

Sau khi hai người ra khỏi cửa, Lý Huệ nói với các tên lính tả hữu:

- Nếu tra khảo tấm da cừu này một trận, thì sẽ có thể hỏi ra được chủ nhân của nó là ai không?

Bọn lính đều cảm thấy rất kỳ quái, ai nấy đều cười thầm ở trong bụng mà không trả lời.

Lý Huệ liền sai lính:

- Trải tấm da cừu lên trên chiếc chiếu kia, đánh cho nó bốn chục gậy!

Sau khi sai lính đánh bốn chục gậy, Lý Huệ bước lên trước, nâng tấm da cừu lên nhìn, rồi nói:

- Nó quả thật không chịu nổi đòn tra khảo, đã phải công khai rồi! - Tiếp đó, Lý Huệ quát: - Truyền gọi hai người đó vào!

Sau khi người bán muối và kẻ bán củi bước vào phiên tòa, Lý Huệ nói:

- Tấm da cừu đã khai ra: người bán muối chính là chủ nhân của nó.

Người bán củi mặt đỏ dừ, nói:

- Thưa đại nhân, tấm da cừu làm sao lại biết nói mà khai ra được ạ? Rõ ràng nó là của tôi đó ạ!

Lý Huệ chỉ vào đám vụn muối rơi vãi trên chiếc chiếu, nói:

- Vậy thì người hãy nhìn kỹ mà xem!

Tên bán củi biết không còn cách nào lừa dối được nữa nên đành phải chịu thua.

THỜI: ĐƯỜNG, NGŨ ĐẠI ĐƯỜNG: 618-907
NGŨ ĐẠI: 907 — 960

1. SỨ THẦN CỦA VUA TẠNG

Thời nhà Đường ở Tây Tạng có một vị vua tên gọi là Tùng Tán Cán Bố. Ông nghe nói ở Trung Nguyên có công chúa Văn Thành vừa xinh đẹp, vừa đảm đang, liền sai quan đại thần là Đông Tán tới cầu hôn. Lúc này, Ấn Độ, Ba Tư và rất nhiều nước cũng đã phái sứ thần tới cầu hôn.

Hoàng đế nhà Đường quyết định để cho các sứ thần tới cầu hôn phải thi trí tuệ, nói:

- Ai thông minh nhất, sẽ gả công chúa.

Cuộc thi thứ nhất, hoàng đế sai người dắt 100 con ngựa con và 100 con ngựa mẹ tới, bắt các sứ thần phải tìm ra con ngựa nào là con của con ngựa nào. Các sứ thần khác đều phân những con ngựa có cùng một màu sắc đứng một chỗ, cho rằng những con sắc trắng là do những con ngựa mẹ sắc trắng sinh ra; những con ngựa con sắc đen là do những con ngựa mẹ đen sinh ra; những con ngựa con sắc vàng là do những con ngựa mẹ sắc vàng sinh ra. Kết quả đều sai cả. Đông Tán đã phân như thế này: Trước hết, nhốt riêng tất cả ngựa con và tất cả ngựa mẹ riêng biệt ra một chỗ. Cách một đêm mới thả từng con ngựa mẹ vào với đàn ngựa con. Ngựa con vừa nhìn thấy mẹ của mình tới, vội vàng lao vào bú sữa. Cứ làm như vậy, thả từng con một vào và từng con ngựa con đã tìm được mẹ. Chẳng bao lâu, đàn ngựa con đã tìm được mẹ!

Hoàng đế lại ra một đề khó thứ hai: Ngài sai người khiêng tới một cây gỗ đàn hương hai đầu to bằng nhau, nhẵn bóng như nhau, rồi hỏi các sứ thần đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn? Các vị sứ thần người nọ nhìn người kia, không ai trả lời được. Chỉ có Đông Tán chạy ra ngoài dùng một sợi dây thừng buộc vào chính giữa cây gỗ, sau đó thả xuống ao trong vườn hoa. Đông Tán chỉ đầu chìm xuống nước, nói:

- Đầu chìm xuống nước kia là gốc, đầu nổi này là ngọn! - Hoàng đế gật đầu lia lịa.

Cuối cùng hoàng đế đặt một phiến đá ngọc rất to ở trước mặt các sứ thần, bắt họ dùng sợi chỉ xuyên qua một lỗ nhỏ ở trên mặt đó. Lỗ mắt đá này rất nhỏ, từ đầu này tới đầu kia cần phải qua một đường quanh co gấp khúc, hơn thế lại rất dài. Các sứ thần từng người một thử dùng sợi chỉ để xuyên qua nhưng không làm sao có thể xuyên qua được. Đông Tán cũng cảm thấy rất khó khăn. Bỗng nhiên, ông nhìn thấy ở dưới mặt đất có một con kiến đang bò, thế là óc vọt nảy ra kế hay. Đông Tán vội vã đem sợi chỉ buộc trên lưng con kiến, sau đó thả xuống lỗ mắt đá rồi dần thối hơi vào. Còn ở đầu mắt đá bên kia, Đông Tán đã để vào đó một ít đường mật. Con kiến đã cố bò lên phía trước. Và như vậy, Đông Tán đã luôn được sợi chỉ qua!

Hoàng đế nhìn thấy ba đề khó đều do Đông Tán giải được, nghĩ bụng: “Một sứ thần mà thông minh tài cán như vậy, thế thì, vua Tạng chắc càng thông minh tài cán hơn”. Do vậy, hoàng đế đã bằng lòng gả công chúa Văn Thành cho vua Tây Tạng.

2. XE LƯƠNG NHỐT LÍNH

Một ngày trong năm 679 sau Công nguyên (Đường Cao Tông Điều Lộ nguyên niên), Đan Vu Đô hộ) Tiêu Tự Nghiệp, triều nhà Đường đang chờ những chiếc xe lương thực đi chậm chậm trên đường, đột nhiên A Sử Đức Ôn Phó, thủ lĩnh Đột Quyết(2) dẫn một đội quân phiến loạn gào thét xông ra, giết chết hết quân nhà Đường đi áp tải xe lương rồi cướp toàn bộ xe lương thực đó. Những chuyến xe chở lương thực của quân Đường nhiều lần bị cướp, binh lính của Tiêu Tự nghiệp đại đa số bị chết đói, không đánh mà bại.

Sang năm sau, Đường Cao Tông ủy thác cho Bùi Hạnh Kiệm giữ chức Đại tổng quản Hành quân trên đường Định Tương (tương đương với chức nguyên soái), dẫn quân đi tiêu diệt người Đột Quyết.

Bùi Hạnh Kiệm dẫn quân tới châu Sóc, bắt binh lính đẩy tới ba trăm chiếc xe lớn, lại tuyển

1. Đan Vũ Đô hộ: Tên một chức quan đời nhà Đường. 2. Đột Quyết: Một tộc thiểu số ở Tây Bắc. chọn một ngàn năm trăm lính tinh nhuệ tay cầm đao to cung mạnh, nói với lính rằng:

- Trước đây, đại đa số lương thực của Tiêu Tự Nghiệp đều bị người Đột Quyết cướp mất, cho nên đã bị thua trận. Bây giờ, bọn Đột Quyết lại vẫn giở trò cũ, chúng ta phải lừa lại chúng, có như vậy mới có thể đánh bại được chúng. Số quân tinh nhuệ này đã lĩnh hội được ý của Đại tổng quản là tương kế tựu kế, liền an tâm bình tĩnh chui vào trong xe lương. Bùi Hạnh Kiệm lại cho một toán quân sĩ mai phục ở chỗ hiểm yếu mà xe lương tất phải đi qua, để chờ thời cơ chiến đấu.

Lại nói, một toán quân Đột Quyết từ xa đã nhìn thấy xe lương của quân Đường lại vận chuyển tới, sung sướng tới tột điểm, nói:

- Quân Đường lại mang lương thực tới tận cửa cho chúng ta rồi đây! -
Tức thì chúng xông lên nhanh như chớp. Những người áp tải xe lương đều là những tàn binh già yếu, vừa nhìn thấy lính Đột Quyết khí thế hung dữ kéo tới liền cố ý hoảng sợ, bỏ chạy, vứt lại “xe lương”, ôm đầu lủi trốn.

Binh lính Đột Quyết sung sướng đẩy “xe lương” ca khúc khải hoàn trở về. Đi đến một nơi suối xanh róc rách chảy, cỏ xanh hoa thắm thì bọn chúng cỡi yên thả ngựa, cho chúng uống nước và ăn cỏ.

Lính Đột Quyết nói:

- Bây giờ chúng ta xem thử xem có bao nhiêu lương thực nào!

Thế là chúng nhốn nháo hạ bỏ đao thương ở trong tay xuống, chuẩn bị trèo lên xe lương.

Lúc đó, đột nhiên các xe lương đều bật mở, những người lính nhà Đường kiêu dũng vô song trong xe lao xuống. Quân Đột Quyết bàng hoàng thất sắc, nhất thời tay run chân quỵ, bị quân Đường chém giết không biết bao nhiêu mà kể. Bọn sống sót vội vã tìm đường chạy trốn. Chạy tới quãng đường xung yếu, bỗng nhiên nghe tiếng trống trận, một toán quân Đường vọt lẹ ra, trước và sau đánh kẹp lại, đã giết chết quá nửa số binh lính Đột Quyết tới cướp xe lương của quân Đường.

Thật là: Nhất chiêu tạo và giáo

Thập niên phạ tinh thẳng

Nghĩa là:

Một lần gặp rắn ngoạm

Mười năm sợ giếng thùng

Kể từ khi bọn lính Đột Quyết ném đòn chua chát này, sau đó có nhìn thấy xe lương vận chuyển đến cũng không dám tùy tiện đến gần nữa. Từ đó, Bùi Hạnh Kiệm vận chuyển lương thực thông suốt, không gặp trở ngại gì. Lương thực đầy đủ, cuối cùng đã đánh bại kẻ thù!

3. TÔ VÔ DANH ĐÀO MỘ

Vào thời nhà Đường, khi Võ Tắc Thiên làm vua, hai chiếc hộp lớn đựng vàng ngọc châu báu quý giá của công chúa Thái Bình bị lấy cắp. Võ Tắc Thiên liền ra lệnh cho Trưởng sử Lạc Dương nhất thiết trong vòng ba ngày phải phá án, nếu không, sẽ bắt Trưởng Sử tới hỏi tội. Trưởng Sử lập tức bắt huyện quan đi phá án, huyện quan lại hạ lệnh cho bọn lính dịch đi tróc nã kẻ gian.

Bọn lính dịch đi lùng sục khắp bốn phương, mà không sao tìm được đầu mối, trên đường đi bỗng gặp Tô Vô Danh là quan Biệt Giá() Hồ Châu, là người giỏi phá án, liền mời ông tới huyện đường. Huyện quan lập tức báo cho Trưởng Sử, sau đó báo lên Võ Tắc Thiên.

Võ Tắc Thiên triệu Tô Vô Danh đến, hỏi:

- Người có thể phá được vụ án này không?

Tô Vô Danh nói:

- Có thể! Thế nhưng mong bệ hạ đừng có gia

1. Quan biệt giá: Chức phó của Châu Thích Sử.

hạn kỳ quá gấp gáp, ngoài ra, phải cho tất cả bọn lính dịch đều phải tuân theo sự điều khiển của tôi!

Võ Tắc Thiên đồng ý.

Tô Vô Danh tới huyện đường sai bảo dẫn dò bọn lính dịch, nói:

- Mấy ngày tới đây, chúng bay hãy chia nhau ra đứng chờ ở cửa Đông thành. Nếu thấy bọn người Hồ(1) mặc quần áo tang ra khỏi thành đi về phía núi Bắc Manh(2) thì tới ngay báo cho ta biết!

Ngày hôm tết Thanh minh, bọn lính dịch quả nhiên đã trông thấy khoảng mười mấy người Hồ đi về phía núi Bắc Manh tảo mộ. Họ bày lễ vật ở bên cạnh một ngôi mộ mới, đốt hương thắp nến, đốt tiền giấy hoa, tiếp đó họ gào thét ở trước ngôi mộ. Bọn lính dịch nấp ở trong bụi cây rậm gần đó nhận thấy trong tiếng khóc của chúng không hề có một chút bi thương sầu

khổ nào. Chúng cúng bái xong, đã vây quanh phần mộ đi vòng một lượt, sau đó đã cười rộ lên. Bọn lính lập tức phi báo cho Tô Vô Danh biết.

Tô Vô Danh vui vẻ nói:

Chúng chính là bọn kẻ cắp lấy trộm của báu của công chúa.

Bọn lính dịch lập tức bắt bọn người Hồ lại, đào

1. Thời cổ chỉ một dân tộc thiểu số ở phương Bắc và phương Tây.

2. Tên núi ở Lạc Dương, Hà Nam. mộ bật nắp quan tài ra xem, đã thấy ngay toàn bộ báu vật của công chúa đều ở trong quan tài đó.

Sau khi được tin báo, Võ Tắc Thiên lại triệu Tô

Vô Danh đến gặp, hỏi ông ta đã dùng diệu kế gì? Tô Vô Danh trả lời:

- Thần chẳng có diệu kế gì hết, chỉ là chú ý quan sát tỉ mỉ mà thôi. Hôm thần tới đô thành thì gặp mười mấy người Hồ khiêng một cỗ quan tài đi chôn, nhìn thấy thần khí của họ có chút khác thường đã nghi ngờ chúng là bọn trộm cướp, trong quan tài có khả năng là đồ vật. Nhưng lúc đó thần không biết chúng đem quan tài đi chôn ở nơi nào. Tết Thanh minh phải là ngày táo mộ, thần dự đoán chúng sẽ có thể ra ngoài thành, nên liền sai lính chờ sẵn ở cửa thành chôn quan tài. Khi chúng khóc lóc chẳng có chút gì bi thương, điều đó nói lên thứ chôn ở dưới mộ không phải là người chết. Sau khi đi vòng quanh phần mộ, chúng đã cười là bởi vì chúng phát hiện ngôi mộ chưa bị ai động tới nên sung sướng. Lúc đầu, thần xin bệ hạ kéo dài thời gian phá án là có ý làm cho chúng lơ là cảnh giác. Nếu không, chúng sẽ như lúc chó bí vượt đường, liều chết bởi lên lấy vật báu chạy trốn, nếu thế thì vụ án sẽ khó phá án lắm!

Võ Tắc Thiên mừng lắm, đã trọng thưởng Tô Vô Danh rất hậu.

4. KẾ NGƯỜI GỎ

Một ngày trong năm 756 sau Công nguyên, Trương Tuần - huyện lệnh huyện Chân Nguyên đời nhà Đường, thân mặc áo giáp đi tuần tra ở trên thành Ung Khâu. Trong thành, chỉ có hơn một ngàn tên lính canh giữ, mà ở dưới chân thành lại có những bốn vạn quân địch. Thành Ung Khâu thật là vạn phần nguy cấp.

Cuộc chiến đẫm máu đã diễn ra hơn hai tháng, tường thành của Ung Khâu đã bị một chút ít tổn thất. Những người lính đứng trên tường thành, từng người một khoe mắt sâu hoắm, tia máu chẳng chịt, nhưng tất cả đều ôm ấp lòng quyết tâm chiến đấu tới lúc chết.

Trương Tuần đứng trên đỉnh thành quan sát hết một lượt, hiểu được tên nỏ ở trong tay mỗi người hầu như đã sắp dùng hết. Nếu sáng sớm ngày mai bọn địch kéo tới đánh thành, chỉ có thể triển khai đánh gần, điều đó đối với việc giữ thành là bất lợi. Ông đang vắt óc suy nghĩ thì bỗng nhiên có một thương binh không chịu xuống hỏa tuyến, ngồi nghỉ ở trên một bó cỏ. Ông nhìn chăm chăm vào bó cỏ, bỗng nảy ra một kế...

Vầng trăng đã treo cao trên nền trời lạnh lẽo, tướng địch tên gọi là Lệnh Hồ Triều ngủ đang ngon giấc bỗng có một bộ tướng gọi ông thức dậy, nói:

- Báo cáo, trên thành Ung Khâu có tình hình!

Lệnh Hồ Triều khoác áo đứng dậy nhìn lên trên thành. Quả nhiên, trên tường thành tĩnh lặng ảm ảm hiện hiện có vô số các binh sĩ mặc áo đen trên đỉnh thành theo dây thừng trôi tuột dưới chân tường thành.

Trương Tuần muốn tới đánh lén vào doanh trại của ta à? - Lệnh Hồ Triều phán đoán vậy, tức thì hạ lệnh cho các tay nỏ nhắm trúng bóng áo đen cùng bắn ra hàng vạn mũi tên. Các mũi tên bắn đã rất lâu, rầu lâu, cuối cùng các bóng đen đều đã rơi xuống đất. Lệnh Hồ Triều đang sắp ra lệnh ngừng bắn tên thì lại nhìn thấy bóng đen kia lại đứng cả lên, nhốn nháo trèo lên. Lệnh Hồ Triều lại vội vã lệnh cho các tay nỏ tiếp tục bắn. Cứ như vậy các tay nỏ liên tục bắn tên cho tới lúc trời gần sáng. Lúc này, Lệnh Hồ Triều mới nhìn thấy rõ, những “binh sĩ” trèo trên đầu thành vốn là những cô người rơm thân mặc áo đen. Trương Tuần đã dùng kế “Người cỏ vay tên”, đã thu trắng mất mấy chục vạn mũi tên của Lệnh Hồ Triều.

Mấy ngày sau, lại một đêm trăng, Trương Tuần đã đưa 500 dũng sĩ thả xuống dưới chân thành.

Những tên lính gác của Lệnh Hồ Triều cho rằng lại là những “người cỏ”, cho nên đã không báo cho chủ tướng biết. Nào ai ngờ năm trăm dũng sĩ đó sau khi xuống tới chân thành, bò tới doanh trại quân địch. Một trận đánh đã

giết chết vô số quân phiến loạn. Lệnh Hồ Triều trong lúc hoảng loạn không lo gì tới quân sĩ của mình, đã chạy trốn. Các bộ hạ cũng trốn theo tới ngoài mười dặm xa!

5. KẾ BẮN NGÀI

Năm 757, năm thứ hai sau khi Trương Tuần dẹp lui được quân phiến loạn Lệnh Hồ Triều, liền đóng quân ở thành Huy Dương) để viện trợ cho quan Thái thú Huy Dương là Hứa Viễn.

Dưới thành là Doãn Tử Kỳ, một viên đại tướng khác của An Lộc Sơn. Hãn đã dẫn 13 vạn quân tới chân thành.

Hứa Viễn đã triệu tập Trương Tuần và tướng quân Nam Tế Vân... tới thương nghị kế sách. Hứa Viễn nói:

- Thừa các vị, lương thảo, tên nỏ ở trong thành đã sắp cạn. Chỉ có mau chóng đánh lui được quân phiến loạn mới có thể giải vây được cho Huy Dương. Thế nhưng, binh lực của địch gấp ta mấy chục lần. Cho dù chúng không đánh thì nguy khốn cũng sẽ giết chết chúng ta.

Trương Tuần nói:

- Thừa Thái thú đại nhân, tặc ngữ nói “Cầm

1. Huy: Tên một huyện ở Hà Nam. tặc tiên cầm vương”(1), chỉ cần chúng ta giết chết được Doãn Tử Kỳ, để chúng sống trong tình trạng rỗng mắt đầu, ấy mới là kế lui binh tốt nhất.

Thần nỏ Nam Tế Vân nói:

- Chỉ cần chúng ta tới gần được doanh trại của địch, nhận được mặt Doãn Tử Kỳ thì có thể bắn trúng hãn được! Thế nhưng, trong chúng ta không ai biết mặt Doãn Tử Kỳ, biết làm sao đây?

Trương Tuần suy nghĩ một lát, nói:

- Tôi có một kế...

Đêm hôm đó, trong thành Huy Dương vang lên từng hồi trống trận. Quân phiến loạn ở ngoài thành cho rằng Trương Tuần sắp cất binh đánh ra ngoài thành, tức thì chúng bận rộn thâu đêm suốt sáng để chuẩn bị đánh trả. Nhưng đến lúc sáng, tiếng trống ngừng hẳn, vẫn chẳng nhìn thấy một tên

nào ra khỏi thành. Ở bên ngoài thành, lính gác của Doãn Tử Kỳ trèo lên thang dây để điều tra động tĩnh ở trong thành, thì thấy trên lầu thành không một bóng người. Sau khi Doãn Tử Kỳ nghe được tin báo như vậy, liền hạ lệnh cho quân sĩ cởi bỏ quần áo chiến để nghỉ ngơi.

Chính trong lúc chúng đang ngủ ngon giấc, Trương Tuần, Nam Tể Vân cùng mười mấy tướng

1. Bắt giặc trước hết phải bắt vua!

1 lính, mỗi người dẫn mấy chục lính, đột nhiên mở cửa thành đánh ra với thế nhanh như sấm vang chớp giật, xông thẳng vào trụ sở của Doãn Tử Kỳ. Trong doanh trại quân phiến loạn, bỗng nhốn nháo đại loạn. Mấy ngàn binh sĩ bị giết chết trong trận hôm đó.

Trương Tuần, Nam Tể Vân... đã tiếp cận tới trước doanh của chủ soái địch. Doãn Tử Kỳ và mấy bộ tướng dẫn binh sĩ của một số doanh trại lân cận tiến ra đánh giáp lá cà với họ.

Ai là Doãn Tử Kỳ? Nam Tể Vân kéo dây cung đang dò xét mục tiêu. Trương Tuần ở bên cạnh đã chỉ huy các tướng lĩnh khác bắn ra từng loạt mũi tên. Đây chỉ là những mũi tên vót nhọn bằng thân cây ngải xanh, bay trôi nhẹ nhàng bắn không xa, cho dù có bắn trúng người cũng không làm bị thương. Chỉ có bắn thẳng vào mặt người mới có chút ít tác dụng.

Bộ hạ của Doãn Tử Kỳ nhìn thấy mũi tên của đối phương bắn ra, không đủ sức sát thương, nhặt mũi tên lên xem, thì ra đó là “mũi tên bằng thân ngải non”, vội chạy tới trước mặt Doãn Tử Kỳ báo cáo lại sự kiện trọng đại này. Doãn Tử Kỳ nghĩ: “Thì ra ở trong thành Huy Dương không có mũi tên.” - Giữa lúc vui mừng như điên như cuồng đó, Nam Tể Vân đã phán đoán ra ai là Doãn Tử Kỳ, liền đặt mũi tên thật sự lên trên nỏ, bắn đi, trúng ngay vào mắt trái Doãn Tử Kỳ. Doãn Tử Kỳ kêu “ôi trời” lên một tiếng, ngã lộn cổ xuống dưới chân ngựa, lập tức chết ngất đi. Thừa lúc quân phiến loạn hỗn loạn nhốn nháo, Trương Tuần và các bộ tướng cùng xông vào chém giết, máu quân phiến loạn đã chảy thành sông.

Doãn Tử Kỳ bị thương nặng, không còn lòng dạ nào tiếp tục chiến đấu được nữa, đành phải hạ lệnh rút quân!

6. CÁNH ĐIỀU CẦU VIÊN

Một ngày trong năm 781 sau Công nguyên (năm thứ hai Kiến Trung Đường Đức Tông), thành Lâm Minh bị quân phiến loạn của bộ tướng Dương Chiêu Quang vây khốn. Hôm đó, chủ soái quân giữ thành Lâm Minh là Trương Phi đích thân dẫn binh lính tới các doanh trại để xem xét. Trên đường đi, Trương Phi nhìn thấy các quan binh ai vẫn việc nấy nhưng không ai không lộ ra thần sắc mệt mỏi.

Trương Phi vừa đi tuần tra, vừa suy nghĩ: ở “Quân sĩ giữ một cô thành trong nguy khốn đã hơn một tháng trời rồi, vật tư ở trong thành đã cạn kiệt. Các quan binh cũng bởi phải canh giữ ở một ở cô thành lâu dài, nên đã nảy sinh tâm trạng hoài nghi lo lắng.”.

- Thừa tướng quân! - Trương Phi ngoảnh cổ lại nhìn, thì ra đó là quan phụ trách quân nhu dưới trướng, - Thừa tướng quân, trước mắt trong thành chỉ còn đủ quân lương ăn trong ba ngày.

Cái gì? Lương thảo chỉ còn đủ ăn chưa đầy ba ngày?

Trong miệng Trương Phi vừa lẩm nhẩm câu nói đó, vừa suy nghĩ làm cách nào để đột phá ra khỏi vòng vây được?

Trở về trướng trung quân, Trương Phi đóng cửa không ra ngoài, suy nghĩ tìm kế giải vây. Mấy ngày hôm trước, triều đình đã cử người xông vào phá vòng vây báo với Trương Phi: Triều đình cử tướng Hà Đông là Mã Toại dẫn binh tới cứu viện Lâm Minh. Thế nhưng mấy ngày gần đây, quân phiến loạn của Dương Chiêu Quang vây thành quá nghiêm ngặt, trong ngoài không thể liên hệ được với nhau. Làm thế nào mới có thể báo tin trong thành sắp sửa cạn lương thực ra ngoài thành?

Trương Phi lê những bước chân nặng nề đi đi lại lại.

Bỗng nhiên, đôi mắt của ông bị một bức ảnh cũ treo ở trên tường hấp dẫn. Đó là một bức tranh vẽ cảnh mục đồng chơi diều của một danh họa lớn đời trước. Trên cánh đồng rộng bao la, tay đứa trẻ cầm chiếc diều con bướm chạy tung tăng, cánh diều đó cao vút chui vào tầng mây. Cứ nhìn mãi, nhìn

mãi, trong lòng Trương Phi bỗng lóe sáng: Đúng rồi! Ta phải hộ theo chú bé mục đồng kia mới được!

Mưu kế đã sắp đặt, Trương Phi liền chạy ra ngoài, cho gọi quan trung quân tới:

- Người hãy lập tức đi tìm người làm ngay cho ta một cánh điều lớn tới đây ngay!

Quan trung quân tuân lệnh nhưng trong lòng rất khó chịu: Hôm nay Trương tướng quân làm sao thế? Lương thực trong quân đã sắp hết, vậy mà tướng quân lại nổi hứng chơi điều!

Chẳng bao lâu, cánh điều đã làm xong. Lúc này Trương Phi cũng đã viết xong bản tường trình khẩn cấp xin viện trợ. Khi Trương Phi đem bản tường trình đó lên dán sau lưng cánh điều, quan trung quân và các binh sĩ mới hiểu, cười ồ lên:

- Trương tướng quân chơi nước cờ thật là cao kiến!

Buổi chiều hôm đó, từ trong thành Lâm Minh vọt bay lên một cánh điều, nó càng bay càng cao lên. Theo chiều gió, cánh điều đã bay lên bầu trời.

Quân phiến loạn vừa nhìn thấy cánh điều kỳ quái, lập tức báo cáo cho Dương Chiêu Quang được rõ. Khi Dương Chiêu Quang hạ lệnh cho những tay cung nỏ dùng mũi tên bắn điều, thì cánh điều kia đã bay lên được độ cao hơn một trăm trượng rồi.

Một lúc lâu, cánh điều rơi xuống, vừa hay rơi trúng vùng đất thuộc doanh trại của Mã Toại. Mã

Toại vừa nhìn đã thấy trên cánh điều viết: “Trong ba ngày không tới giải cứu, thành Lâm Minh không đánh cũng tự tan!”, thì biết rõ ngay là lương thảo của Trương Phi đã sắp kiệt, liền lập tức điểm binh xuất kích.

Trương Phi cũng tích cực hưởng ứng ở trong thành. Thế là trong ứng ngoài hợp, cuối cùng đã đánh được quân phiến loạn.

7. TRIỆU HUYỆN LỆNH VƯỢT GIỚI ĐOÁN ÁN

Năm đầu Hàm Thông, đời Đường, huyện lệnh Giang Âm là Triệu Hòa nổi danh vì đã xét xử tài ba các vụ án.

Một hôm, có người nông dân ở một làng thuộc huyện Hoài Âm, tên gọi Mao Kim Đại tới trình án. Triệu huyện lệnh quát hỏi:

Ở huyện Hoài Âm, các người cũng có quan phụ mẫu, tại sao lại khổ sở bỏ nơi gần tìm chỗ xa, làm một việc thừa như vậy?

Mao Kim Đại trình rằng:

- Chỉ tại là vì huyện lệnh Hoài Âm chúng con xét xử không công bằng, khiến dân lành chúng con có nhiều oan khuất không được bày tỏ ...

Thì ra năm ngoái, vì để làm một công chuyện, Mao Kim Đại phải đến chỗ người quen ở Tây thôn là Hoàng Thái Long vay một khoản tiền là chín trăm ngàn, dùng khế đất để thế chấp, nói rõ trả nợ hết thì hoàn lại khế đất. Đầu năm nay, Mao Kim Đại đã trả trước được tám trăm ngàn, cho rằng hai bên thân thiết cho nên không đòi chữ ký làm chứng cứ. Cách đó không lâu, Mao Kim Đại lại đem trả nốt số nợ còn lại. Khi xin lại khế đất, ai ngờ Hoàng Thái Long đã trở mặt, không thừa nhận, những muốn đem khế đất chiếm làm của riêng. Mao Kim Đại đã trình lên huyện đường. Hoàng Thái Long cứ khẳng khẳng định Mao Kim Đại là vu cáo. Kiện lên châu phủ, Mao Kim Đại cũng đã vấp vào tướng đá. Không còn đường nào, mới phải mộ danh vượt giới đi kiện sang huyện khác.

Triệu huyện lệnh đọc qua đơn kiện, nghĩ:

“Nếu ta đi bắt Hoàng Thái Long, nhất định sẽ làm náo động quan phủ Hoài Âm. Ta là kẻ vượt giới sẽ phải chịu cơn sóng gió. Hơn nữa án lại không có vật chứng không có nhân chứng, đâu có thể dễ dàng phá án được?” - Thế là ông bắt đầu ngần ngại, do dự.

Huyện đường tĩnh lặng giây lát. Đôi mắt của Triệu Hòa nhìn chăm chăm vào đơn. Bỗng ông nói:

- Bản huyện tiếp nhận Mao Kim Đại vượt giới trình án, năm ngày sau tới tòa để xét được.

Lại nói, ngay lập tức Triệu huyện lệnh phái hai tên công sai cầm bức thư do chính tay ngài viết, đem tới quan phủ Hoài Âm. Thư viết: “Bản huyện Giang Âm bắt được một tên trùm cướp giang hồ, phạm tội chứng cứ đã xác thực. Nay hãn đã công khai đồng đảng với dân Hoài Âm là Hoàng Thái Long, phải cấp tốc bắt ngay, giao cho người này dẫn tới Giang Âm”. Huyện lệnh Hoài Âm nhìn thấy đây là vụ án cướp lớn, không dám chậm trễ, ngay đêm đó đã bắt Hoàng Thái Long quy án.

Ngày thứ năm, Hoàng Thái Long vừa lên tới công đường huyện Giang Âm đã luôn miệng kêu oan inh ỏi. Triệu huyện lệnh quát:

Tội mà người phạm phải chứng cứ đã rõ ràng, người còn dám chối cãi ư? Tang vật đều còn dấu cả ở trong nhà của người, hoàn toàn có thể điều tra rõ ràng được!

Hoàng Thái Long nói:

- Quả thật ở trong nhà của con chưa hề có tang dấu tang vật gì cả!

- À, nếu vậy thì người hãy đem toàn bộ gia sản khai báo rõ ràng từng thứ một. Nếu không có gì mờ ám thì bản quan sẽ rửa sạch oan ức cho người!

Hoàng Thái Long vội vã kê khai rõ ràng toàn bộ gia sản. Ngoài ra, còn có chín trăm ngàn tiền của Mao Kim Đại ở Đông Thôn chuộc khế đất vừa nộp đến?...

Triệu huyện lệnh cười lạnh lùng:

- Người đã không phải giấu diếm số tiền chuộc khế đất của Mao Kim Đại? - Ngay lập tức truyền gọi Mao kim Đại lên công đường. Hoàng Thái Long đã phải công nhận tội lừa đảo của hãn.

Cuối cùng, Triệu huyện lệnh tuyên phán: Đem Hoàng Thái Long áp giải trả về Hoài Âm, trừng trị theo luật pháp. Hơn thế, còn ra lệnh cho hãn phải đem khế đất trả ngay về cho chủ cũ là Mao Kim Đại.

Câu chuyện huyện lệnh huyện Giang Âm vượt giới phá án đã trở thành một thiên cổ giai thoại được người đời hết lòng ca tụng.

8. QUAN THÁI THÚ MÒ VÀNG

Câu chuyện này xảy ra vào đời nhà Đường.

Một buổi sớm, trời thu trong trẻo, có một con thuyền nhỏ chở hàng đang đi trên hẻm sâu Trường Giang. Con thuyền nặng nề, tốc độ chậm chạp. Mọi người đi trên thuyền đều nghĩ: chỉ cần qua một đêm nữa là sẽ tới nơi. Trong số đó có một nhà buôn lớn, sợ số vàng đem theo bên người có kẻ đánh cắp mất, nhân lúc các nhà buôn khác không chú ý, lặng lẽ đem số vàng lẫn vào trong hàng hóa.

Hành động của ông ta đã bị một người chèo thuyền trẻ nhìn thấy hết.

Con thuyền đã đi được hơn mười dặm, thì dừng lại ở một bến. Các nhà buôn đều lên bờ mua đồ hoặc đi dạo.

Chờ cho các nhà buôn lên bờ hết, người phụ thuyền trẻ đó đã ăn cắp toàn bộ số vàng của nhà buôn kia. Sau đó lại xếp hàng y hệt như cũ, rồi cũng lên bờ.

Ngày hôm sau, con thuyền tới một bến ở Giang Nam. Nhà buôn kia đã phát hiện số vàng của mình giấu trong thùng hàng không còn nữa, ông đã tìm tòi lục lọi khắp nơi trên thuyền mà vẫn không thấy.

Tức thì, nhà buôn đó túm lấy anh phụ thuyền trẻ tuổi, lôi tới phủ quan. Quan phủ cử người tới lục soát con thuyền, không thấy vàng đâu cả.

- Thật là kỳ quái! - Nhà buôn kêu lên.

Vụ án được chuyển tới tay quan Thái thú Diêm Tế Mỹ. Ông đã thẩm vấn tên phụ thuyền, cũng không có kết quả. Cuối cùng, ông lại hỏi mấy nhà buôn cùng đi đêm hôm qua con thuyền dừng lại ở chỗ nào. Sau khi biết rõ tường tận địa điểm thuyền dừng, ông liền hạ lệnh cho mấy tên sai dịch lập tức tới bến mà thuyền đậu tối qua, lội xuống dưới nước và nói: “Ai mò được số vàng đó sẽ có trọng thưởng”. Kết quả, đúng là đã mò được một chiếc hòm nhỏ, bên trong đựng đầy vàng.

Thì ra tên phụ thuyền trẻ kia thường xuyên sử dụng phương pháp xảo diệu này để trốn tránh sự lục soát. Chờ sau khi gió yên sóng lặng mới tới lấy đồ vật đã đánh cắp. Bây giờ chứng cứ đã rõ ràng, tên phụ thuyền buộc phải nhận tội.

9. THẢ LỪA, ĐƯỢC YÊN

Đời nhà Đường, có một người tên gọi Trương Thốc, là huyện ủy Hà Dương, trong thời kỳ trông coi việc quân sự và dò xét bắt bớ, đã xử lý vụ án như sau:

Có con lừa của một gia đình nhà nông nuôi ở trong lều cỏ phía ngoài tường. Tuyết mùa đông rơi rất lớn. Người nông dân quên không đổ cỏ cho lừa ăn. Lừa vừa rét, lại vừa đói, không chịu nổi, đã đầu húc chân đạp, kêu lên một thời gian rất lâu mà chủ nhà vẫn không chịu thức dậy. Đến nửa đêm, lừa đã bứt đứt dây thừng bỏ chạy.

Sáng sớm ngày hôm sau, nàng dâu trẻ ra chuồng đổ cỏ cho lừa, không thấy lừa đâu, vội vã báo cho chồng biết. Hai vợ chồng nhìn bên ngoài nhà một màn tuyết phủ, những dấu chân lừa cũng bị tuyết phủ trắng, họ đã vào từng nhà trong làng tìm hai, ba ngày mà vẫn chẳng có kết quả gì, đành phải trình báo lên phủ huyện.

Huyện ủy Trương Thốc phái người đi khắp bốn phương, truy lùng rất gấp; có lẽ là người giữ lừa cảm thấy hoảng sợ, cho nên ban đêm đã lẳng lặng thả lừa ra, nhưng lại giấu yên lừa giữ lại muốn chiếm làm của mình.

Trương Thốc nói:

- Bây giờ lừa đã trở về, yên lừa cũng dễ tìm thấy!

Đêm hôm đó, Trương Thốc dẫn mấy người tới nhà người nông dân kia. Ông ra lệnh cho chủ nhà không cho lừa ăn, tháo bỏ hàm thiếc ra, đến nửa đêm thì thả cho lừa đi.

Do lừa không được ăn, đói cồn cào không chịu nổi, liền chạy về phía ngôi nhà mà người ta đã cho nó ăn tối hôm qua. Mấy người bí mật theo sau gót chân lừa.

Người thu giữ lừa kia nhìn thấy lừa trở về, vừa vui mừng vừa kinh ngạc. Thế nhưng ngay lúc đó, mấy người sai dịch liền xông ngay vào tiến hành khám xét, cuối cùng đã tìm được chiếc yên lừa giấu ở dưới đồng cỏ.

10. VỤ ÁN VÀNG

Khi Lý Miễn trấn thủ ở Phượng Tường, trong huyện sở tại có một người nông dân già đào mương dẫn nước ở trong ruộng nhà mình đã đào được một chiếc chum sành. Mở ra xem, bên trong toàn là “Vàng móng chim”. Người nông dân già đã mời hai đại lực sĩ, khiêng cả chum lẫn vàng lên trình huyện đường. Huyện lệnh sợ cất giữ ở huyện không nghiêm, liền đem chum vàng cất giấu ở trong nhà mình. Đêm ấy, huyện lệnh đã mơ một giấc mộng đẹp. Ngày hôm sau, trời vừa sáng, ông liền mở chum ra muốn xem kỹ số vàng móng chim đó. Thế nhưng, thứ đựng ở trong chum sành hoàn toàn là những phiến đất vàng. Ông kêu thét lên mấy tiếng, nói là bị mắc lừa, nhưng không biết làm thế nào cho phải. Cho dù ông có bán hết nhà cửa, vợ con, cũng không trị giá bằng số tiền lớn như vậy được! Ông càng không có cách gì che giấu được, chum vàng đào được ở ngoài ruộng, mọi người đàn ông, đàn bà, già trẻ, lớn bé đều đã nhìn thấy trong chum sành đựng toàn “vàng móng chim”. Chưa đầy mấy ngày, nhân dân trong toàn huyện đều biết vàng để ở trong nhà huyện lệnh đều thành đất, mọi người đều cảm thấy rất kỳ lạ. Có rất nhiều người cho là huyện lệnh giở trò ma quái. Huyện lệnh hết như một người câm, ngậm mồm không nói được. Trên châu cử quan viên về điều tra, huyện lệnh vã mồ hôi, khai khẩu cung. Truy hỏi vàng để ở chỗ nào, ông ta đều không biết. Quan thái thú Phượng Tường Lý Miễn nhìn qua vụ án, tức giận, nhưng không tìm được kế hay để bắt huyện lệnh nộp vàng ra.

Sau đó một thời gian, một lần trong bữa tiệc, Lý Miễn đã kể chuyện này cho các quan viên nghe, nhiều người rất kinh ngạc. Lúc này, có một vị tiểu quan tên gọi Viên Tư cứ ngồi yên lặng chẳng nói câu một câu nào, có vẻ đang suy nghĩ lung lăm. Lý Miễn nhìn thấy bộ dạng của người đó như vậy, liền hỏi xem anh ta đang nghĩ gì? Viên Tư liền nói to cốt để cho các quan viên cùng nghe:

Tôi hoài nghi sự việc này, có lẽ ông ta bị oan that!

Lý Miễn liền đứng dậy, nói:

- Ngài nhất định là có cao kiến. Lý Miễn tôi xin có lời thỉnh cầu. Vụ án này, ngoài ngài ra, tôi xem không có ai khác có thể phán đoán được hư thực, thật giả.

Viên Tư nói:

- Có thể! Tôi xin thi hành.

Sau đó, Viên Tư liền sai người đem hồ sơ vụ án lên châu phủ Phượng Tường để xét xử.

Rất nhiều quan viên được biết Viên Tư biện lý vụ án này, có người đã cười mỉa, có người đã gây khó dễ.

Viên Tư đã có mưu kế. Trước hết, ông bắt người mở chum sành ra, nhìn thấy ở trong chum sành có hơn 250 miếng đất vàng có hình dạng giống như “vàng móng chim”. Liền cử người ra ngoài thị trường mua về rất nhiều vàng, nấu đổ thành từng miếng to nhỏ giống như những thỏi “vàng móng chim” ở trong chum. Sau khi đúc thành, cầm lên, mới cân được một nửa đã nặng tới trăm cân.

Viên Tư hỏi mọi người:

- Lúc đầu, chum vàng từ trong làng khiêng tới cửa huyện có mấy người?

Thì ra, hai người nhà quê đó đã dùng đòn gánh tre để khiêng. Tính toán số lượng vàng đó thì hai người không thể nào khiêng nổi được. Tất cả đều đã rõ; thì ra trên đường đi, số vàng đã bị hai người đại lực sĩ đó đổi thành đất cả.

Vụ án của viên huyện lệnh lập tức đã được rửa oan!

11. LỪA TUẦN TRA BÁNH GIỚI

Năm 915 sau Công nguyên - Ngũ Đại, Hậu Lương, Chính Minh nguyên niên. là Trong quân của Tấn vương Lý Tồn Húc ở ngoài thành Ngụy Châu, binh lính quân Tấn hiếu chiến, đã giao chiến mấy trận với quân của Lưu Tầm đóng ở Ngụy Châu Nam Lương, rất may đã chiếm được chút lợi thế bèn cảm thấy quân Nam Lương yếu đuối đáng khinh, càng mang tâm dạ điên cuồng. Ngày hôm đó, Lý Tồn Húc phái quân bộ hạ tới chửi bới khiêu chiến ở ngoài thành Ngụy Châu.

- Hỡi binh lính Nam Lương, nếu còn là giống người thì ra ngoài thành, đánh nhau với chúng tao một trận.

- Hỡi tên tiểu tử Lưu Tầm! Chớ có để đầu rụng xuống háng như thế! Người hãy ra đây, đánh nhau đủ 300 hiệp với ông nội người!

Thế nhưng, mặc cho quân Tấn nhục mạ khiêu chiến như thế nào, trên thành Ngụy Châu vẫn không động tĩnh trả lời. Chỉ nhìn thấp thoáng hiện có những binh sĩ cầm cờ chạy đi chạy lại, không hề có một người nào ra thành hoặc chèo lên thành tiếp ứng.

Quân Tấn đã chửi bới liên mấy ngày cũng không hề nhìn thấy quân Nam Lương ở trong thành Ngụy Châu có phản ứng gì. Tình hình đó đã bắt đầu dẫn tới sự cảnh giác của Tấn vương Lý Tồn Húc. Điều đó, là sao vậy?

Tấn Vương lập tức sai kỵ binh tới ngoại thành trinh sát. Lính trinh sát rất nhanh chóng trở về. Chúng báo cáo rằng:

- Trong thành không thấy có lửa khói. Chỉ nhìn thấy những lá cờ của binh sĩ di động ở trên tường thành.

- Cái gì? Trong thành không có lửa khói à? - Lý Tồn Húc cảm thấy tình hình không hay rồi, thế nhưng đến lúc này mới tỉnh ngộ thì kể như là đã quá muộn

Thì ra, Lưu Tầm đóng binh ở Ngụy Châu đối địch với Lý Tồn Húc, chỉ nhìn thấy bộ đội chủ lực của quân Tấn đều điều tới ngoại thành Ngụy Châu, trù tính thấy sào huyệt cũ của hắn ở Thái Nguyên nhất định bỏ trống nên đã quyết định rút hết quân đội kéo về đánh úp Thái Nguyên. Nhưng công khai rút quân như thế, tất dẫn đến sự hoài nghi của quân Tấn. Đã nghĩ ra kế “ve vàng thoát xác”(1) mượn lửa tuần tra và cảnh giới giúp cho.

Trước tiên, Lưu Tầm cho binh lính dắt lừa lên trên tường thành, huấn luyện chúng đi đi lại lại như những vệ binh. Tiếp đó, Lưu Tầm lại cho các vệ binh dùng cỏ nuôi ngựa bệnh thành người cỏ, buộc ở trên lưng lừa, rồi cầm chắc cờ ở trên thân những người cỏ ấy. Lừa thổ những người cỏ cứ đi đi lại lại ở trên đỉnh tường thành để mê hoặc binh lính của địch, đồng thời, Lưu Tầm đã rút hết binh lính, người ngựa, không để lại một thứ gì.

Như vậy, đại bản doanh của Lý Tồn Húc đã bị quân đội của Lưu Tầm phá hủy trong sự yên lặng.

1. Dùng kế chạy trốn mà khiến cho đối phương không thể phát giác.

12. KHÉO DÙNG TRO, GÁT, ĐẬU

Năm 919 sau Công nguyên - Ngũ Đại, Hậu Lương, Chính Minh năm thứ năm.

Trên mặt sông Trường Giang, về phía nam Lạng Sơn ngày hôm ấy cờ xí tung bay phấp phới, trống trận thúc gấp đập dồn, một ngàn mấy trăm chiếc thuyền phân thành hai mặt đông tây, sắp sửa triển khai một trận chiến ác liệt.

Con trai của Ngô Việt Vương Tiền Lưu nhà Hậu Lương ở mặt phía tây, là Đại tướng quân Tiền Truyền Quán thống soái năm trăm chiếc chiến thuyền. Lần này, chàng phụng mệnh phụ vương đánh chiếm nước Ngô. Hôm ấy chính là dịp hội chiến đánh nhau với quân Ngô là Bành Ngạn Chương ở trên mặt sông Lạng Sơn.

Thống soái Bành Ngạn Chương của quân Ngô tham gia hội chiến lần này vốn là một viên tướng nổi tiếng là kiêu dũng, ngạo nghễ. Bành Ngạn Chương không coi Tiền Truyền Quán ra gì, huống hồ trong trận chiến đấu này hẳn đã chiếm trước được hai thế lợi: một là “Thiên thời” và hai là “Nhân hòa”.

Trên phương diện “Thiên thời”, hôm ấy trời đã nổi gió đông nam cực mạnh, các thuyền chiến của quân Ngô đã thuận lợi chiều gió, sức chiến đấu vô hình đã đột ngột tăng mạnh lên gấp mười lần. Trên phương diện “Nhân hòa”, Bành Ngạn Chương thống lĩnh chiến thuyền bao gồm một ngàn hai trăm chiếc, binh lực vượt quá quân địch gần gấp ba lần. Có được hai ưu thế này, đánh trận này, Bành Ngạn Chương còn có điều gì sợ hãi nữa?

- Tiền Lưu ơi, Tiền Lưu hỡi! Suốt đời người dùng binh xảo trá điêu ngoa, thế mà lần này lại dụng “Con bê non” thì quả là tính nước sai quá xá. Hạm đội của quân Ngô lợi gió vượt sông, phẳng phẳng xông tới đoàn thuyền địch.

- Thừa chủ soái! Đoàn chiến thuyền của quân ta trên đường tiến quân chưa hề gặp phải bất kỳ trở lực nào, bọn thuyền địch nhìn thấy đoàn thuyền

tiên phong của ta đã hoảng sợ chạy trốn rồi!

- Tốt lắm! Mở hết tốc độ nhanh lên!

Bành Ngạn Chương nghe được báo cáo như vậy sung sướng tới mức, nghĩ thầm: Quả không ngoài dự liệu của ta, Tiền Truyền Quán, hồi đưa con nít này chịu sao nổi một đòn của ta!

Thế nhưng, sau đó không lâu, Bành Ngạn Chương lại nghe được báo cáo của quân sĩ rằng:

- Thưa chủ soái! Thuyền địch hiện nay đã bắt đầu theo sau đuôi thuyền của chúng ta!

- Cái gì? Quân nhà Lương sao lại ở đằng sau chúng ta được?

Bành Ngạn Chương trèo lên trên chòi gác nhìn, thấy đội thuyền của quân Lương vừa mới chạy trốn ở bên sông, sau khi chờ cho quân Ngô kéo đến đã chuyển qua đằng sau quân Ngô. Tình thế lập tức xoay chuyển.

Không tốt rồi! Chúng ta có khả năng trúng vào kế sách của bọn địch rồi.

Bành Ngạn Chương ra lệnh điều đoàn chiến thuyền đi đầu giao chiến với quân Lương.

Thế nhưng, chờ cho quân Lương bày xong thế trận, đã thấy trên mặt sông tro cát bụi bay mù mịt, thuận theo chiều gió đánh ập lại đoàn thuyền của quân Ngô. Binh lính quân Ngô bị tro bụi làm mù mắt, sức chiến đấu suy yếu hẳn đi. Thì ra, đó là trận tro cát mù mịt mà quân Lương cố ý ném ra ở trên đầu ngọn gió.

Bành Ngạn Chương vội vã hạ lệnh:

Các thuyền áp sát, trèo lên thuyền địch mà đánh.

Thế nhưng, sau khi từng chiến thuyền áp sát vào thuyền địch, đã nhìn thấy binh sĩ quân Lương một mặt giao chiến giáp lá cà với quân Ngô, một mặt từ trong các khoang thuyền lấy ra từng bao tải một. Họ chia ra làm hai đoàn binh mã: Một đoàn chuyên ở trên thuyền mình ném tro cát, còn một đoàn chuyên rắc đậu xanh lên mạn thuyền địch. Chỉ nhìn thấy lính Ngô giẫm vào đậu xanh ở trên chiến thuyền cứ y như trượt trên băng tuyết, ngã nhào nhào; sức chiến đấu đã suy yếu đi nhanh chóng. Còn ở trên chiến

thuyền quân Lương, sau khi rắc cát xong, cho dù có giẫm trên bãi máu chảy lênh láng vẫn nhám ráp không trơn ngã, sức chiến đấu tăng lên gấp bội. Chính giữa lúc quân Ngô ngã dúi dụi, đứng không vững, các chiến thuyền co cụm lại một chỗ thì các binh sĩ quân Lương bắt đầu dùng hỏa công. Lửa mượn thế gió cháy trên mặt Trường Giang, hơn một ngàn chiến thuyền của quân Ngô chỉ trong phút chốc đã thành một biển lửa. Quân Lương thừa thắng tiến công, chém giết quân Ngô tan nát. Bành Ngạn Chương đã phải nhảy xuống sông tự vẫn.

13. MUỘN NƯỚC TRIỀU TIÊU DIỆT ĐỊCH

Một ngày trong năm 938 sau Công nguyên năm thứ ba Thiên Phúc Tấn Cao Tổ sau Ngũ Đại, trong phủ vua Nam Hán. -

(1) Vua Nam Hán là Lưu Yểm đang truyền đạt mệnh lệnh tác chiến cho quan tiên phong - chính là con trai của Lưu Hoảng Thao của mình:

- Hãy dẫn ba trăm chiến thuyền, theo con đường biển hỏa tốc tới Giao Châu để tăng cường viện trợ cho Giảo Công Tiễn (chữ theo từ điển Hán - Việt còn đọc là Hiệu: Hiệu Công Tiễn).

Vốn là, Giảo Công Tiễn - viên tướng ở Giao Châu, năm trước đã dùng thủ đoạn giết chết An Nam tiết độ sứ là Dương Đình Quang, rồi tước đoạt chức quan của Dương Đình Quang, nên đã kích động sự phẫn nộ của bộ tướng cũ của Dương Đình Quang; do đó, trong quân ở Giao Châu đã liên tiếp có những va chạm lớn nhỏ. Trước đó không lâu, một tướng cũ của Dương Đình Quang là

1. Chữ là do vua Nam Hán là Lưu Yểm tự đặt ra để đặt tên cho mình, có ý nghĩa là “con rồng của trời”.

Ngô Quyền đã khởi binh đánh lại Giảo Công Tiễn. Hai quân đội đã triển khai những cuộc chiến đấu ác liệt ở Giao Châu.

Do Giảo Công Tiễn thường ngày đối xử với binh sĩ vô cùng hà khắc và bạc ác; do đó, ngày đầu tiên Ngô Quyền khởi binh chống Giảo thì những binh sĩ không chịu nổi sự áp bức của Giảo Công Tiễn đã nhao nháo vứt bỏ vũ khí đầu hàng Ngô Quyền. Giảo Công Tiễn đành phải phái cử sứ giả dùng

nhiều vàng bạc hối lộ vua Nam Hán là Lưu Yểm, khẩn cầu ông ta cử binh tới cứu viện.

Sự cầu viện của Giảo Công Tiễn đối với Lưu Yểm mà nói thì quả thật là đúng với ý nguyện giấu kín trong lòng. Lưu Yểm nắm giữ binh quyền Nam Hán, từ lâu đã nung nấu thèm khát đối với Giao Châu chỉ khổ nỗi chưa có gì để kiếm cớ. Ngày nay, gặp cơ hội này sao có thể bỏ qua được. Tức thì Lưu Yểm vội vã gửi con trai là Lưu Hoảng Thao làm tiên phong, danh chính ngôn thuận kéo quân Giao Châu, còn bản thân thống soái đại quân ở sau điện. sang

Sùng Văn Sử Tiêu Ích lòng tràn đầy nỗi lo âu dâng lời can gián Lưu Yểm rằng:

- Tâu vương gia, quân ta hành động hấp tấp như thế này, liệu có thiếu sự chu toàn không? Mấy ngày hôm nay tiết trời âm u, mưa liên miên rả rích, có đến mười ngày liền không hừng nắng lên được. Đường biển đâu dễ như đi bộ, đường xa gió biển khôn lường. Hơn thế, Ngô Quyền từ trước tới nay ranh khôn nổi tiếng. Quân ta vạn nhất không thể mạo hiểm khinh địch được. Đại quân kéo đi phải nên dùng nhiều hướng đạo, sau đó hãy tiến quân mới gọi là thượng sách.

Lưu Yểm đã quyết định đánh Giao Châu, liền gạt đi

Không lâu sau, Hoảng Thao dẫn đội thuyền tiên phong kéo tới cửa biển Giao Châu. Quân do thám báo tin:

- Phía trước đã gặp phải thuyền của địch!

Hoảng Thao lập tức trèo lên chòi cao trên thuyền để quan sát, thì ra Ngô Quyền chỉ có vài chiến thuyền nhỏ đang chèo tới khiêu chiến với quân Nam Hán.

“Người ta cứ đem Ngô Quyền ra nói thành thần kỳ bí ẩn. Hôm nay xem ra, chẳng qua có vậy mà thôi!” - Lưu Hoảng Thao nghĩ như vậy.

Mệnh lệnh cho các thuyền, tăng tốc độ tiến lên.

Mấy con thuyền nhỏ của quân Ngô Quyền nhìn thấy đại đội thuyền của quân Nam Hán kéo tới khu giao chiến, liền điều động các con thuyền đi đầu

chạy trốn. Quân Nam Hán vừa thấy liền đuổi theo rất gấp, lòng muốn tiêu diệt hết.

Chính lúc quân Nam Hán đi sâu vào eo biển Giao Châu thì nước triều bắt đầu hạ xuống thấp, những cánh thuyền nhỏ của quân Ngô Quyền bơi thoăn thoắt liền mất hút. Thế nhưng chiến thuyền của quân Nam Hán xoay chuyển không thuận tiện, chính lúc chúng muốn quay mũi thuyền đột nhiên dưới đáy thuyền đụng phải vật rắn “lắc cắc”, toàn bộ con thuyền không động đậy được nữa.

Lúc này, quân đội của Ngô Quyền ẩn nấp ở bốn phía liền hăm hở xông ra. Chỉ trong nháy mắt, tiếng gào “giết! giết!” vang lên tứ phương. Các chiến thuyền của quân Nam Hán đối mặt với thế tiến công mạnh mẽ của quân Ngô Quyền, đành phải đứng trơ ra đó chịu đòn trừng phạt, quá nửa số binh sĩ rơi xuống nước chết chìm. Lưu Hoằng Thao cũng bỏ mạng.

Thì ra, quân Ngô Quyền đã sớm biết tin quân Nam Hán sẽ tiến công liền lợi dụng quy luật nước triều dâng lên và hạ xuống, bày sẵn thế trận đóng cọc gỗ đầu bịt sắt nhọn ở eo biển, cố ý dùng thuyền nhỏ nhẹ lừa dẫn quân địch đi sâu vào vòng phục kích, chỉ giáng một đòn đã đánh bại hoàn toàn quân Nam Hán. i

14. DỰ HẠO XÂY THÁP

Ngô Việt Vương Tiền Lưu cuối thời Ngũ Đại khi chiếm giữ Triết Đông, Triết Nam đã xây dựng một ngôi tháp gỗ ở chùa Phạn Thiên. Vừa dựng xong được hai, ba tầng, Tiền Lưu đã trèo lên tháp quan sát thưởng thức, nhưng đã phát hiện ra tháp lung lay, liền hỏi kiến trúc sư xem nguyên nhân gì?

Kiến trúc sư nói:

Đó là vì chưa dựng xong hoàn hảo, trên mái chưa lợp ngói, đỉnh tháp nhẹ, cho nên còn bị lung lay.

Tiền Lưu ra lệnh cho người lợp ngói lên, thế nhưng tháp gỗ vẫn lung lay như trước. Vị kiến trúc sư kia lo lắng không biết phải làm sao, đành phải tới thỉnh cầu Dự Hạo - người thợ tài ba nổi tiếng.

Dụ Hạo nói:

- Ngôi tháp này rất dễ cố định chắc chắn, chỉ khi cần lần lượt từng tầng dùng ván gỗ đóng đinh chắc chắn là được!

Kiến trúc sư dựng tháp nói:

- Vì sao vậy?

Dụ Hạo nói:

- Ván gỗ đóng chắc chắn từ trên xuống dưới, sáu mặt liên kết; nứu chậu nhau lại giống như ván thành của một chiếc hòm vậy. Người đi đứng bên trên, bên dưới và bốn phía nứu kéo lẫn nhau, đương nhiên là sẽ không lung lay nữa.

Kiến trúc sư làm theo chủ ý của Dụ Hạo, quả nhiên đã khiến cho tháp gỗ ổn định chắc chắn. Tiếng tăm của Dụ Hạo càng vang dội khắp bốn phương.

Năm đầu Bắc Tống, Tống Thái Tông đã tiêu diệt Tiền Lưu, hủy diệt cả chính quyền cát cứ xây dựng ở một vùng Lương Triết vào năm 978 sau Công nguyên. Để cầu xin thần linh bảo hộ cho nền thống trị của mình, năm 981 sau Công nguyên, Tống Thái Tông quyết định xây dựng một tòa tháp gỗ cỡ lớn ở Biện Lương Đông Kinh. Dụ Hạo được chửng triệu vào kinh đô, nhận mệnh lệnh phụ trách thiết kế và thi công xây dựng tòa tháp gỗ ấy.

Năm 989 sau Công nguyên, một tòa bảo tháp hình bát giác ngạo nghễ đứng sừng sững ở chùa Khai Bảo. Lúc đó, các đại quan quý nhân và muôn dân trăm họ của Đông Kinh từ bốn phương tám hướng đổ về để chiêm ngưỡng tư thế hùng vĩ của bảo tháp.

- Trời ơi! Tòa bảo tháp cao vút ngạo nghễ trên không trung, tô điểm hoa lệ, cao tới 120 thước, cả thảy 13 tầng, là ngôi bảo tháp cao nhất, mỹ quan nhất của kinh đô. Thế nhưng, điểm thiếu sót trong sự lộng lẫy đó là ngôi bảo tháp hơi có vẻ nghiêng nghiêng chệch về phía hướng tây bắc.

Một vị đại quan tìm Dụ Hạo tới, trách hỏi vì sao lại thiết kế bảo tháp như vậy?

Dụ Hạo cười, trả lời:

- Tôi có chủ ý thiết kế thành kiểu dáng như vậy đó.

- Vì sao vậy?

Dụ Hạo giải thích:

Vùng kinh thành này địa hình bằng phẳng, bốn phía chẳng có núi non, lại thường xuyên có gió tây bắc. Nếu thân tháp thẳng đứng dưới áp lực của gió tây bắc, thì ngôi tháp sẽ có thể nghiêng về hướng đông nam, nhất định sẽ đổ. Nay tôi thiết kế ngôi tháp hơi nghiêng chếch về tây bắc, cốt là để chống lại lực gió thời gian chưa đầy một trăm năm, ngôi tháp tự nhiên sẽ bị gió tây bắc thổi cho đứng thẳng.

Vị đại quan kia nghĩ:

- Đúng đó, sức gió cũng là một mức độ trọng tải sống, không được phép bỏ quên trong thiết kế xây dựng công trình gỗ cao tầng!

Mọi người ở bên cạnh cũng đều trầm trồ ca ngợi Dụ Hạo suy nghĩ thật vô cùng chu đáo.

Có một điều đáng tiếc là, năm thứ tư Khánh Lịch Tống Nhân Tông - năm 1044, bảo tháp chùa Khai Bảo đã bị một trận lửa đốt cháy sạch sẽ!